

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Nguyễn Thị Ngọc Ánh
Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Văn Tĩnh**

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
GIAO THÔNG CÔNG CHÍNH HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Ngọc Ánh
Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Văn Tĩnh**

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Mã SV: 120690

Lớp: QT1204K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông công chính Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH	3
1.1 Cơ sở lý luận doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	3
1.1.1 Doanh thu:	3
1.1.1.1 Khái niệm	3
1.1.1.2 Một số quy định cần tôn trọng khi hạch toán doanh thu.....	3
1.1.1.3 Các loại doanh thu.....	4
1.1.1.4 Các yếu tố ảnh hưởng tới doanh thu.	5
1.1.2 Chi phí hoạt động kinh doanh	5
1.1.2.1 Khái niệm	5
1.1.2.2 Một số quy định hạch toán các tài khoản chi phí cần tôn trọng.	6
1.1.2.3 Các loại chi phí.....	6
1.1.3 Kết quả kinh doanh	7
1.1.3.1 Khái niệm	7
1.1.3.2 Cách xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	7
1.1.3.3 Ý nghĩa của kết quả kinh doanh.....	8
1.1.4 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.	8
1.2 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	8
1.2.1 Kế toán doanh thu	8
1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	8
1.2.1.2 Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ	14
1.2.1.3 Các khoản giảm trừ doanh thu	15
1.2.1.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	19
1.2.1.5 Kế toán thu nhập khác.....	21
1.2.2 Kế toán chi phí	24
1.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán.....	24
1.2.2.2 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.	25

1.2.2.3 Kế toán chi phí tài chính.	28
1.2.2.4 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	30
1.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	33
1.2.4. Mô hình tổng hợp kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh	35
CHƯƠNG II CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG CÔNG CHÍNH HẢI PHÒNG.....	
2.1 Giới thiệu khái quát về công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông công chính Hải Phòng	37
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển	37
2.1.1.1 Quá trình hình thành.....	37
2.1.1.2 Quá trình phát triển	39
2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty	43
2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTCC Hải Phòng	48
2.1.3.1 Cơ cấu tổ chức kế toán.....	48
2.1.3.2 Các chính sách tài chính.....	52
2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Tư vấn đầu Tư và Xây dựng GTCC Hải Phòng (TCIC) năm 2011.....	52
2.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu.....	52
2.2.1.1 Khái quát về các loại doanh thu ở TCIC.....	52
2.2.1.2 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	53
2.2.1.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	63
2.2.1.4 Kế toán các khoản thu nhập khác.....	67
2.2.2 Kế toán chi phí tại TCIC	68
2.2.2.1 Các loại chi phí ở công ty:	68
2.2.2.2 Kế toán giá vốn	68
2.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	82

2.2.2.4 Kế toán chi phí khác.....	94
2.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	95
2.2.3.1 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	95
2.2.3.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	96
2.2.4 Hạch toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	103
CHƯƠNG III MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG GTCC HẢI PHÒNG	105
3.1 Những nhận xét, đánh giá về sản xuất kinh doanh, tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán và công tác hạch toán kế toán ở TCIC.	105
3.1.1 Những ưu điểm.....	105
3.1.2. Những điểm thiếu sót còn tồn tại	107
3.1.3 Nguyên nhân của những tồn tại, thiếu sót.....	110
3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng GTCC Hải Phòng.....	111
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	111
3.2.2 Mục đích yêu cầu, nguyên tắc, phạm vi, thời gian hoàn thiện	111
3.2.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng GTCC Hải Phòng.....	112
KẾT LUẬN	118

LỜI MỞ ĐẦU

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp luôn hướng tới sự phát triển mạnh mẽ hơn trong tương lai. Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có mối quan hệ mật thiết với nhau. Doanh thu thể hiện số tiền đã thu và sẽ thu được. Chi phí là số tiền doanh nghiệp bỏ ra để phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh như: chi phí mua hàng, bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, v.v... Doanh thu, kết quả kinh doanh thể hiện số tiền doanh nghiệp thu được sau khi lấy doanh thu trừ đi tất cả chi phí. Mục tiêu xuyên suốt quá trình hoạt động kinh doanh của mọi doanh nghiệp là chênh lệch giữa doanh thu với chi phí ngày càng lớn, kết hợp tạo lòng tin từ khách hàng nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu đó, doanh nghiệp phải tìm mọi cách tăng doanh thu, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, dịch vụ. Vì vậy, việc quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò vô cùng quan trọng, góp phần vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Nhận thức được điều đó, sau thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTCC Hải Phòng, được sự chỉ bảo tận tình của cán bộ nhân viên phòng Kế toán tài chính, em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu thực tế doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Qua đó, em đã có những nhận thức rõ ràng và cụ thể hơn về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng như tầm quan trọng của việc kiểm soát doanh thu, chi phí trong sự phát triển của doanh nghiệp. Chính vì vậy em đã lựa chọn đề tài **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông công chính Hải Phòng”** cho khóa luận tốt nghiệp của bản thân.

Khóa luận sẽ tập trung làm rõ tình hình kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông công chính Hải Phòng trong niên độ kế toán năm 2011. Ngoài mở đầu và kết luận, khóa luận được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông công chính Hải Phòng

Chương 3: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông công chính Hải Phòng

CHƯƠNG I

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1 Cơ sở lý luận doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1 Doanh thu:

1.1.1.1 Khái niệm

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động SXKD thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu.

1.1.1.2 Một số quy định cần tôn trọng khi hạch toán doanh thu

(1) Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong Chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” và các Chuẩn mực kế toán khác có liên quan.

(2) Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải theo nguyên tắc phù hợp. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

(3) Chỉ ghi nhận doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, khi thoả mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

(4) Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn đồng thời bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(5) Khi hàng hoá hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu.

(6) Doanh thu phải được theo dõi riêng biệt theo từng loại doanh thu: Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia. Trong từng loại doanh thu lại được chi tiết theo từng khoản doanh thu, như doanh thu bán hàng có thể được chi tiết thành doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, . . . nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh theo yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và lập báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

(7) Nếu trong kỳ kế toán phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì phải được hạch toán riêng biệt. Các khoản giảm trừ doanh thu được tính trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của kỳ kế toán.

(8) Về nguyên tắc, cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải xác định kết quả hoạt động SXKD. Toàn bộ doanh thu thuần thực hiện trong kỳ kế toán được kết chuyển vào Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh. Các tài khoản thuộc loại tài khoản doanh thu không có số dư cuối kỳ.

1.1.1.3 Các loại doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Doanh thu nội bộ: phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị

trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

- Doanh thu hoạt động tài chính: phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

1.1.1.4 Các yếu tố ảnh hưởng tới doanh thu.

a. Các yếu tố làm tăng doanh thu.

- Giá bán của sản phẩm trong kỳ kinh doanh tăng lên.
- Số lượng sản phẩm tiêu thụ trong kỳ kinh doanh tăng lên.

b. Các yếu tố làm giảm doanh thu hay các khoản giảm trừ doanh thu.

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh bán ra, thu hồi nhanh chóng tiền hàng, doanh nghiệp cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng. Nếu khách hàng mua với khối lượng hàng hóa lớn sẽ được doanh nghiệp giảm giá, nếu khách hàng thanh toán sớm tiền hàng sẽ được doanh nghiệp chiết khấu, còn nếu hàng hóa của doanh nghiệp kém phẩm chất thì khách hàng có thể không chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá. Các khoản này sẽ làm giảm doanh thu.

- Chiết khấu thương mại là số tiền doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

- Giảm giá hàng bán là số tiền doanh nghiệp phải trả lại cho khách hàng trong trường hợp hàng bán đã viết theo giá bình thường, hàng đã được xác định là bán nhưng do chất lượng kém, khách hàng yêu cầu giảm giá và doanh nghiệp đã chấp nhận hoặc do khách hàng mua với khối lượng hàng hóa lớn, doanh nghiệp giảm giá.

Trị giá hàng bị trả lại là số tiền doanh nghiệp phải trả lại cho khách hàng trong trường hợp hàng đã được xác định là bán nhưng do chất lượng quá kém, khách hàng phải trả lại số hàng đó.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhập khẩu phải nộp của số hàng đã bán.

1.1.2 Chi phí hoạt động kinh doanh

1.1.2.1 Khái niệm

Chi phí là các hao phí về nguồn lực để doanh nghiệp đạt được một hoặc những mục tiêu cụ thể. Hay nói cách khác chi phí là số tiền phải trả để thực hiện các hoạt

động kinh tế như sản xuất, giao dịch, v.v... nhằm mua được các loại hàng hóa, dịch vụ cần thiết cho quá trình sản xuất, kinh doanh.

1.1.2.2 Một số quy định hạch toán các tài khoản chi phí cần tôn trọng.

a) Mỗi doanh nghiệp, mỗi đơn vị kế toán chỉ có thể áp dụng một trong hai phương pháp hạch toán hàng tồn kho, hoặc phương pháp kê khai thường xuyên, hoặc phương pháp kiểm kê định kỳ. Khi doanh nghiệp đã lựa chọn phương pháp hạch toán hàng tồn kho nào để áp dụng tại doanh nghiệp, thì phương pháp đó phải được áp dụng nhất quán ít nhất trong một niên độ kế toán.

b) Đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ: cuối kỳ kế toán phải tiến hành kiểm kê để xác định giá trị thành phẩm, hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ. Trên cơ sở kết quả kiểm kê xác định giá trị hàng tồn kho đầu kỳ, cuối kỳ, và trị giá hàng hoá, vật tư mua vào trong kỳ để xác định trị giá vật tư, hàng hoá xuất sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh và trị giá vốn của hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đã xuất bán trong kỳ.

c) Đối với các tài khoản dùng để tổng hợp chi phí sản xuất, kinh doanh và tính giá thành sản phẩm, dịch vụ như Tài khoản 154 “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang” (Theo phương pháp kê khai thường xuyên), Tài khoản 631 “Giá thành sản xuất” (Theo phương pháp kiểm kê định kỳ) thì ngoài việc hạch toán tổng hợp, còn phải hạch toán chi tiết theo nơi phát sinh chi phí: Phân xưởng, tổ, đội sản xuất, bộ phận sản xuất, theo sản phẩm, nhóm sản phẩm, dịch vụ, . . .

Đối với những chi phí sản xuất, kinh doanh không có khả năng hạch toán trực tiếp vào các đối tượng chịu chi phí như: Chi phí sản xuất chung, chi phí tưới tiêu nước, chi phí chuẩn bị đất và trồng mới năm đầu của những cây trồng một lần thu hoạch nhiều lần, thì trước hết phải tập hợp các chi phí này vào tài khoản tập hợp chi phí, sau đó tiến hành phân bổ chi phí sản xuất, kinh doanh đã tập hợp cho các đối tượng chịu chi phí theo các tiêu thức phù hợp.

1.1.2.3 Các loại chi phí

- Chi phí mua hàng: phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ.

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp: được sử dụng trực tiếp để sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ trong kỳ sản xuất, kinh doanh. Chi phí nguyên liệu, vật liệu phải tính theo giá thực tế khi xuất sử dụng.

- Chi phí nhân công trực tiếp: phản ánh chi phí nhân công trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh .

- Chi phí sản xuất chung: phản ánh chi phí phục vụ sản xuất, kinh doanh chung phát sinh ở phân xưởng, bộ phận, đội, công trường, . . . phục vụ sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ.

- Chi phí giá thành: phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn, . . . trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

- Chi phí giá vốn: phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

- Chi phí tài chính: phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn...

- Chi phí bán hàng: phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, . . .); BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp....

- Chi phí khác.

1.1.3 Kết quả kinh doanh

1.1.3.1 Khái niệm

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

1.1.3.2 Cách xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi

phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Công thức xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{DT}_{\text{thuần}} - \text{Chi phí (giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí QLDN...)}$$

1.1.3.3 Ý nghĩa của kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ tức là có hiệu quả hay chưa có hiệu quả. Điều này giúp cho nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.4 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.

- *Nhiệm vụ của kế toán doanh thu:*

Kế toán doanh thu ghi chép, phản ánh, hạch toán chính xác doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ nhằm xác định đúng đắn kết quả kinh doanh.

- *Nhiệm vụ của kế toán chi phí:*

Kế toán chi phí hàng ngày ghi chép, phản ánh, hạch toán chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng cụ thể: chi phí bán hàng, chi phí quản lý, chi phí khác... nhằm xác định đúng đắn kết quả kinh doanh.

- *Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh*

Kế toán xác định kết quả kinh doanh ghi chép, phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; từ đó tính toán, kết chuyển chính xác doanh thu thuần, chi phí nhằm kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có độ tin cậy cao.

1.2 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1 Kế toán doanh thu

1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) *Chứng từ, sổ sách sử dụng:*

- Chứng từ :
 - + Giấy báo có ngân hàng
 - + Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - + Phiếu xuất kho(nếu có), Phiếu thu

- + Các chứng từ khác có liên quan
 - Sổ sách:
- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 511
- + Chi tiết TK511
- + Bảng cân đối số phát sinh
- + Báo cáo tài chính

b) Kết cấu tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng **TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động SXKD từ các giao dịch và các nghiệp vụ:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bất động sản đầu tư;

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động. . .

** Đối với doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:*

- Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng;
- Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy;
 - Doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ, ví dụ:
 - + Nhà thầu và khách hàng có thể đồng ý với nhau về các thay đổi và các yêu cầu làm tăng hoặc giảm doanh thu của hợp đồng trong kỳ tiếp theo so với hợp đồng được chấp thuận lần đầu tiên;
 - + Doanh thu đã được thoả thuận trong hợp đồng với giá cố định có thể tăng vì lý do giá cả tăng lên;
 - + Doanh thu theo hợp đồng có thể bị giảm do nhà thầu không thực hiện đúng tiến độ hoặc không đảm bảo chất lượng xây dựng theo thoả thuận trong hợp đồng;
 - + Khi hợp đồng với giá cố định quy định mức giá cố định cho một đơn vị sản phẩm hoàn thành thì doanh thu theo hợp đồng sẽ tăng hoặc giảm khi khối lượng sản phẩm tăng hoặc giảm.

- Khoản tiền thưởng là các khoản phụ thêm trả cho nhà thầu nếu nhà thầu thực hiện hợp đồng đạt hay vượt mức yêu cầu. Khoản tiền thưởng được tính vào doanh thu của hợp đồng xây dựng khi có đủ 2 điều kiện:

+ Chắc chắn đạt hoặc vượt mức một số tiêu chuẩn cụ thể đã được ghi trong hợp đồng;

+ Khoản tiền thưởng được xác định một cách đáng tin cậy.

- Một khoản thanh toán khác mà nhà thầu thu được từ khách hàng hay một bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá hợp đồng. Ví dụ: Sự chậm trễ do khách hàng gây nên; Sai sót trong các chỉ tiêu kỹ thuật hoặc thiết kế và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng. Việc xác định doanh thu tăng thêm từ các khoản thanh toán trên còn tùy thuộc vào rất nhiều yếu tố không chắc chắn và thường phụ thuộc vào kết quả của nhiều cuộc đàm phán. Do đó, các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu của hợp đồng xây dựng khi:

+ Các cuộc thoả thuận đã đạt được kết quả là khách hàng sẽ chấp thuận bồi thường;

+ Khoản thanh toán khác được khách hàng chấp thuận và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

• *Ghi nhận doanh thu của hợp đồng xây dựng theo 1 trong 2 trường hợp sau:*

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hoá đơn là bao nhiêu;

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hoá đơn đã lập.

• Khi kết quả của hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng xây dựng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;

- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

* Kết cấu tài khoản 511

TK511

<ul style="list-style-type: none">- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	<ul style="list-style-type: none">- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
--	--

TK 511 không có số dư cuối kỳ

TK511 có 5 tài khoản cấp 2:

- TK 5111 - Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

c) Phương pháp hạch toán

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán.

- Doanh thu thuần được xác định:

Doanh thu thuần	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Chiết khấu thương mại	-	Doanh thu hàng bán bị trả lại	-	Doanh thu giảm giá	-	Thuế XK, thuế TTĐB phải nộp NSNN, thuế GTGT phải nộp (đơn vị áp dụng phương pháp trực tiếp)
-----------------	---	--	---	-----------------------	---	-------------------------------	---	--------------------	---	---

- Không hạch toán vào Tài khoản 511 các trường hợp sau:

+ Trị giá hàng hoá, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cung cấp giữa công ty, Tổng công ty với các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

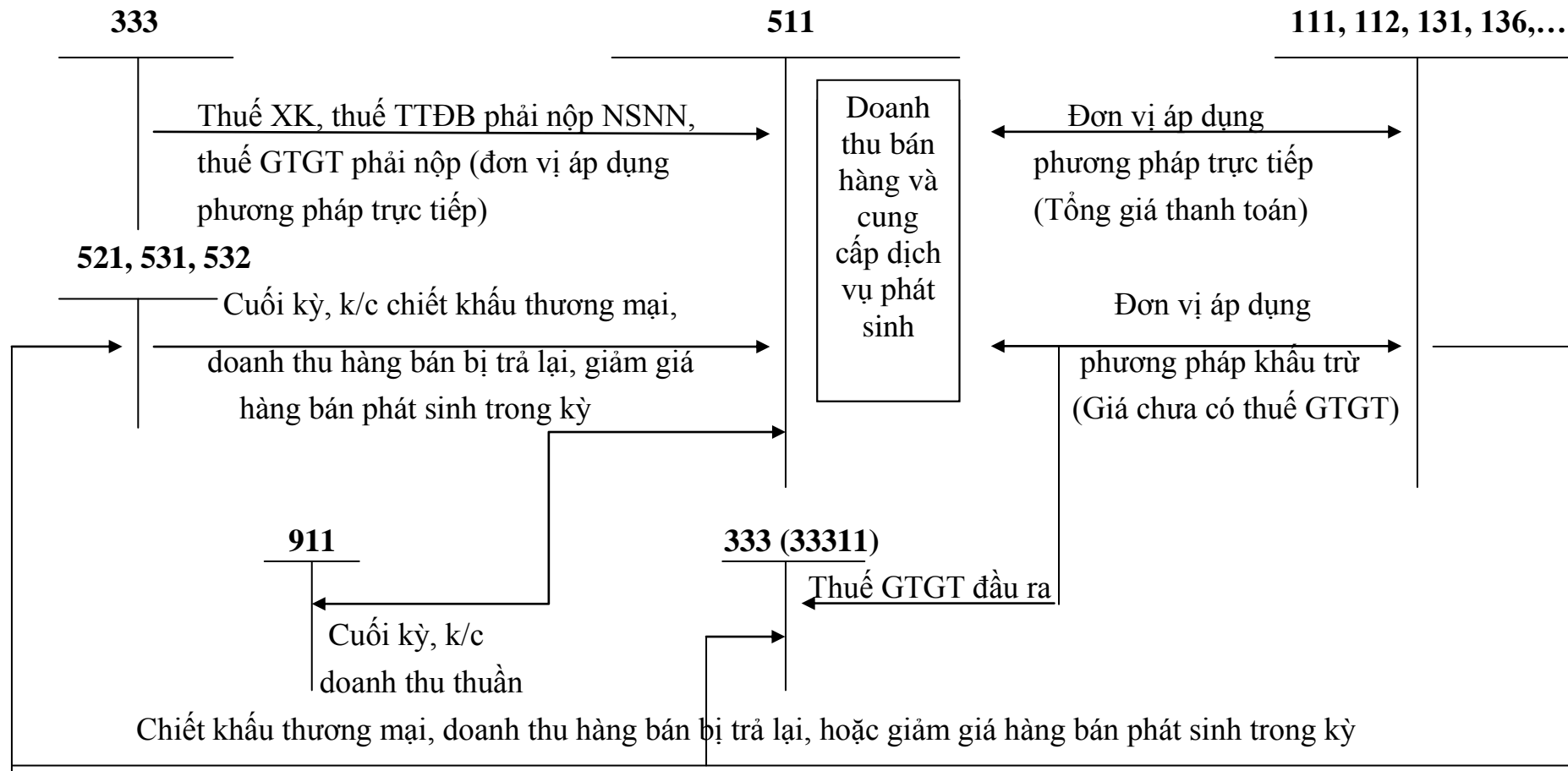
+ Trị giá sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ cung cấp cho nhau giữa Tổng công ty với các đơn vị thành viên.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hoá đang gửi bán; dịch vụ hoàn thành đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được xác định là đã bán.

+ Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán đại lý, ký gửi (Chưa được xác định là đã bán).

+ Doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ như sau:



1.2.1.2 Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ

a) Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Chứng từ :
- + Hóa đơn bán hàng nội bộ
- + Phiếu xuất kho
- + Phiếu thu
- + Các chứng từ có liên quan

- Sổ sách:

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 512
- + Chi tiết TK512

b) Kết cấu tài khoản sử dụng:

- Kế toán sử dụng **tài khoản 512 - doanh thu bán hàng nội bộ** để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá nội bộ.

- Kết cấu tài khoản 512

TK512

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ;

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần sang TK 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

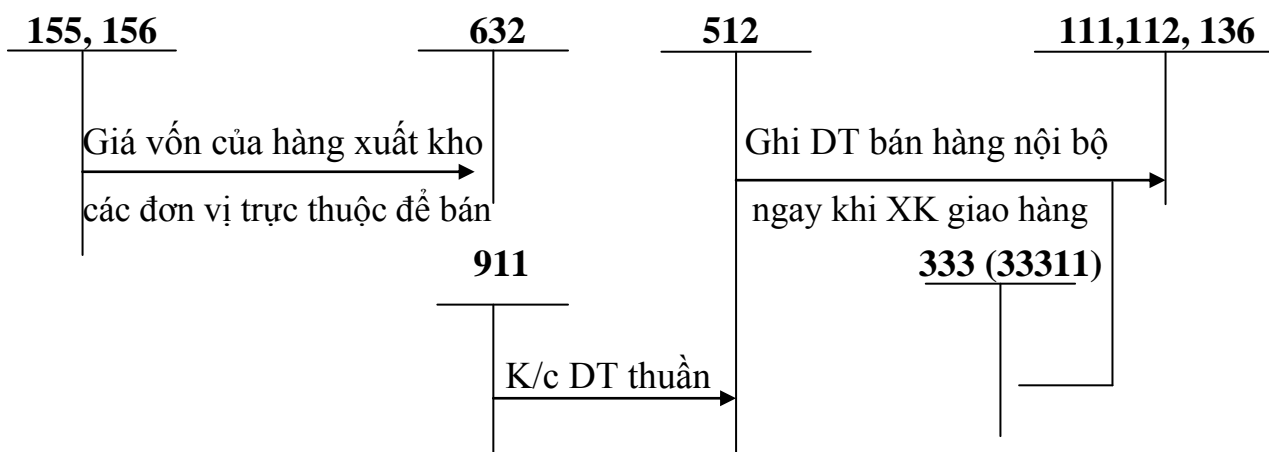
- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 512 không có số dư cuối kỳ

TK 512 có 3 tài khoản cấp 2

- TK 5121 - Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

c) Phương pháp hạch toán:



1.2.1.3 Các khoản giảm trừ doanh thu

a) Chiết khấu thương mại

- Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng tài khoản 521 – chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- Kết cấu TK521

TK521

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

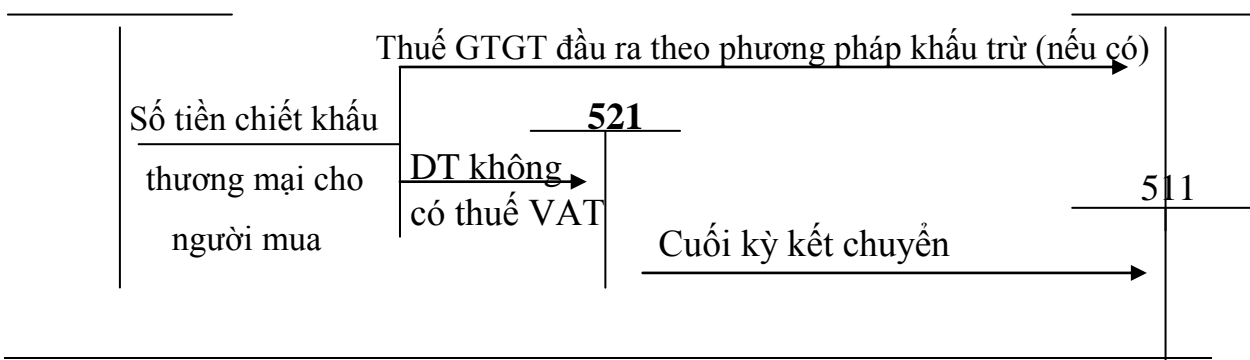
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

TK 521 không có số dư cuối kỳ

- Phương pháp hạch toán

111, 112, 131...

333 (33311)



b) Hàng bán bị trả lại

• *Tài khoản sử dụng:*

Kế toán sử dụng *tài khoản 531 - hàng bán bị trả lại* để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị hàng bán bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán ra trong kỳ báo cáo.

• *Kết cấu TK521*

TK531

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

TK 531 không có số dư cuối kỳ

• *Phương pháp hạch toán*

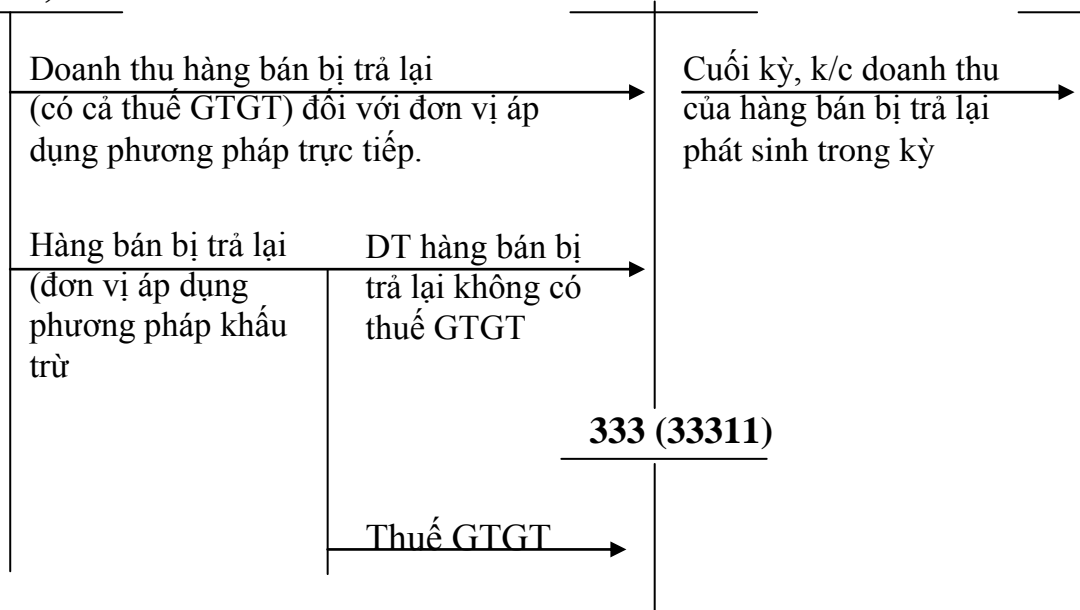
Tài khoản 531 phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại (Tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn) và số lượng hàng trả lại. Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào TK641 “Chi phí bán hàng”.

• *Sơ đồ hạch toán:*

111, 112, 131

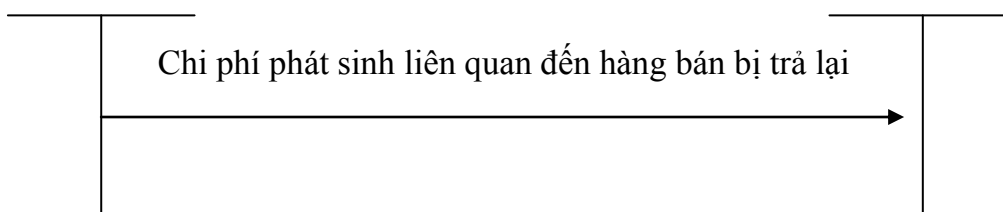
531

511, 512



111, 112

641



c) Giảm giá hàng bán

- Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng tài khoản tài khoản 532 – giảm giá hàng bán để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

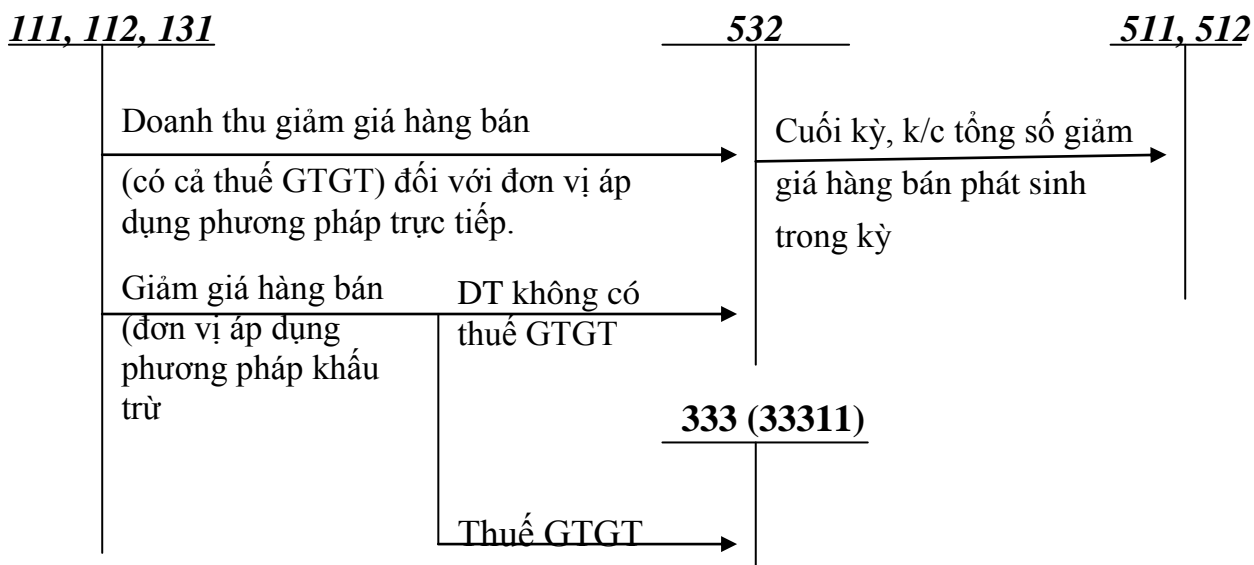
- Kết cấu tài khoản 532

TK532

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.	- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản “Doanh thu bán hàng nội bộ”.
---	--

TK 532 không có số dư cuối kỳ

- Phương pháp hạch toán



d) Kế toán thuế TTĐB, thuế xuất nhập khẩu phải nộp

(*) Kế toán thuế TTĐB

- Cách tính:

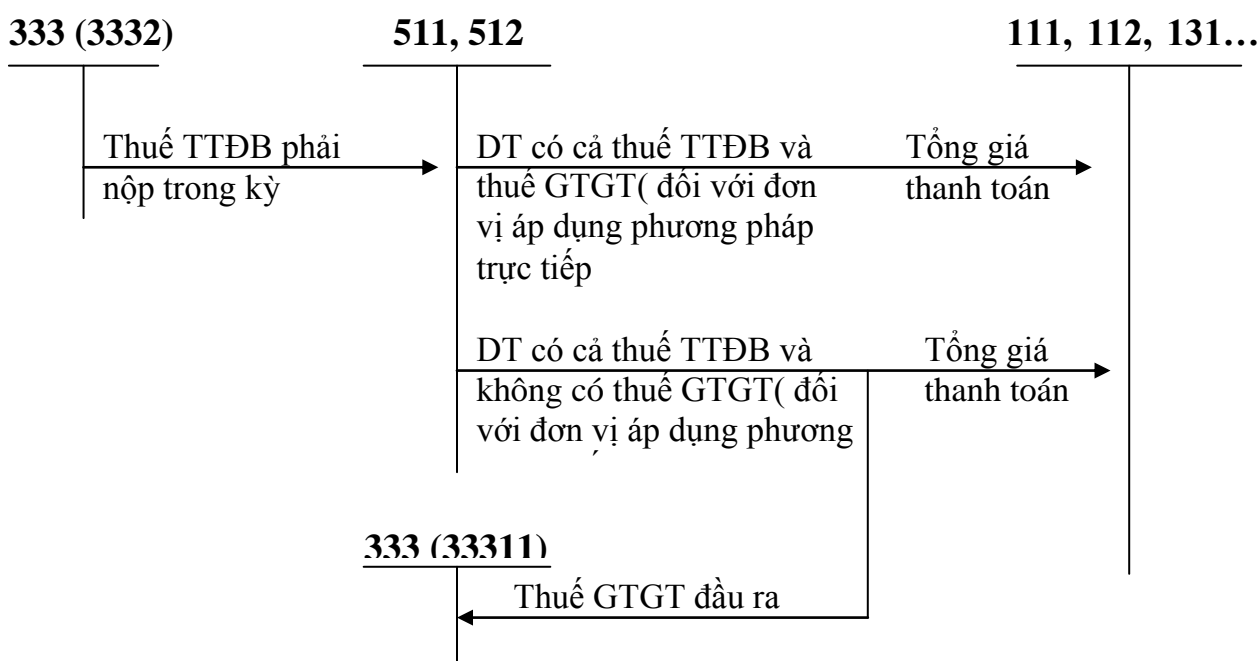
- Số thuế TTĐB phải nộp = Giá tính thuế TTĐB x Thuế suất thuế TTĐB

- Đối với hàng hóa sản xuất trong nước: Giá tính thuế TTĐB là giá do doanh nghiệp sản xuất bán ra chưa có thuế TTĐB và chưa có thuế GTGT được xác định cụ thể như sau:

Giá tính thuế TTĐB = Giá bán chưa có thuế GTGT / (1 + thuế suất thuế TTĐB)

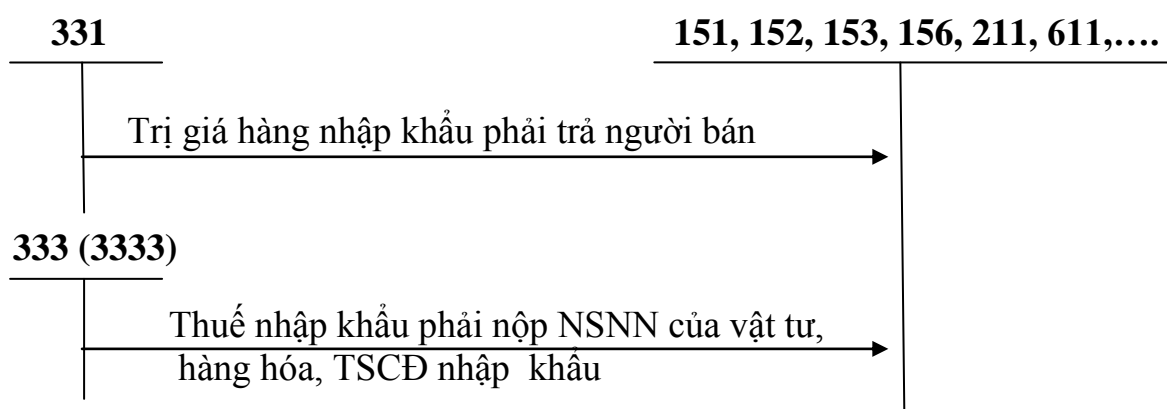
- Phương pháp hạch toán:

Kế toán sử dụng tài khoản 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt để phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.



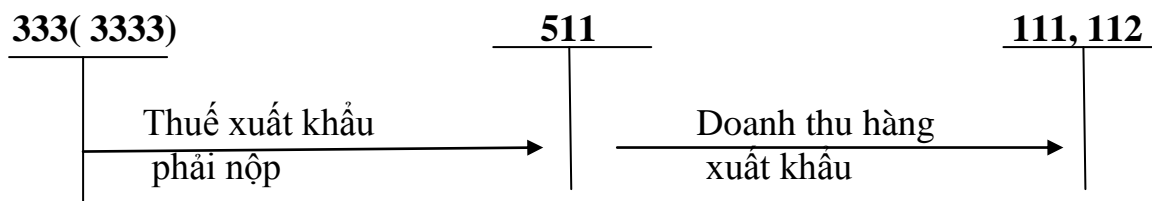
(*) *Kế toán thuế xuất, nhập khẩu*

- Kế toán sử dụng tài khoản 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu để phản ánh số thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.
- Phương pháp hạch toán:
 - Kế toán thuế nhập khẩu:



Thuế nhập khẩu phải nộp NSNN được tính vào giá trị vật tư, hàng hóa, TSCĐ nhập khẩu.

- Kế toán thuế xuất khẩu:



1.2.1.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a) *Chứng từ, sổ sách sử dụng*

- Chứng từ:
 - + Giấy báo có ngân hàng, sổ chi tiết, sổ phụ ngân hàng
 - + Phiếu thu và các chứng từ có liên quan
- Sổ sách:
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái TK 515
 - + Sổ chi tiết tài khoản 515

b) Tài khoản sử dụng:

• Kế toán sử dụng **TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính** để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ; . .

- Cổ tức lợi nhuận được chia;

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

- Lãi tỷ giá hối đoái;

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

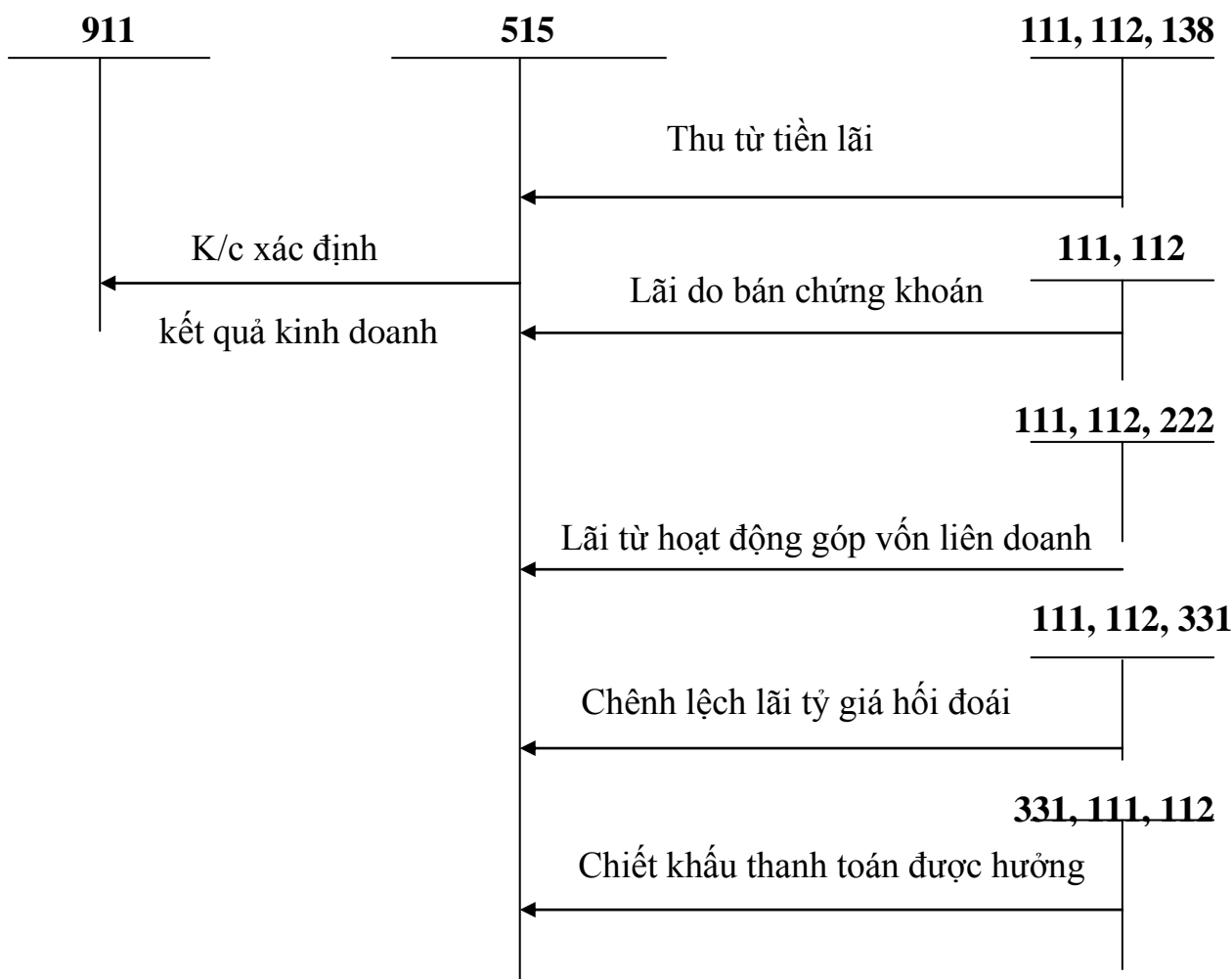
• Kết cấu tài khoản 515

TK515

<p>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);</p> <p>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.</p>	<p>- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;</p> <p>- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;</p> <p>- Chiết khấu thanh toán được hưởng;</p> <p>- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;</p> <p>- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;</p> <p>- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;</p> <p>- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính;</p> <p>- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.</p>
--	---

TK 515 không có số dư cuối kỳ

c) Phương pháp hạch toán:



1.2.1.5 Kế toán thu nhập khác.

a) Chứng từ, sổ sách

* Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

* Sổ sách sử dụng:

- Nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản 711, 811
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

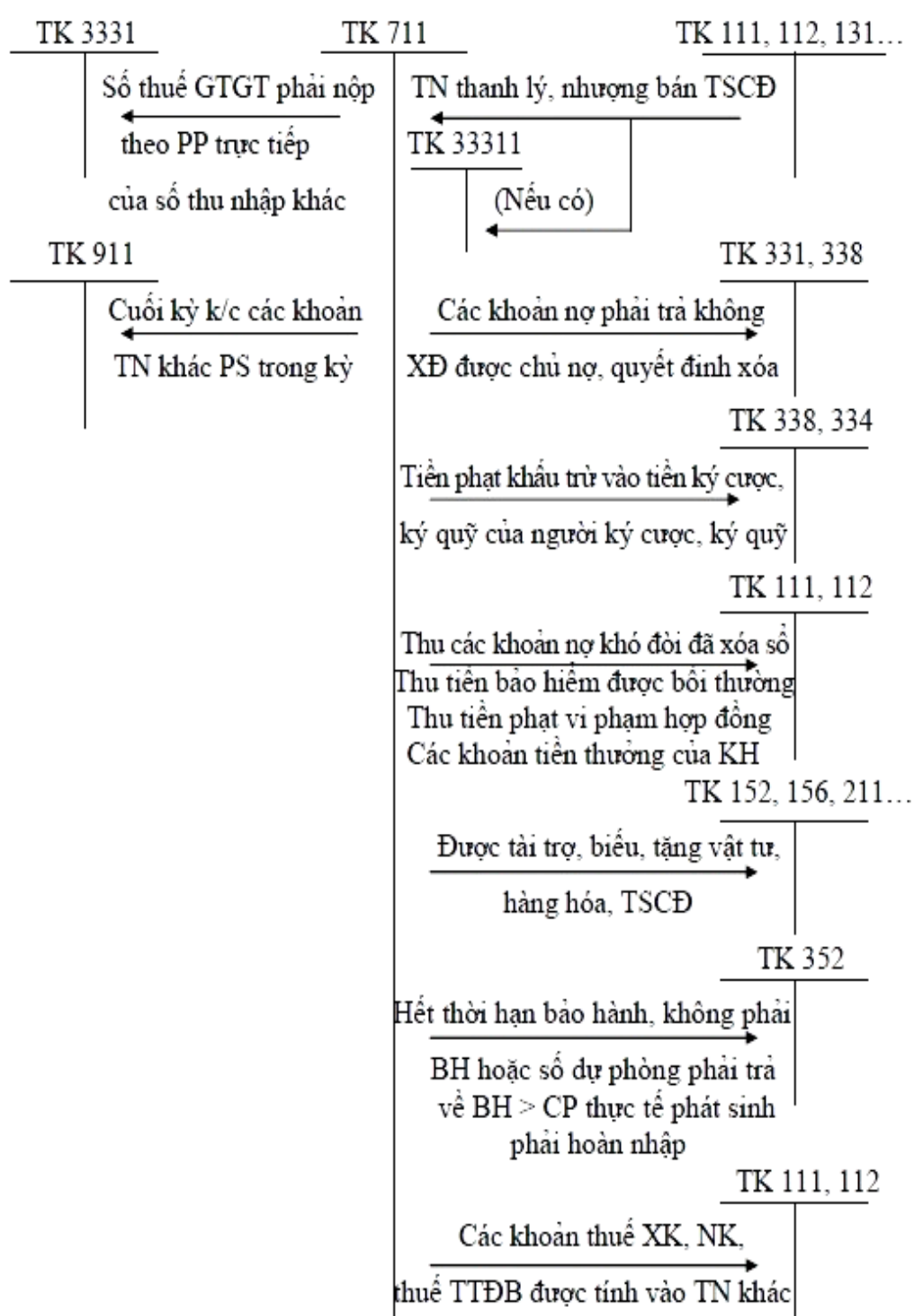
b) Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng **Tài khoản 711 – Thu nhập khác** để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

c) Phương pháp hạch toán



1.2.2 Kế toán chi phí

1.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán

a) Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Chứng từ:
- + Bảng kê hàng hóa bán ra
- + Phiếu nhập kho
- + Phiếu xuất kho
- + Hóa đơn bán hàng hóa dịch vụ
- Sổ sách:
- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK632, TK911
- + Bảng cân đối số phát sinh
- + Báo cáo tài chính

b) Kết cấu tài khoản sử dụng

* Kế toán sử dụng **tài khoản 632- Giá vốn bán hàng** để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (Đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (Trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư. . .

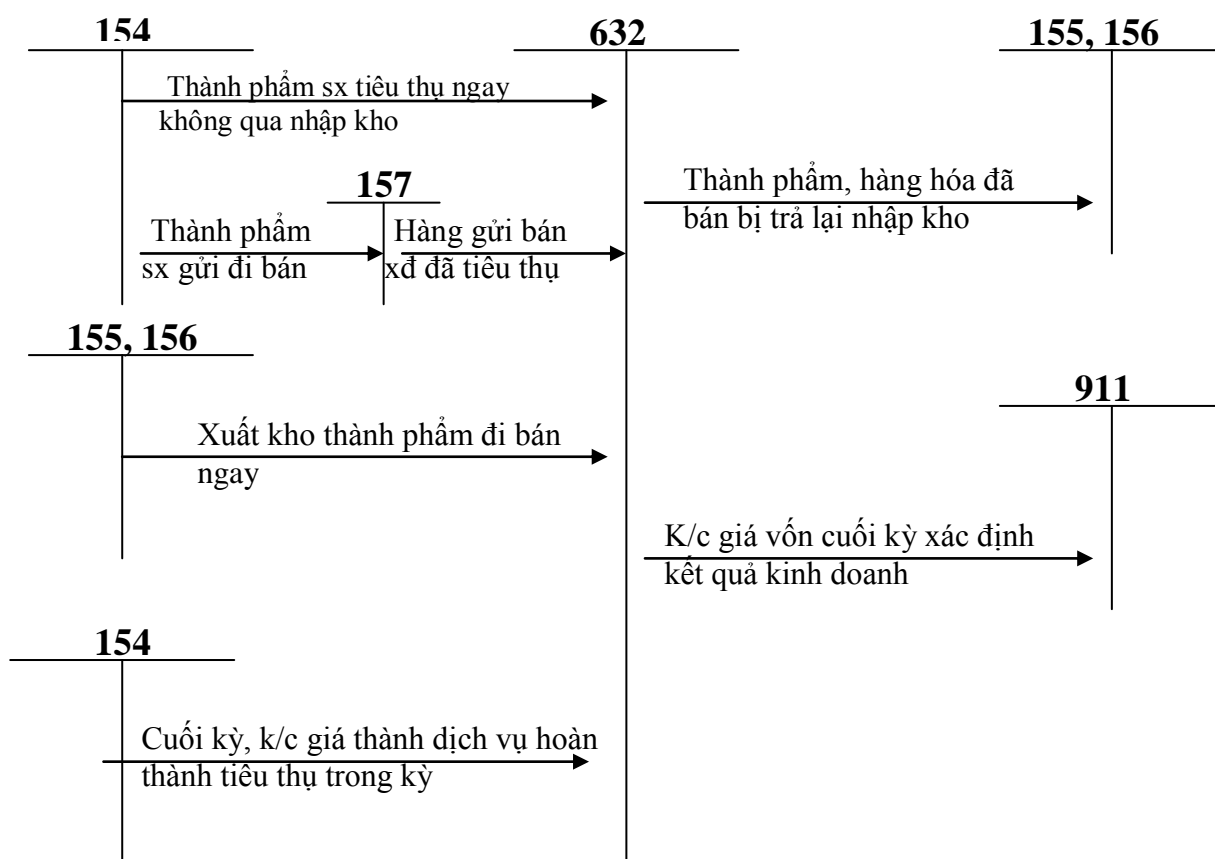
* Kết cấu tài khoản 632

TK632

<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết). - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
---	---

TK 632 không có số dư cuối kỳ

c) Phương pháp hạch toán



1.2.2.2 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

a) Chứng từ, sổ sách:

* Chứng từ sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Giấy báo nợ ngân hàng

* Sổ sách sử dụng :

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết tài khoản 641, 642
- Sổ cái tài khoản 641, 642
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

b) *Kết cấu tài khoản sử dụng:*

- Kế toán sử dụng **tài khoản 641- Chi phí bán hàng** để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, . . .

Tài khoản 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác. Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý từng ngành, từng doanh nghiệp.

- Kế toán sử dụng **tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp** để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, . . .); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ. . .); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng. . .).

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí theo quy định tùy theo yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp

* *Kết cấu tài khoản:*

TK641

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá bán thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.	- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
---	--

TK 641 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng, có 7 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì
- Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6415 - Chi phí bảo hành
- Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác

TK642

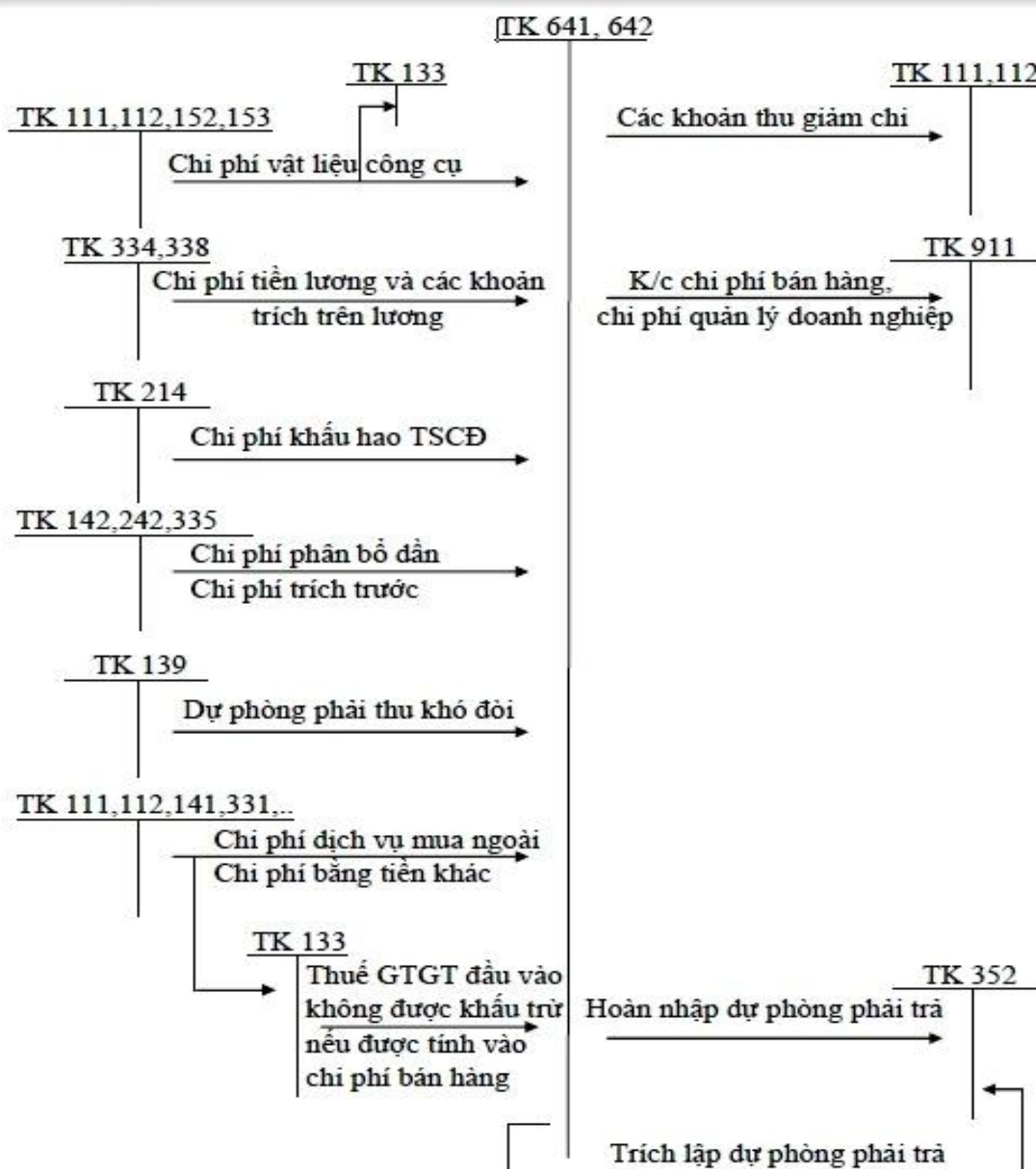
- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Dự phòng trợ cấp mất việc làm. | <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. |
|---|--|

TK 642 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp, có 8 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- Tài khoản 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- Tài khoản 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
- Tài khoản 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- Tài khoản 6426 - Chi phí dự phòng
- Tài khoản 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6428 - Chi phí bằng tiền khác

c) Phương pháp hạch toán



1.2.2.3 Kế toán chi phí tài chính.

a) Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Chứng từ sử dụng:
 - + Giấy báo nợ ngân hàng
 - + Chứng từ khác có liên quan
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái, sổ chi tiết TK 635
 - + Bảng cân đối số phát sinh
 - + Báo cáo tài chính

b) **Kết cấu tài khoản sử dụng:**

Kế toán sử dụng **tài khoản 635 – Chi phí tài chính** để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán. . .; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái. . .

Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí.

Không hạch toán vào Tài khoản 635 những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- Chi phí tài chính khác.

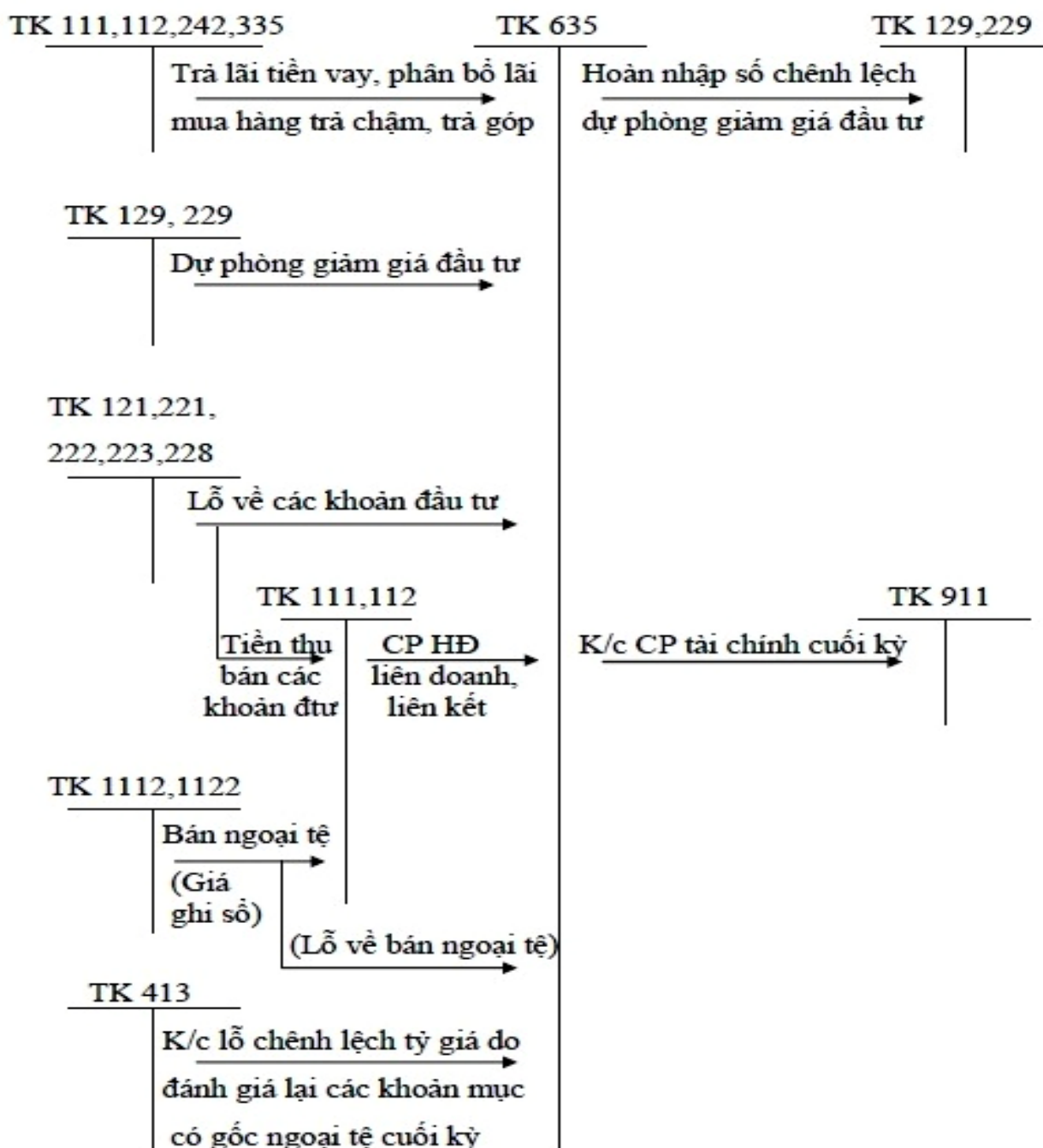
* Kết cấu tài khoản:

TK635

<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện); - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
--	--

TK 635 không có số dư cuối kỳ

c) Phương pháp hạch toán:



1.2.2.4 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 821
- Tờ khai thuế TNDN tạm tính
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

b) Kết cấu tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng **tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp** để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

$$\begin{matrix} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế trong năm} \\ \text{tính thuế} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{DT để tính} \\ \text{thu nhập chịu} \\ \text{thuế trong năm} \\ \text{tính thuế} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{CP hợp lý} \\ \text{trong năm tính} \\ \text{thuế} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \\ \text{khác trong} \\ \text{năm tính thuế} \end{matrix}$$

$$\begin{matrix} \text{Chi phí thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Thu nhập chịu thuế} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{Thuế suất thuế thu} \\ \text{nhập doanh nghiệp} \end{matrix}$$

b) Kết cấu tài khoản

TK821

<p>- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;</p>	<p>- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm; - Kết chuyển vào bên Nợ Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.</p>
--	--

TK 821 không có số dư đầu kỳ

Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;
- Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

1.2.2.5 Kế toán chi phí khác

a) Chứng từ, sổ sách:

* Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

* Sổ sách sử dụng:

- Nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản 711, 811
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

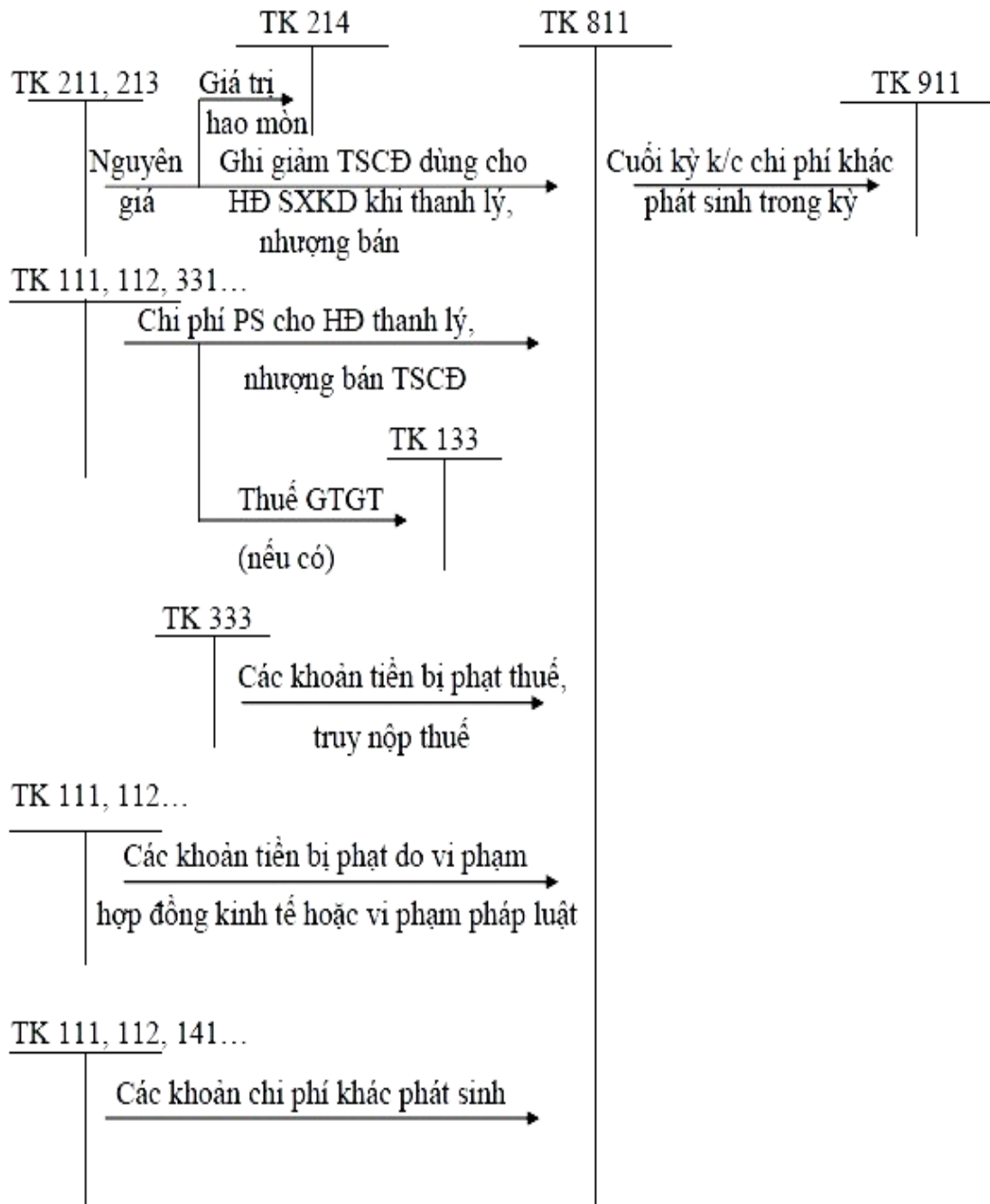
b) Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng **tài khoản 811 – Chi phí khác** để phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác.

c) Phương pháp hạch toán



1.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a) Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 911, 421
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo kết quả kinh doanh

b) *Kết cấu tài khoản sử dụng:*

- **Tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh** để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm.

- **Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối** để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

TK911

<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.
--	---

TK 911 không có số dư cuối kỳ

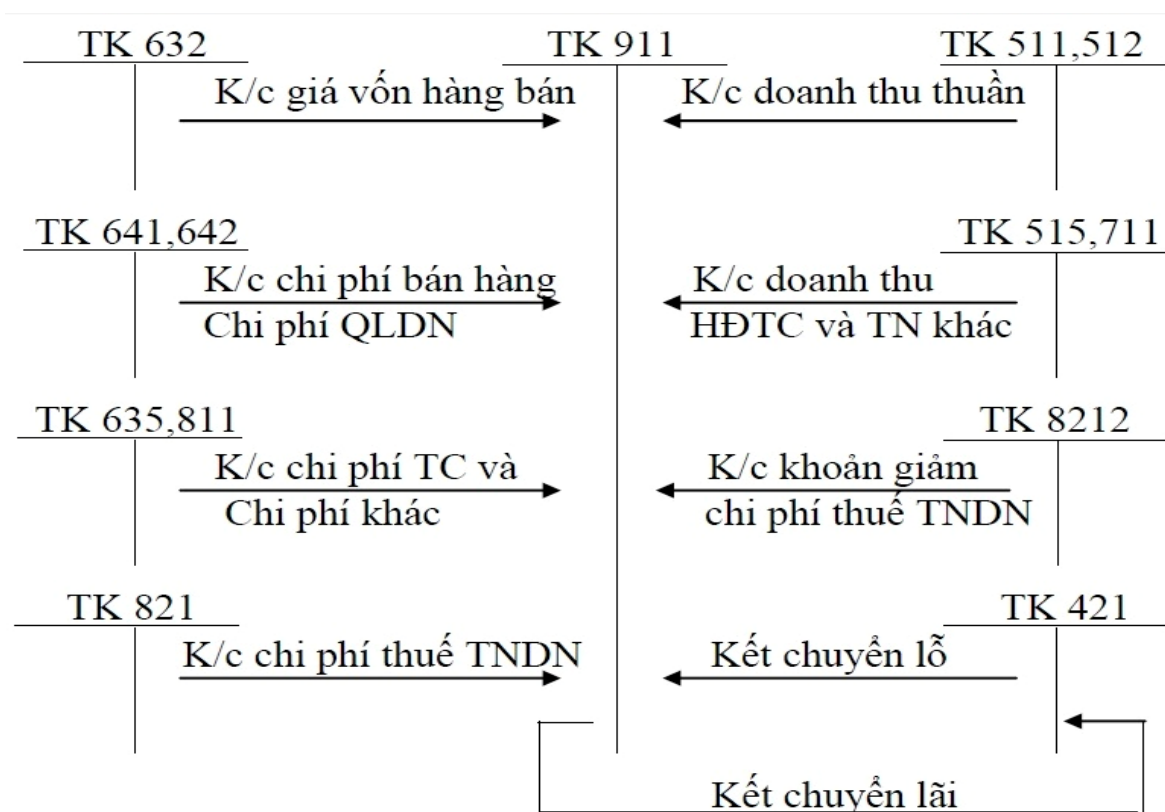
TK421

<ul style="list-style-type: none"> - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; - Trích lập các quỹ của doanh nghiệp; - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh; - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh; - Nộp lợi nhuận lên cấp trên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ; - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù; - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
--	--

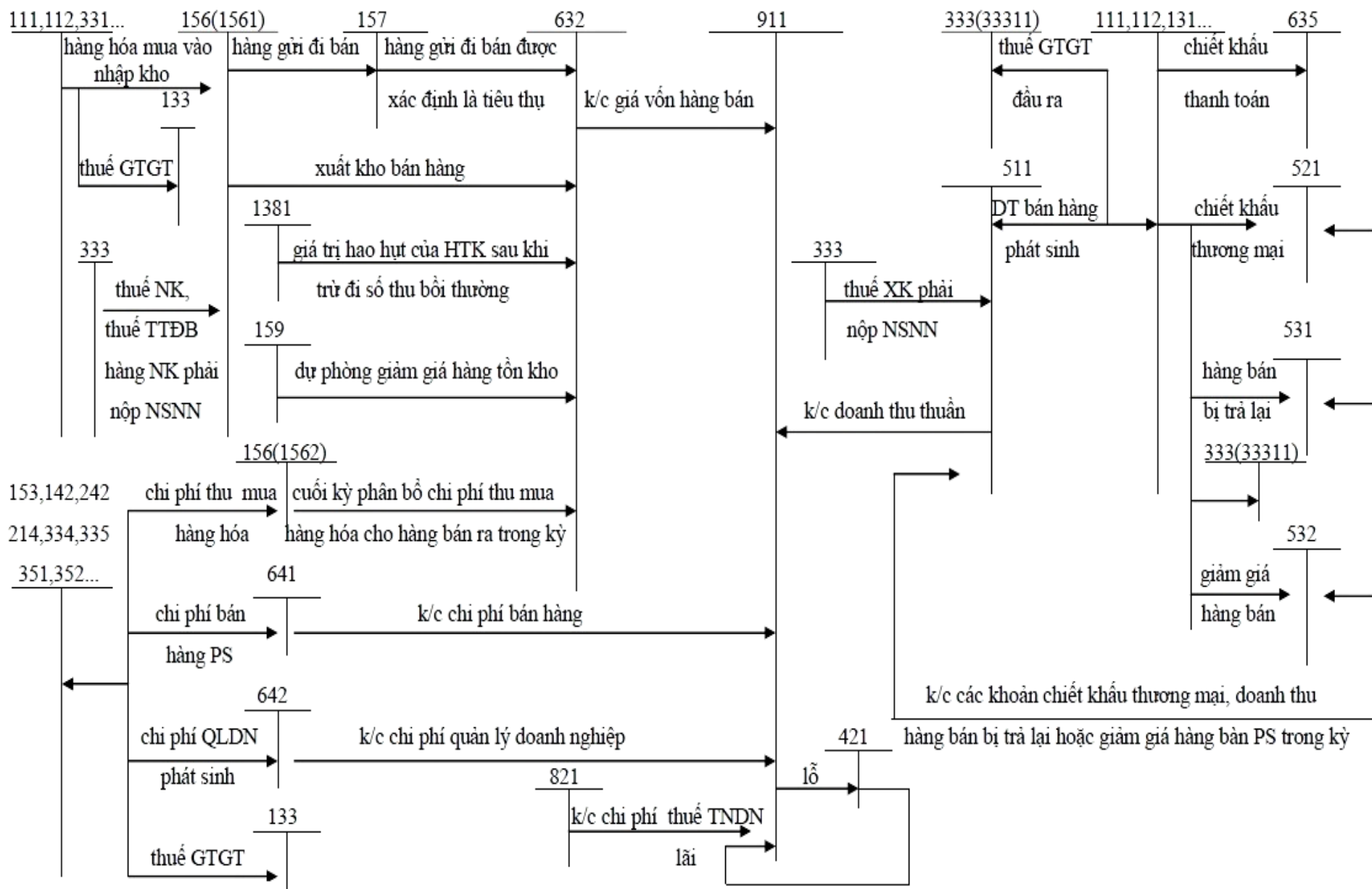
TK 421 có số dư bên nợ hoặc bên có

Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.	Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.
--	--

c) Phương pháp hạch toán:



1.2.4. Mô hình tổng hợp kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh



CHƯƠNG II

CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG CÔNG CHÍNH HẢI PHÒNG

2.1 Giới thiệu khái quát về công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông công chính Hải Phòng .

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

2.1.1.1 Quá trình hình thành

Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTCC Hải Phòng tiền thân là Công ty tư vấn đầu tư và xây dựng giao thông công chính Hải Phòng chính thức thành lập năm 1971. Là công ty Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực tư vấn đầu tư và xây dựng giao thông công chính của thành phố Hải Phòng, đây là lĩnh vực hoạt động được Nhà nước ủng hộ và chú trọng trong giai đoạn đất nước đang đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế. Đến năm 2004 công ty thực hiện thành công cổ phần hóa doanh nghiệp theo Quyết định số: 2321/QĐUB ngày 25/08/2004 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng, chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông công chính Hải Phòng và được DET NORSKE VERITAS (Hà Lan) cấp chứng chỉ Quản lý chất lượng ISO 9001:2000.

Trải qua 42 năm xây dựng và phát triển với chức năng khảo sát thiết kế các công trình giao thông, hiện nay công ty là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp trong lĩnh vực đầu tư xây dựng các công trình giao thông công chính và hạ tầng kỹ thuật. Công ty đã trở thành thành viên của Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam.

- **Tên công ty**

- Tên đầy đủ: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng giao thông công chính Hải Phòng.

- Tên tiếng anh: Hai Phong transportation communication construction and investment consultantcy joint stock company.

- Tên giao dịch: **TCIC**

- **Giấy phép kinh doanh số** 0203001003 ngày 15/09/2004 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

- **Trụ sở:**

- Số 32 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền- Hải Phòng

- Điện thoại: 031.3552420-3859960-3551028
- Fax: 84-31-3859.668
- Email: tcic@vnn.vn

•Tên chi nhánh:

Địa chỉ

- Xí nghiệp Đầu tư xây dựng

Số 35 Điện Biên Phủ, Ngô Quyền,
Hải Phòng

- Xí nghiệp Tư vấn xây dựng

Số 32 Điện Biên Phủ, Ngô Quyền,
Hải Phòng

•Lĩnh vực kinh doanh: cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế, thẩm tra.

•Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ là do các cổ đông góp và được ghi trong điều lệ của công ty.
- Tại thời điểm thành lập vốn điều lệ của công ty là 3.600.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm triệu đồng) tương ứng với 36.000 cổ phần trong đó cổ phần Nhà nước chiếm 20% tương ứng với số tiền là 720.000.000 đồng tức 7.200 cổ phần. Cổ phần thuộc các cổ đông là 80% tương ứng với 2.880.000.000 đồng tức 28.800 cổ phần .

•Ngành nghề kinh doanh:

- Khảo sát xây dựng: Khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn phục vụ lập dự án đầu tư, thiết kế các công trình điện dân dụng, công nghiệp, giao thông, hạ tầng kỹ thuật.
- Lập quy hoạch xây dựng, lập dự án tiền khả thi, dự án đầu tư thiết kế kỹ thuật bản vẽ thi công, lập dự toán, tổng dự toán các công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng giao thông (đường giao thông, công trình cầu đường bộ, công trình cảng đường thủy, tín hiệu giao thông), các công trình thủy lợi và phát triển nông thôn, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, các công trình điện dân dụng, công nghiệp và chiếu sáng công cộng.
- Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu của đất đá nền móng các công trình xây dựng phục vụ lập dự án đầu tư, thiết kế và kiểm định đánh giá chất lượng công trình.
- Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định tổng mức đầu tư, thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật - bản vẽ thi công và tổng dự toán công trình...
- Tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát kỹ thuật chất lượng, lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu...lập hồ sơ địa chính và cắm cọc GPMB.
- Xây dựng thực hiện ứng dụng công nghệ mới vào xây dựng các công trình giao thông (khoan cọc mới xây dựng các công trình giao thông, phá đá ngầm xử lý nền móng công trình...) các công trình thủy lợi, dân dụng, các công trình và hạ tầng kỹ thuật.

- Thực hiện các dịch vụ tư vấn khác: Kiểm định đánh giá chất lượng công trình, đánh giá lại tài sản, thiết bị là sản phẩm xây dựng; Xác định đánh giá các sự cố công trình và lập các biện pháp gia cố, sửa chữa, cải tạo, phá dỡ.

- Các sản phẩm dịch vụ tư vấn của TCIC thực hiện đảm bảo chất lượng và tiên bộ đã được Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, UBND thành phố Hải Phòng, các cơ quan quản lý chuyên ngành của Trung ương và địa phương cũng như các chủ đầu tư đánh giá cao.

•Nhân lực

TCIC hiện có hơn 90 kỹ sư (trong đó 14 là nữ) được đào tạo chính quy, có kỹ năng tác nghiệp cao và bề dày kinh nghiệm nghề nghiệp. Cơ cấu nhân lực của công ty như sau:

KHỐI KỸ THUẬT		KHỐI QUẢN LÝ DỰ ÁN	
Kỹ sư cầu đường	32	Cao đẳng cầu đường, trắc địa	6
Kỹ sư xây dựng dân dụng, công nghiệp, san nền, cấp thoát nước	20	Kỹ sư kinh tế xây dựng	6
Kỹ sư công trình cảng đường thủy	16	Cử nhân kinh tế	5
Kỹ sư địa chất: trắc địa CT , địa chất CT ,địa vật lý, địa chất thủy văn	17	Nhân viên văn phòng	4
Kỹ sư điện dân dụng, công nghiệp	3		
Kỹ sư môi trường	3		

2.1.1.2 Quá trình phát triển

Trong những năm qua Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTCC Hải Phòng được giao thực hiện nhiều công trình lớn, trọng điểm của thành phố và các vùng lân cận. Dưới đây là một số dự án nổi bật do TCIC trực tiếp thực hiện:

Tên công trình	Chủ đầu tư	Năm thực hiện	Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật
Tư vấn giám sát kỹ thuật chất lượng các dự án cải tạo nâng cấp mạng lưới đường giao thông đô thị thành phố Hải Phòng	Sở GTCC Hải Phòng	1997-2005	Các công trình hạ tầng giao thông đô thị
Tư vấn giám sát xây dựng đường dẫn 2 đầu cầu Bính nút giao thông bờ nam cầu Bính	Ban QLDA cầu HP	2002	Đường đô thị cấp I GTHĐ: 15,8 tỷ đồng
Tư vấn giám sát đường cầu Rào II – rút giao đường Nguyễn Văn Linh	Ban QLDA cầu HP	2005	Đường đô thị cấp I GTHĐ: 80 tỷ đồng
Tư vấn giám sát kỹ thuật chất lượng xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới ngã 5 – sân bay Cát Bi	Công ty thương mại và ĐTPT HP	2002-2006	Hạ tầng kỹ thuật đô thị GTHĐ: 100 tỷ đồng
Tư vấn giám sát san lấp mặt bằng tường rào, cây xanh dự án đầu tư xây dựng cụm công nghiệp Vinashin –Shinec	Công ty CP tàu thủy Shinec	2007	GTHĐ: 1,7 tỷ
Nâng cấp đô thị thành phố Nam Định	BQLDA ĐTXD Nam Định	2009	Hạ tầng kỹ thuật cấp I GTHĐ: 1,7 tỷ
Tư vấn giám sát công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến đường liên tỉnh từ huyện Thủy Nguyên- HP đi Kinh Môn – HD	BQLDA ĐTXD huyện Thủy Nguyên	2010	GTHĐ: 1,8 tỷ đồng
Tư vấn quản lý DA ĐTXD cảng và khu neo đậu tàu phía tây bắc đảo Bạch Long Vỹ (giai đoạn 1)	UBND huyện Bạch Long Vỹ	2011	GTHĐ: 6,5 tỷ đồng
.....

Bảng so sánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông công chính Hải Phòng trong năm 2010 và 2011.

CHỈ TIÊU	Năm 2011	Năm 2010	So sánh	
			Tăng giảm (+/-)	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.344.301.962	16.228.456.437	3.115.845.525	19,20%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.344.301.962	16.228.456.437	3.115.845.525	19,20%
4. Giá vốn hàng bán	17.262.350.927	14.632.494.722	2.629.856.205	17,97%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.081.951.036	1.595.961.715	485.989.321	30,45%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.519.185	11.366.761	10.152.424	89,32%
7. Chi phí tài chính	-		-	
- Trong đó: chi phí lãi vay	-		-	
8. Chi phí bán hàng	-		-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.419.471.422	1.239.772.178	179.699.244	14,49%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	683.998.798	367.556.298	316.442.500	86,09%
11. Thu nhập khác	1.000.000		1.000.000	
12. Chi phí khác	1.260.646		1.260.646	
13. Lợi nhuận khác	(260.646)	-	(260.646)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	683.738.152	367.556.298	316.181.854	86,02%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	119.654.177	91.889.074	27.765.102	30,22%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	564.083.975	275.667.223	288.416.752	104,62%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		0	(0)	

Thông qua bảng so sánh kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông công chính Hải Phòng năm 2010 và 2011, ta nhận thấy năm 2011 doanh nghiệp đã hoạt động hiệu quả hơn năm 2010. Cụ thể, doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tăng 3.115.845.525 đồng tương ứng tăng 19,20%. Giá vốn hàng bán tăng 2.629.856.205 đồng tương ứng tăng 17,97% . Tuy nhiên, xét:

- Tỷ lệ giá vốn trên DT thuần năm 2011 = (GV hàng bán₂₀₁₁ / DT thuần₂₀₁₁) * 100%
= 89,24%

- Tỷ lệ giá vốn trên DT thuần năm 2010 = (GV hàng bán₂₀₁₀ / DT thuần₂₀₁₀) * 100%
= 90,17%

Chỉ tiêu tỷ lệ giá vốn trên doanh thu thuần cho biết trong tổng số doanh thu đạt được, giá vốn hàng bán chiếm bao nhiêu phần trăm hay cứ 100 đồng doanh thu thuần thu được doanh nghiệp phải bỏ ra bao nhiêu đồng giá vốn. Ta thấy tỷ lệ giá vốn trên doanh thu thuần của Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông công chính Hải Phòng năm 2011 giảm so với năm 2010 là 0,93% chứng tỏ năm 2011 doanh nghiệp đã thành công trong việc quản lý các khoản chi phí trong giá vốn hàng bán so với năm 2010. Từ đó làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 485.989.321 đồng tương ứng 30,45%.

Năm 2011 doanh thu từ hoạt động tài chính của doanh nghiệp tăng 10.152.424 đồng tương ứng 89,32% cho thấy hiệu quả từ việc đầu tư tài chính của doanh nghiệp năm 2011 cao hơn so với năm 2010. Trong khi đó, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 179.699.244 đồng tương ứng 14,49% song khi xét

$$\begin{aligned} \text{- Tỷ lệ CP QLDN trên DT thuần năm 2011} &= (\text{CP QLDN}_{2011} / \text{DT thuần}_{2011}) * 100\% \\ &= 7,34\% \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{- Tỷ lệ CP QLDN trên DT thuần năm 2010} &= (\text{CP QLDN}_{2010} / \text{DT thuần}_{2010}) * 100\% \\ &= 7,64\%. \end{aligned}$$

Ta thấy Tỷ lệ Chi phí QLDN trên doanh thu thuần năm 2011 so với năm 2010 giảm 0,3%, chứng tỏ năm 2011 doanh nghiệp đã có những chuyển đổi tích cực trong việc kiểm soát chi phí quản lý tạo ra sản phẩm so với năm 2010.

Trong kỳ doanh nghiệp phát sinh khoản thu nhập khác từ việc bán hồ sơ mời thầu làm thu nhập khác tăng so với năm 2010 là 1.000.000 đồng. Đồng thời phát sinh khoản chậm nộp bảo hiểm 1.260.000 đồng làm lợi nhuận khác giảm 260.000 đồng so với năm 2010.

Năm 2011 Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông công chính Hải Phòng tính ra chi phí thuế TNDN phải nộp tăng 27.765.102 đồng tương ứng tăng 30,22% . Cuối kỳ lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 288.416.752 đồng tương ứng 104,62% so với năm 2010.

Tỷ suất LNST năm 2011 = $(\text{LNST}_{\text{TNDN năm 2011}} / \text{DT thuần năm 2011}) * 100\% = 2,92\%$ cho thấy trong 100 đồng doanh thu thuần có 2,92 đồng lợi nhuận sau thuế hay nói cách khác doanh nghiệp sử dụng 100 đồng vốn vào quá trình sản xuất kinh doanh thu được 2,92 đồng lợi nhuận sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Như vậy, bảng so sánh tình hình hoạt động kinh doanh năm 2011 và 2010 đã cho ta một cái nhìn tổng quan về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông công chính Hải Phòng, tuy nhiên để

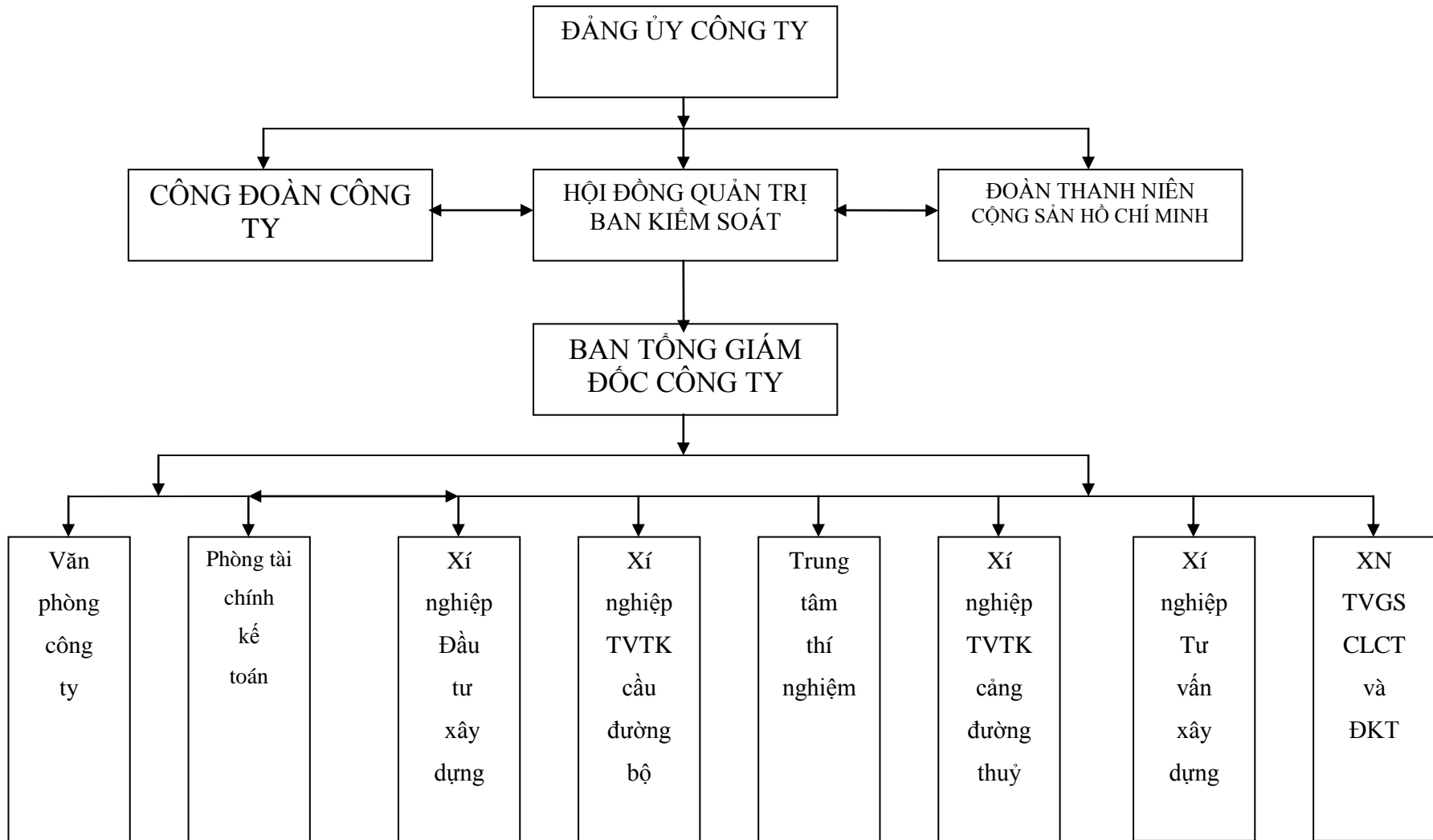
hiểu sâu hơn về công tác kế toán doanh thu, chi phí và hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp ta cần đi vào tìm hiểu chi tiết từng khía cạnh hoạt động của công ty.

2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty

❖ Loại hình tổ chức:

TCIC được tổ chức theo cơ cấu trực tuyến - chức năng ; vai trò của từng vị trí được bố trí theo chức năng nhằm đạt được mục tiêu, nhiệm vụ chung. Cơ cấu tổ chức này tạo ra sự chuyên môn hoá sâu sắc, cho phép thành viên các phòng ban tập trung vào chuyên môn.

❖ Sơ đồ cơ cấu tổ chức công ty TCIC



(Nguồn: Hồ sơ năng lực TCIC)

❖ Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

- *Đảng ủy công ty*: Có nhiệm vụ điều hành mọi hoạt động của công ty, định hướng phát triển cũng như đảm bảo quyền lợi cho các bộ phận. Đảng ủy họp nhằm giải quyết các thắc mắc cho cán bộ công nhân viên đứng trên lập trường của doanh nghiệp cổ phần hóa làm việc theo chủ trương của Đảng và Nhà nước cũng như xác định con đường làm việc của doanh nghiệp không đi chệch xu hướng mà Nhà nước đề ra.

- *Hội đồng quản trị, ban kiểm soát*

+ Chịu trách nhiệm điều hành, đưa ra những quyết định mang tính quan trọng cao đối với công ty. Quyết định chiến lược phát triển của Công ty.

+ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc và các cán bộ quan trọng khác của Công ty.

+ Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp cổ phần của các doanh nghiệp khác.

+ Trình báo cáo quyết toán hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

+ Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

Ban kiểm soát làm nhiệm vụ kiểm tra hoạt động, rà soát kết quả những công việc do Hội đồng quản trị tiến hành.

+ Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị.

+ Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập.

+ Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận.

+ Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

- *Công đoàn công ty*

Chăm lo đời sống người lao động để họ chấp hành tốt pháp luật, kỷ luật, tác phong công nghiệp, làm việc có năng suất, chất lượng và hiệu quả. Đặc biệt, công đoàn phải là tổ chức đầu tàu trong việc vận động CBCNV tham gia giao lưu văn hoá văn nghệ, các trò chơi giải trí, bóng đá... giữa các đơn vị trong các dịp hoạt động chung mang tới cho CBCNV đời sống tinh thần phong phú.

- Đoàn thanh niên:

Giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng, củng cố phát triển tổ chức Đoàn, phát triển Đảng, các phong trào thanh niên, rèn luyện đoàn viên và hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao. Qua đó tạo tinh thần đoàn kết, chia sẻ và sáng tạo trong công việc chuyên môn.

- Ban tổng giám đốc

Là đại diện lãnh đạo về chất lượng. Tổng giám đốc là người có quyền điều hành cao nhất của doanh nghiệp, quyết định phương hướng, kế hoạch dự án sản xuất kinh doanh và chủ trương của công ty, chịu trách nhiệm trước Nhà nước, UBND thành phố Hải Phòng và Sở GTVT thành phố về mọi mặt hoạt động của công ty theo luật định hiện hành, trực tiếp chỉ đạo giám đốc các đơn vị trực thuộc, phó giám đốc công ty, các phòng ban nghiệp vụ, các đơn vị thành viên thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nhiệm vụ chủ trương của cấp trên giao, những định hướng chung của công ty đã đề ra.

- Văn phòng công ty

Thực hiện công tác của văn phòng công ty, quản lý và tính lương cùng các khoản trích theo lương cho cán bộ công nhân viên khối hành chính, trưởng phòng có trách nhiệm phân công giao nhiệm vụ và quản lý mọi công việc của văn phòng, chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về mọi mặt hoạt động của văn phòng.

- Phòng kế toán tài chính

Có chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác kinh tế tài chính và hạch toán kế toán; xúc tiến huy động tài chính và quản lý công tác đầu tư tài chính; thực hiện và theo dõi công tác tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập, chi trả theo chế độ, chính sách đối với người lao động trong Công ty; thanh quyết toán các chi phí hoạt động, chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh và chi phí đầu tư các dự án theo quy định.

(+) Nhiệm vụ và quyền hạn:

Thực hiện công tác Tài chính trong Công ty:

+ Lập và xúc tiến kế hoạch huy động tài chính, đầu tư tài chính, cân đối các nguồn vốn phù hợp với tình hình hoạt động của công ty trong từng thời kỳ.

+ Xây dựng, hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện quy chế tài chính và những quy định khác về chi phí áp dụng trong nội bộ Công ty.

+ Chủ trì và phối hợp với các phòng nghiệp vụ liên quan xây dựng quy chế về quản lý và chi tiêu các quỹ đúng quy định.

Thực hiện công tác Kế toán thống kê:

+ Theo dõi, tính toán, cập nhật, báo cáo đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình sử dụng quản lý các quỹ, tài sản, vật tư, các nguồn vốn, quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Quản lý mọi khoản thu chi, thanh toán tiền lương, các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước và của công ty; lập sổ theo dõi thu nhập cá nhân và tính thu nộp thuế thu nhập cá nhân.

+ Tính toán, trích nộp đầy đủ và kịp thời các khoản nộp ngân sách, nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước theo luật định; tổ chức thực hiện các nghiệp vụ giải ngân, thanh toán.

+ Tổ chức thực hiện chi trả cổ tức theo đúng điều lệ, nghị quyết của Hội đồng Quản trị, chi trả vốn vay, lãi vay theo quy định.

+ Chủ trì công tác quyết toán, kiểm toán đúng kỳ hạn; tổng hợp, lập báo cáo thống kê về tài chính, kế toán.

Các công tác khác:

+ Bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán, tài chính, chứng từ có giá, giữ bí mật các tài liệu và số liệu này, cung cấp khi có yêu cầu của Tổng Giám đốc.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty.

- Trung tâm thí nghiệm

Chức năng của bộ phận này là liên kết với các cơ quan tham gia có trách nhiệm pháp lý để đưa ra những thông tin cần thiết giám sát quy trình thực hiện của dự án đồng thời tạo tiền đề thuận lợi để các dự án có khả năng thực thi nhanh chóng. Đây là bộ phận trung gian của mỗi dự án trước khi đi vào hoạt động. Bộ phận này đòi hỏi có sự tham gia của các bên có liên quan đến pháp lý, tài nguyên, môi trường, đô thị.

- Xí nghiệp tư vấn thiết kế cầu đường bộ

Xí nghiệp có chức năng tư vấn cho khách hàng về sự tiến triển của dự án trong tương lai. Đây là bước nghiên cứu tiền khả thi cho phép doanh nghiệp đi sâu nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến các dự án nằm trong khu vực cầu đường bộ. Nó chịu trách nhiệm trước khách hàng về những lĩnh vực như địa lý, địa chất, kiểu dáng mỹ quan và văn minh đô thị.

- Xí nghiệp tư vấn thiết kế cảng đường thủy

Xí nghiệp có chức năng tư vấn cho khách hàng về sự tiến triển của dự án trong tương lai. Đây là bước nghiên cứu tiền khả thi cho phép doanh nghiệp đi sâu nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến các dự án nằm trong khu vực cảng đường thủy. Đồng thời dự trù kinh phí và tuổi thọ của dự án.

- Xí nghiệp đầu tư xây dựng

Xí nghiệp này có trách nhiệm tổng hợp số liệu có liên quan đến dự án để xem xét khả năng đầu tư, dự trù kinh phí để lựa chọn dự án thực hiện nếu là dự án loại trừ và lựa chọn thời điểm dự án nếu là dự án độc lập.

- Xí nghiệp tư vấn xây dựng

Công việc của xí nghiệp tư vấn xây dựng là tư vấn đầu tư, lập hồ sơ thầu, lập dự toán các công trình xây dựng.

- Xí nghiệp tư vấn giám sát chất lượng công trình và địa kỹ thuật

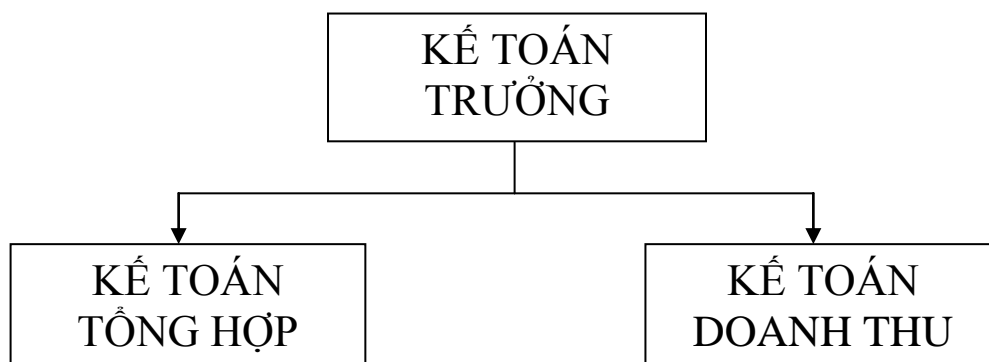
Thực hiện nhiệm vụ tư vấn thiết kế, giám sát, kiểm định chất lượng công trình và địa kỹ thuật. Đây là bộ phận thực hiện công tác giám sát mọi mặt về kỹ thuật địa lý cũng như các mặt hoạt động của dự án đã đang trong và sẽ thực hiện. Công việc này đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ lưỡng các khâu, các công đoạn ghi chép kết quả và đối chiếu với tình hình thực tế của dự án để ra quyết định.

2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTCC Hải Phòng .

2.1.3.1 Cơ cấu tổ chức kế toán.

Tại TCIC việc hạch toán giữa các xí nghiệp và khối hành chính hay nói cách khác là giữa khu vực sản xuất trực tiếp và khu vực sản xuất gián tiếp là độc lập với nhau. Phòng kế toán tài chính quản lý, giám sát việc chi tiêu của khối gián tiếp đồng thời dựa trên hợp đồng kinh tế và số lượng tiền về của từng công trình để hạch toán giá vốn và lương khối trực tiếp theo tỷ lệ (Chi phí-90%, lương -10% trên 80% số tiền khách hàng chi trả đối với công trình công ty giao cho xí nghiệp hoặc trên 90% số tiền khách hàng chi trả đối với công trình do xí nghiệp tự khai thác). Các nghiệp vụ kinh tế khác phát sinh tại xí nghiệp sẽ do xí nghiệp tự thực hiện và theo dõi.

Sau đây là cơ cấu tổ chức phòng kế toán tài chính:



Phòng kế toán tài chính gồm 3 thành viên:

✓ Kế toán trưởng:

Là người đứng đầu, chịu trách nhiệm điều hành, giao nhiệm vụ các công việc trong phòng. Đồng thời triển khai và thực hiện các hệ thống quản lý thông tin để thúc đẩy việc thực thi các chiến lược, kế hoạch và ra quyết định của ban quản trị. Kế toán trưởng quản lý các chi phí dựa trên việc lập kế hoạch và dự báo ngân sách chi tiết, hạn chế tối đa chi phí không cần thiết. Từ đó quản lý rủi ro và thực hiện bảo hiểm cho doanh nghiệp.

✓ Kế toán tổng hợp:

- Kiểm tra toàn bộ các định khoản, các nghiệp vụ phát sinh.
- Kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu chi tiết và số liệu tổng hợp.
- Tính giá thành, định khoản các nghiệp vụ về giá thành.
- Kết chuyển doanh thu, chi phí, lãi lỗ.
- In sổ kế toán.
- Lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thống kê, báo cáo thuế,....
- Cùng kế toán trưởng giải trình, cung cấp tài liệu, số liệu cho các cơ quan như: thuế, kiểm toán, các đoàn thanh tra, kiểm tra khi có yêu cầu.
- Kiến nghị và đề xuất các biện pháp khắc phục cải tiến.
- Lưu trữ dữ liệu kế toán theo qui định

✓ Kế toán doanh thu:

Có nhiệm vụ theo dõi tình hình doanh thu và công nợ khách hàng để kịp thời báo cáo cho kế toán trưởng về tình hình kinh doanh của công ty. Đề xuất lập dự phòng hoặc xử lý công nợ phải thu khó đòi, đồng thời với cấp trên các kế hoạch công trình.

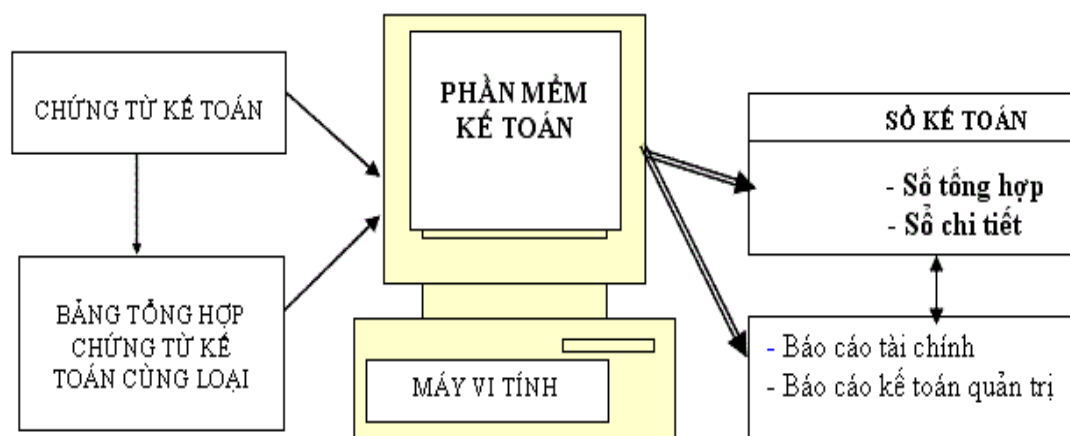
2.1.3.2 Hình thức sổ sách kế toán, hệ thống tài khoản và chứng từ sử dụng:

- Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

- Chế độ kế toán đăng ký:

Công ty đăng ký chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính.

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH**



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In số, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

- Kế toán ghi nhận nghiệp vụ theo hình thức Nhật ký chung

g.th ghi s		Chứng từ		Nội dung	Người nộp	TK		Số tiền	Tháng
Ngày tháng	Số hiệu	Nợ	C						
05/01	05/01	01		Chi tiền tư vấn khảo sát, cải tạo sửa chữa phòng cảnh sát môi trường	Xi nghiệp Đầu tư xây dựng	154	111	7.954.450	1
05/01	05/01	01		Chi tiền tư vấn khảo sát, cải tạo sửa chữa phòng cảnh sát môi trường	Xi nghiệp Đầu tư xây dựng	334	111	1.835.550	1
05/01	05/01	02		Chi tiền TKé BVTC XD nhà máy sản xuất các sản phẩm từ chất dẻo HM đường nội bộ, cấp thoát nước gđ2	Xi nghiệp Đầu tư xây dựng	334	111	46.719.450	1
05/01	05/01	02		Chi tiền TKé BVTC XD nhà máy sản xuất các sản phẩm từ chất dẻo HM đường nội bộ, cấp thoát nước gđ2	Xi nghiệp Đầu tư xây dựng	154	111	202.450.550	1
05/01	05/01	03		Chi tiền cước điện thoại tháng 12 năm 2010		642	111	311.335	1
05/01	05/01	03		VAT được khấu trừ		1331	111	31.133	1
05/01	05/01	04		Chi tiền KSTK CS và lập DA ĐT CTNC tuyến đường mắg nước từ chân cầu bình nổi với tính ló 359	Xi nghiệp Đầu tư xây dựng	334	111	4.500.000	1
				Chi tiền KSTK CS và lập DA ĐT CTNC tuyến đường mắg nước từ chân cầu bình nổi với tính ló 359	Xi nghiệp Đầu tư xây dựng	154	111	19.500.000	

2.1.3.2 Các chính sách tài chính

- Niên độ kế toán: kỳ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ)
- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ của công ty là giá trị dở dang của các công trình được ghi nhận theo tỷ lệ 80% số tiền khách hàng chuyển trả của các công trình chưa ghi nhận doanh thu.
- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Đăng ký phương pháp tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng.
- Hiện nay công ty có tài khoản tiền gửi tại 4 ngân hàng
 - + Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội
Số TK: 2 541 100 235 003
 - + Ngân hàng Thương mại CP Công thương Việt Nam, chi nhánh Ngô Quyền
Số TK: 0 000 102 010 000 215 910
 - + Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Hải Phòng
Số TK: 32 110 000 000 212
 - + Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam
Số TK: 102 010 001 272 534

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Tư vấn đầu Tư và Xây dựng GTCC Hải Phòng (TCIC) năm 2011.

2.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu

2.2.1.1 Khái quát về các loại doanh thu ở TCIC

a) Phương thức cung cấp dịch vụ, thu tiền áp dụng tại TCIC

Phương thức cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông công chính Hải Phòng là phương thức cung cấp dịch vụ trực tiếp. Công ty thu tiền theo tiến độ thực hiện công trình, số lần thu phụ thuộc vào quy mô từng công trình và điều khoản hợp đồng hai bên thỏa thuận.

Đối với những công trình do công ty đứng ra làm bên B, khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt qua công ty, sau đó công ty chịu trách nhiệm chi trả tới xí nghiệp thực hiện.

Đối với những công trình do xí nghiệp tự khai thác, khách hàng và xí nghiệp trực tiếp giao dịch nếu là tiền mặt. Nếu thanh toán qua ngân hàng thì phải thu thông qua công ty.

b) Các loại hình doanh thu và nguyên tắc ghi nhận tại Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông công chính Hải Phòng .

- Doanh thu cung cấp dịch vụ của công ty được ghi nhận căn cứ vào thời điểm phát hành hóa đơn và đã thu được toàn bộ tiền của khách hàng. Tài khoản sử dụng TK511- doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Doanh thu hoạt động tài chính: doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tài khoản sử dụng TK 515 – Doanh thu từ hoạt động tài chính

2.2.1.2 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

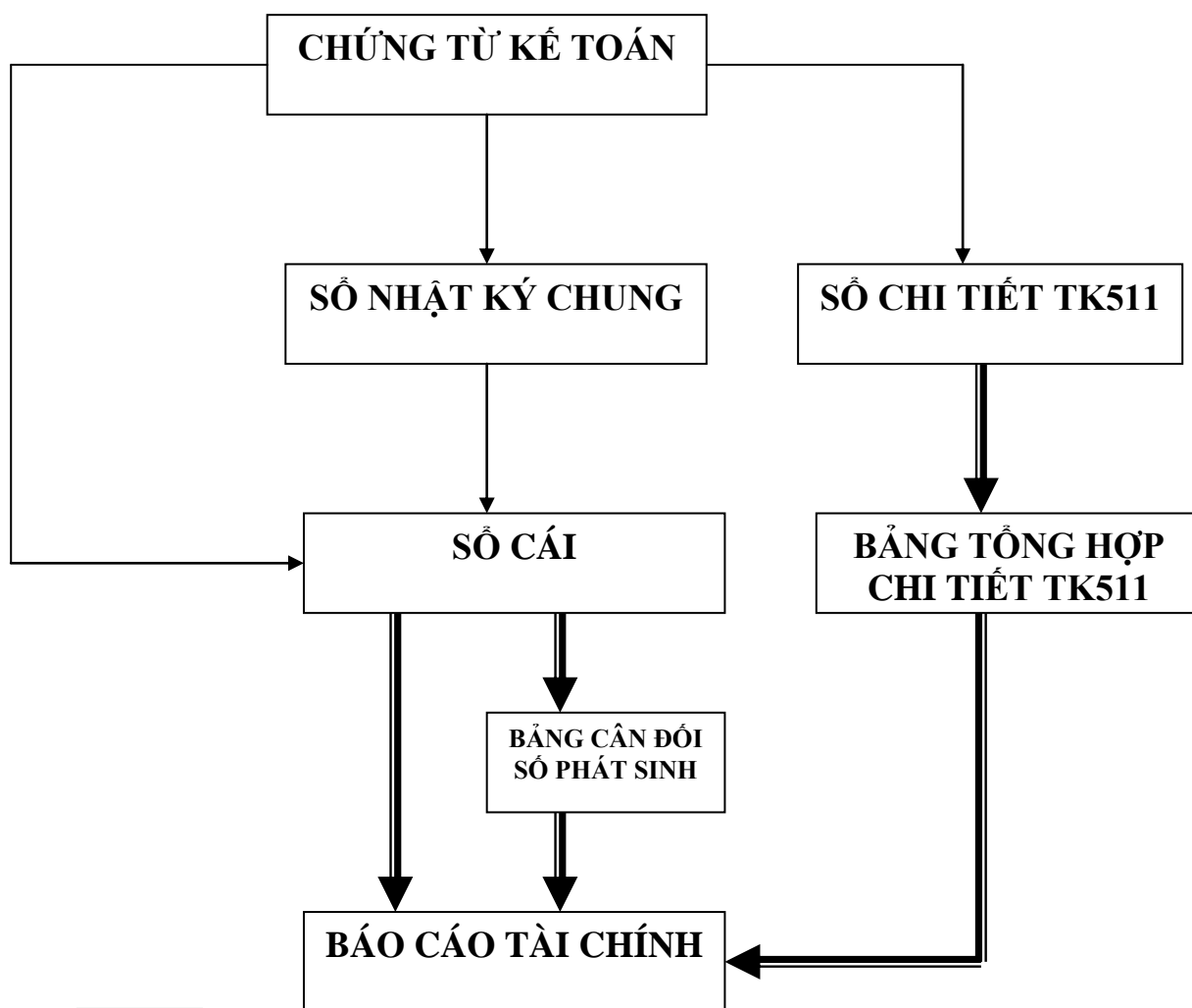
a) Chứng từ, sổ sách ghi chép

- Chứng từ:
 - + Hóa đơn GTGT: là mẫu riêng do cục thuế hướng dẫn và được in bởi công ty cổ phần ACS Hải Phòng, hóa đơn GTGT gồm 3 liên:
 - Liên 1: Lưu (màu tím)
 - Liên 2: Giao cho khách hàng (màu đỏ)
 - Liên 3: Lưu chuyển nội bộ (màu xanh)
 - + Phiếu thu: dùng để xác định số tiền thực tế nhập quỹ làm cơ sở ghi nhận doanh thu
 - + Giấy báo Có
 - + Các chứng từ khác có liên quan.
- Sổ sách:
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái TK 511
 - + Bảng tổng hợp doanh thu
 - + Bảng cân đối số phát sinh
 - + Báo cáo tài chính

b) Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng tài khoản 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để ghi nhận các nghiệp vụ về doanh thu cung cấp dịch vụ trong kỳ.

c) Trình tự kế toán



d) Ví dụ:

Ngày 30/6 Ngân hàng BIDV chuyển đến công ty giấy báo có số 06 số tiền 228.683.000 đồng, kế toán ghi nhận doanh thu khảo sát thiết kế, bản vẽ thi công, lập dự toán điều chỉnh bổ sung gói thầu II.11 điều chỉnh bổ sung các gói thầu xây lắp thuộc DA thành phần số 4 và 5 khu dân cư thu nhập thấp các quận và xuất hóa đơn cho BQLDA công trình đô thị HP số tiền cả thuế VAT 10% là 228.683.000 đồng. Kế toán hạch toán như sau:

1) Kế toán ghi nhận nghiệp vụ khách hàng trả tiền tại thời điểm hạch toán trên giấy báo có

Nợ TK112CT: 228.683.000 đồng

Có TK 131 : 228.683.000 đồng

2) Kế toán ghi nhận doanh thu

Nợ TK 131 : 228.683.000 đồng

Có TK 511: 207.893.636 đồng

Có TK 3331 : 20.789.364 đồng

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH: HẢI PHÒNG			Số: 06	Mẫu số/ Sample No: CT001/KH Ngày in/ Prt.Date: 30/06/2011 Trang/ Page No : 1		
Khách hàng/ Customer name Số tài khoản/ Account No.		Mã KH/CIF No : 202947		Loại tiền tệ / Currency : VND Ngày giao dịch trước / Last txn		
Ngày hạch toán/ Posting date		26/06/2011		24/06/2011		
Diễn giải	Phát sinh Nợ	Phát sinh có	Ng.hiệu lực	GDV	C.từ	Số séc
Txn.Description	Debit amount	Credit amount	Eff.Date	Teller	Seq No	Check No
Dư đầu ngày/ Beginning balance		1.983.038.000				
Tư vấn KSTK BVTC và dự toán điều chỉnh, bổ sung của các gói thầu xây lắp thuộc DA thành phần số 4 và 5 DA ĐTXD ctrình cải tạo nâng cấp CSHT cấp 3 khu dân cư thu nhập thấp các quận: Hải An, Kiến An....		228.683.000	26/06/2011			
Cộng phát sinh/ Total amount		228.683.000				
Dư cuối ngày/ Ending balance		2.211.721.000				
Trong đó:						
-Số dư khả dụng/ Aavailable Amount:		2.211.721.000	-Nờr thu/ Collection:		-	
-Số dư phong tỏa / Hold amount:		-	-Số dư sổ cái/ Ledger Balance:		2.211.721.000	
Giao dịch viên/ Checked by				Kiểm soát viên/ Verified by		

- Trình tự ghi sổ kế toán:

Giấy báo có → Hóa đơn GTGT → Sổ NKC → Sổ cái, sổ chi tiết TK511 → Bảng tổng hợp chi tiết 511



**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2 : Giao người mua
Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu số:
01GTKT3/001
Ký hiệu :AA/11P
Số: 0000036

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTCC Hải Phòng
MS thuế : 0200148677

Địa chỉ: Số 32- Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải Phòng

Số tài khoản : 32 110 000 000 212

Điện thoại : 0313.552.420

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: BQLDA công trình đô thị HP

Mã số thuế: 0200575543

Địa chỉ : Số 2E Trần Quang Khải - Hồng Bàng - Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 =4*5
1	Tư vấn KSTK BVTC và dự toán điều chỉnh, bổ sung của các gói thầu xây lắp thuộc DA thành phần số 4 và 5 DA ĐTXD ctrình cải tạo nâng cấp CSHT cấp 3 khu dân cư thu nhập thấp các quận: Hải An, Kiến An		01	207.893.636	207.893.636
Cộng tiền hàng					207.893.636
Thuế suất GTGT : 10% tiền thuế GTGT					20.789.364
Tổng cộng tiền thanh toán					228.683.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm hai mươi tám triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng chẵn ./.					

Người mua hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(ký, ghi rõ họ tên)
Phạm Thị Minh Hương

Thủ trưởng đơn vị
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
Đào Trọng Hậu

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần Tư vấn ĐT và XD GTCC HP
 Địa chỉ : Số 32 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số 03a- DNN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng VN

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ Cái	STT dòng	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang:				20.623.256.251	20.623.256.251
			Tháng 6					
.....
24/06	BC 06	24/06	BQL DA Nâng cấp đô thị Hải Phòng trả tiền KSTK BVTC dự toán điều chỉnh bổ sung gói thầu II.11 xây lắp thuộc DA thành phần số 4 và 5 khu dân cư thu nhập thấp các quận Hải An, Kiến An....			112CT	228.683.000	
24/06	BC 06	24/06				131		228.683.000
.....
30/06	0000036	30/06	Doanh thu Tư vấn KSTK BVTC và dự toán điều chỉnh, bổ sung của các gói thầu xây lắp thuộc DA thành phần số 4 và 5 DA ĐTXD nâng cấp CSHT cấp 3 khu dân cư thu nhập thấp các quận: Hải An, Kiến An....			131	228.683.000	
30/06	0000036	30/06				511		207.893.636
			Thuế GTGT đầu ra hóa đơn 0000036			3331		20.789.364
.....
30/06		30/06	Cộng phát sinh tháng 6				16.887.097.717	16.887.097.717

			Cộng tổng phát sinh				165.304.906.750	165.304.906.750

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTCC HP
 Địa chỉ : Số 32 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 Số hiệu: 511

Đơn vị tính: đồng VN

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải nội dung	Người thanh toán	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	
			Số dư đầu kỳ:					
			Số phát sinh trong kỳ:					
.....	
30/06	0000036	30/06	Tư vấn KSTK BVTC và dự toán điều chỉnh, bổ sung của các gói thầu xây lắp thuộc DA thành phần số 4 và 5 DA ĐTXD trình cải tạo nâng cấp CSHT cấp 3 khu dân cư thu nhập thấp các quận: Hải An, Kiến An....	Ban QLDA Nâng cấp đô thị Hải Phòng	131		207.893.636	
.....	
			Cộng phát sinh:			19.344.301.962	19.344.301.962	
			Số dư cuối kỳ:					

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
 Bùi Thị Thanh Luyện

Kế toán trưởng
 Phạm Thị Minh Hương

Giám đốc
 Đào Trọng Hậu

Công ty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng GTCC Hải Phòng
 Phòng Kế toán tài chính

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ CHI TIẾT DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ
Số hiệu : 511

Đơn vị tính: đồng VN

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư		Ghi chú
Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có	Nợ	Có	
		Số dư đầu kỳ						
		Số phát sinh trong kỳ						
.....
30/06	0000036	Tư vấn KSTK BVTC và dự toán điều chỉnh, bổ sung của các gói thầu xây lắp thuộc DA thành phần số 4 và 5 DA nâng cấp khu dân cư thu nhập thấp các quận: Hải An, Kiến An....	131		207.893.636		3.389.410.013	
.....
		Cộng tổng phát sinh		19.344.301.962	19.344.301.962			
		Số dư cuối kỳ						

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Nguyễn Đăng Quang

Công ty cổ phần tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTCC
 Phòng tài chính kế toán

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU
 (đến 31/12/2011)

Đơn vị tính: đồng VN

STT	Ngày	Số CT	BẢN A	TÊN ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	Công trình	Số tiền	Trong đó	
							Doanh thu	Thuế (10%)
.....
41	30/6	0000036	BQLDA nâng cấp Đô thị HP	XN Đầu tư xây dựng	T- vấn KSTK và BVTC , dự toán điều chỉnh bổ sung của các gói thầu xây lắp thuộc DA thành phần số 4 và số 5; Dự án ĐT XD công trình cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng cấp 3 khu dân c thu nhập thấp tại các quận: Hải An, Kiến An...	228.683.000	207.893.636	20.789.364
.....
Cộng:						21.278.731.959	19.344.301.962	1.934.429.997
Tổng cộng doanh thu thuần tính đến 31 tháng 12 năm 2011:						19.344.301.962		

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 Nguyễn Đăng Quang

Hải phòng, Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 Phạm Thị Minh Hương

Tuy việc hạch toán của các xí nghiệp là độc lập với công ty nhưng công ty vẫn theo dõi doanh thu của từng xí nghiệp do cơ chế khoán sản phẩm.

Công ty cổ phần tư vấn Đầu tư Xây dựng GTCC
phòng Kế Hoạch tài chính

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU
(Xí nghiệp Đầu tư & Xây dựng tính đến 31/12/ 2011)

Đơn vị tính: đồng VN

STT	Ngày	Số CT	Tên đơn vị	Công trình	Số tiền	Trong đó		GHI CHÚ
						doanh thu	thuế	
.....
5	30/6	0000036	BQLDA nâng cấp Đô thị HP	Tư vấn KSTK và BVTC , dự toán điều chỉnh bổ sung của các gói thầu xây lắp thuộc DA thành phần số 4 và số 5 nâng cấp cơ sở hạ tầng cấp 3 khu dân c thu nhập thấp tại các quận: Hải An, Kiến An...	228.683.000	207.893.636	20.789.364	
6	25/10	0000071	BQLDA Thủy sản Thanh Hóa	Tư vấn giám sát kỹ thuật thi công công trình: Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá Lạch Bạng, Thanh Hóa	83.327.000	75.751.818	7.575.182	Tự khai thác
.....
Cộng:					2.031.518.000	1.846.834.543	184.683.457	
Tổng cộng doanh thu thuần					1.846.834.543			

Từ đó tổng hợp doanh thu toàn công ty theo đơn vị xí nghiệp :

Công ty cổ phần tư vấn Đầu tư Xây dựng GTCC
Phòng Kế hoạch tài chính

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU

(Theo đơn vị xí nghiệp tính đến ngày 31/12/2011)

Đơn vị tính: đồng VN

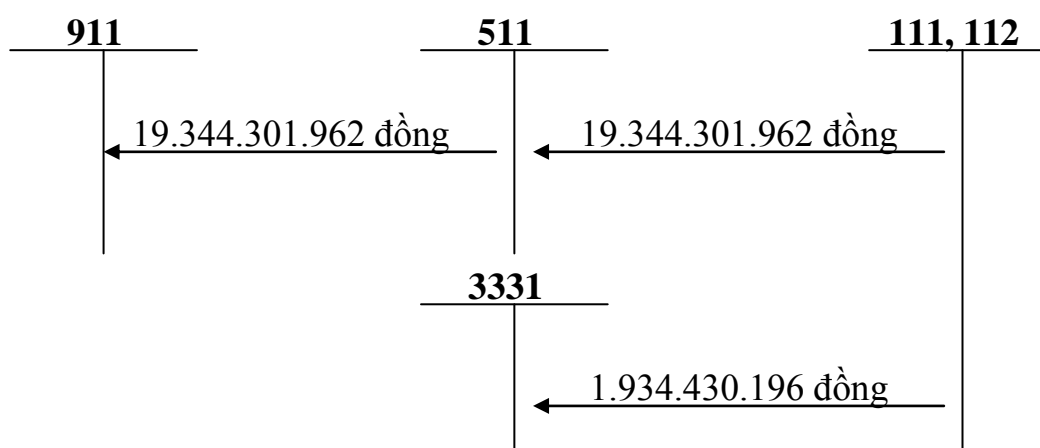
STT	Tên đơn vị	Số tiền	doanh thu	thuế	ghi chú
1	Xí nghiệp đầu tư xây dựng	2.031.518.000	1.846.834.543	184.683.457	
2	Xí nghiệp TVGS CLCT và ĐKT	3.952.447.287	3.593.133.898	359.313.389	
3	Xí nghiệp cảng đường thủy	1.418.314.086	1.289.376.442	128.937.644	
4	Xí nghiệp cầu đường bộ	1.624.309.586	1.476.645.078	147.664.508	
5	Xí nghiệp tư vấn xây dựng	6.380.603.000	5.800.548.184	580.054.816	
6	Trung tâm thí nghiệm và ĐKT	1.176.997.000	1.069.997.272	106.999.728	
7	Các đơn vị khác	4.694.543.000	4.267.766.545	426.776.455	
Tổng cộng		21.278.731.959	19.344.301.962	1.934.429.997	

Hải phòng, Ng ày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
Nguyễn Đăng Quang

Kế toán trưởng
Phạm Thị Minh Hương

e) Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu cung cấp dịch vụ TCIC năm 2011



2.2.1.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a) Chứng từ, sổ sách:

- Chứng từ

- + Giấy báo Có tiền gửi ngân hàng (thường để lãi nhập gốc)
- + Bản sao kê ngân hàng

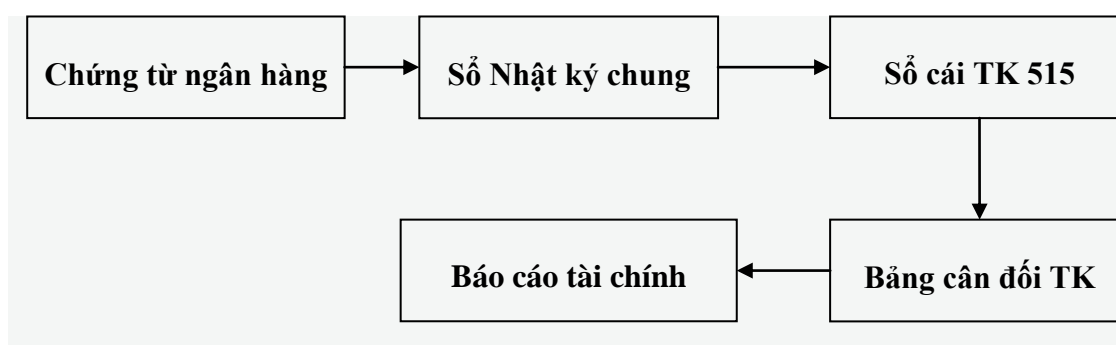
- Sổ sách :

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK515
- + Bảng cân đối số phát sinh
- + Báo cáo tài chính

b) Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng tài khoản 515 – doanh thu hoạt động tài chính để hạch toán các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

c) Trình tự kế toán



d) Ví dụ:

1) Ngày 24/12/2011, ngân hàng TMCP Quân đội chuyển giấy báo có thông báo lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12/2011 số tiền là: 860.179 đồng.

2) Ngày 15/12/2011, ngân hàng BIDV chuyển giấy báo có thông báo lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12/2011 số tiền là 466.602 đồng.

Kế toán tiến hành hạch toán và ghi sổ sách như sau:

1) Nợ TK 112 QĐ : 860.179 đồng

Có TK 515 : 860.179 đồng

2) Nợ TK 112 ĐT: 466.602 đồng

Có TK 515 : 466.602 đồng

Giấy báo có lãi tiền gửi ngân hàng Quân đội và ngân hàng BIDV

NH TMCP QUÂN ĐỘI		Số : 98
SỔ HẠCH TOÁN CHI TIẾT		
Ngày 24/12/2011		
Số tài khoản: 2 541 100 235 003		Loại tiền: VND
Khách hàng: Công ty CP TV DT và XD GTCC HP		Số dư đầu ngày: 190.942.308 đồng
Số giao dịch	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
2593989329079470000	0	860.179
<i>Tổng phát sinh:</i>		860.179
<i>Số dư cuối ngày</i>		191.802.487
Giao dịch viên		Kiểm soát

NGAN HANG DAU TU VA PHAT TRIEN VIET NAM Chi nhan: 321 CN NGAN HANG DT&PT HAI PHONG		
DD INTEREST VOUCHER		
Ngày: 15/12/2011		Số: 77
Ten TK: CTY TU VAN DT VA XD GIAO THONG CONG CHINH HP		
Tai khoan so: 321-10-00-000021-2 Loai tien: VND		
Ngày giao dich: 24/12/2011		
So du TK	Lai suat (%)	
192.665.275,00	3,000000000	466.602,00
:466.602,00 Bon tram sau muoi sau ngan sau tram le hai VND chan.		
Teller		Kiem soat vien

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần Tư vấn ĐT&XD GTCC HP **Mẫu số 03a- DNN**
Địa chỉ : Số 32 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải Phòng *(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2011

Đơn vị tính : đồng VN

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ Cái	STT dòng	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang:				110.170.546.185	110.170.546.185
			Tháng 12					
.....
13/12	BC 77	13/12	Lãi tiền gửi tháng 12/2011 - Đầu tư			112D T	466.602	
13/12	BC 77	13/12	Lãi tiền gửi tháng 12/2011 - Đầu tư			515		466.602
24/12	BC 98	24/12	Lãi tiền gửi tháng 12/2011-Quân Đội			112Q Đ	860.179	
24/12	BC 98	24/12	Lãi tiền gửi tháng 12/2011-Quân Đội			515		860.179
.....
31/12		31/12	Cộng phát sinh tháng 12				55.134.360.565	55.134.360.565
			Cộng tổng phát sinh				165.304.906.750	165.304.906.750

Hải Phòng, Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

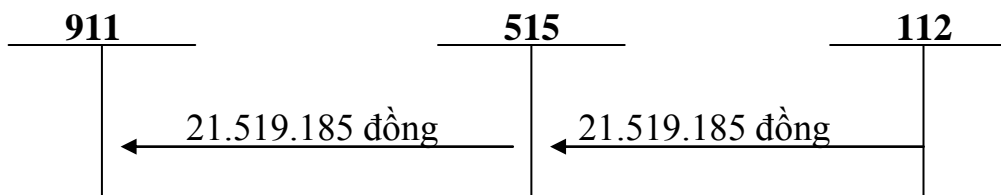
Giám đốc

Kế toán vào sổ nhật ký chung theo chứng từ ngân hàng nhận được tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ :

Từ đó phản ánh nghiệp vụ trên cái tài khoản 515:

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần Tư vấn ĐT và XD GTCC HP				Mẫu số S03b- DNN			
Địa chỉ : Số 32 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải Phòng				(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)			
SỔ CÁI TÀI KHOẢN							
Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính							
Số hiệu: 515							
<i>Đơn vị tính: đồng VN</i>							
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải nội dung	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			Số dư đầu kỳ:				
			Số phát sinh trong kỳ:				
.....	
13/12	BC 77	13/12/2011	Lãi tiền gửi tháng 12/2011 - Đầu tư	112DT		466.602	
24/12	BC 98	24/12/2012	Lãi tiền gửi tháng 12/2011-Quân Đội	112QĐ		860.179	
.....	
			Cộng phát sinh:		21.519.185	21.519.185	
			Số dư cuối kỳ:				
Người ghi sổ				Kế toán trưởng			
				Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011			
				Giám đốc			

e) Sơ đồ tổng hợp kế toán doanh thu hoạt động tài chính TCIC năm 2011



2.2.1.4 Kế toán các khoản thu nhập khác

Trong năm 2011 công ty chỉ phát sinh 1 khoản thu nhập khác được kế toán phản ánh đúng thời điểm phát sinh trên Sổ nhật ký chung.

Ngày 03/11/2011, Thu tiền từ việc bán hồ sơ thầu, số tiền là 1.000.000 đồng

Hạch toán: Nợ TK111: 1.000.000 đồng

Có TK711: 1.000.000 đồng

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTCC HP						Mẫu số 03a- DNN		
Địa chỉ : Số 32 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải Phòng						(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG								
Năm 2011								
Đơn vị tính : đồng VN								
NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ Cái	STT dòng	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang:					
.....
11/3	PT98	11/3	Thu tiền bán hồ sơ thầu			111	1.000.000	
						711		1.000.000
.....
			Cộng tổng phát sinh				165.304.906.750	165.304.906.750

Hải Phòng, Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
Bùi Thị Thanh Luyện

Kế toán trưởng
Phạm Thị Minh Hương

Giám đốc
Đào Trọng Hậu

Do nghiệp vụ phát sinh không nhiều nên kế toán không mở sổ cái theo dõi cho TK 711 mà tổng hợp qua excel vào bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

2.2.2 Kế toán chi phí tại TCIC

2.2.2.1 Các loại chi phí ở công ty:

Chi phí phát sinh trong niên độ 2011 tại Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTCC Hải Phòng gồm có chi phí giá vốn và chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2.2.2 Kế toán giá vốn

Giá vốn hàng bán bao gồm: Giá trị công trình chưa hoàn thành tại thời điểm cuối niên độ kế toán + Chi phí lương khối trực tiếp + Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ sản xuất khối trực tiếp .

a) Ghi nhận giá vốn hàng bán dựa trên giá trị dở dang cuối kỳ, chi phí lương khối trực tiếp (dựa trên số tiền khách hàng chi trả)

- *Chứng từ sổ sách:*

- Chứng từ:

- + Giấy báo có ngân hàng

- + Séc

- + Phiếu thu, chi

- + Các chứng từ khác có liên quan.

- Sổ sách:

- + Sổ nhật ký chung

- + Sổ cái TK154, TK334, TK632

- + Bảng cân đối số phát sinh

- + Báo cáo tài chính

- *Tài khoản sử dụng:*

Kế toán sử dụng tài khoản 632 – giá vốn hàng bán để ghi nhận giá vốn dịch vụ cung cấp trong kỳ.

- *Trình tự hạch toán:*

* Lĩnh vực kinh doanh của công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế, khảo sát, thẩm tra nên giá trị hàng tồn kho cuối kỳ của công ty chính là giá trị dở dang của các công trình được ghi nhận theo tỷ lệ 80% số tiền khách hàng chuyển trả của các công trình chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu. Cuối niên độ kế toán tiến hành kết chuyển sang giá vốn hàng bán.

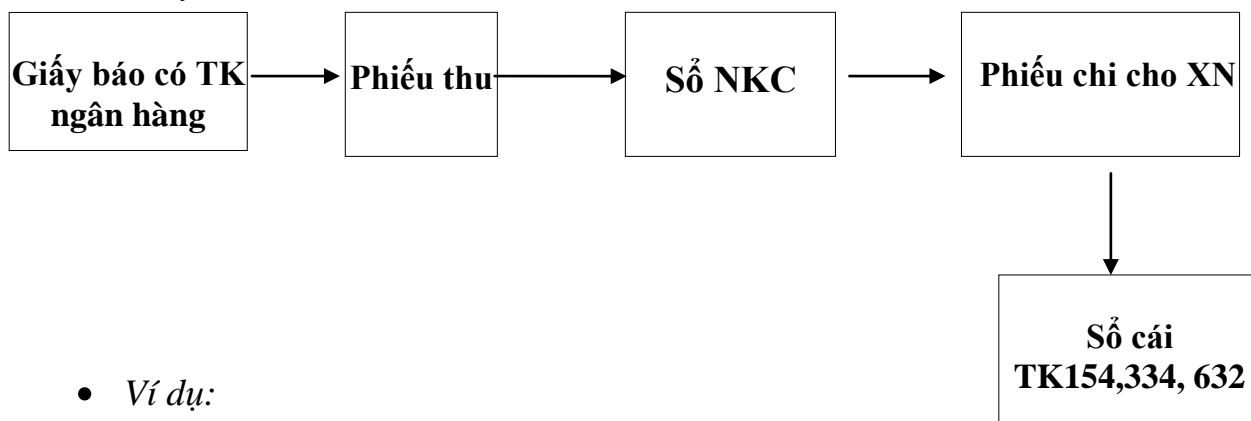
Khi khách hàng trả tiền cho công ty theo tiến độ công trình, công ty sẽ:

- Đối với các công trình do công ty giao cho xí nghiệp kế toán tiến hành giữ lại 20% trên tổng số tiền vừa nhận để đảm bảo công trình và thanh toán cho xí nghiệp 80%.

- Đối với các công trình do xí nghiệp tự khai thác giữ lại 10% trên tổng số tiền vừa nhận để đảm bảo công trình và thanh toán cho xí nghiệp 90%.

Kế toán tiến hành hạch toán chi phí lương công nhân trực tiếp (TK334) và các khoản chi phí (TK 154) theo tỷ lệ lương 10%, chi phí 90% (Theo quy chế của công ty) dựa trên số tiền thanh toán cho xí nghiệp.

*** Sơ đồ hạch toán**



- *Ví dụ:*

Ngày 31/12 Ngân hàng BIDV chuyển giấy báo có thông báo BQL dự án đảo Cát Hải chuyển trả công ty 400.000.000 đồng chi trả tiền giám sát công trình xây dựng khu nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải - Nghĩa Lộ, Cát Hải giai đoạn 1. Đồng thời trong ngày 31/12 XN cầu đường bộ gửi đến phòng Kế toán tài chính giấy đề nghị thanh toán tiền thực hiện công trình trên giai đoạn 1:

Dựa vào các chứng từ, kế toán tiến hành hạch toán như sau:

(1) Khi nhận được giấy báo Có, hạch toán:

Nợ TK112ĐT: 400.000.000 đồng

Có TK 131: 400.000.000 đồng

(2) Kế toán rút tiền ngân hàng nhập quỹ, hạch toán:

Nợ TK 111: 320.000.000 đồng

Có TK 112 ĐT: 320.000.000 đồng

(3) Kế toán dựa trên giấy đề nghị thanh toán và hợp đồng công trình thanh toán tiền cho XN cầu đường bộ, hạch toán:

Nợ TK154: 240.000.000

Nợ TK334: 80.000.000 đồng

Có TK 111: 320.000.000 đồng

(4) Định kỳ 6 tháng kế toán kết chuyển chi phí tiền lương khu vực trực tiếp vào tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Nợ TK154: 80.000.000 đồng

Có TK 334: 80.000.000 đồng

⇒ Kết chuyển chi phí lương trực tiếp 6 tháng cuối năm 2011

Nợ TK154: 2.824.991.397đồng

Có TK334: 2.824.991.397đồng

(5) Định kỳ 6 tháng kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang vào giá vốn

Nợ TK632: 320.000.000 đồng

Có TK 154: 320.000.000 đồng

⇒ Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang 6 tháng cuối năm 2011:

Nợ TK632: 14.850.605.110 đồng

Có TK154: 14.850.605.110 đồng

(1) Giấy báo có Ngân hàng BIDV:

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM				Mẫu số/ Sample No: CT001/KH		
CHI NHÁNH: HẢI PHÒNG				Ngày in/ Prt.Date: 31/12/2011		
Khách hàng/ Customer name				Trang/ Page No : 1		
				Số : 77		
Số tài khoản/ Account No.		Mã KH/CIF No		Loại tiền tệ /		
Ngày hạch toán/ Posting date				Currency		:VND
						30/12/2011
Diễn giải	Phát sinh Nợ	Phát sinh có	Ng.hiệu lực	GDV	C.từ	Số séc
Txn.Description	Debit amount	Credit amount	Eff.Date	Teller	Seq No	Check No
Dư đầu ngày/ Beginning balance		277.987.985				
Giám sát ctr XD khu nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải - Nghĩa Lộ, Cát Hải gđ1- Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Cát Hải		400.000.000	30/12/2011			
Cộng phát sinh/ Total amount		400.000.000				
Dư cuối ngày/ Ending balance		677.987.985				
Trong đó:	-Số dư khả dụng/ Available Amount: 677.987.985		-Nợ thu/ Collection: -			
	-Số dư phong tỏa / Hold amount: -		-Số dư sổ cái/ Ledger Balance: 677.987.985			
Giao dịch viên/ Checked by				Kiểm soát viên/ Verified by		

(2) Kế toán đến ngân hàng BIDV rút tiền:

BIDV	GIẤY LĨNH TIỀN MẶT	Số/Seq/No: ...054...
MST: 0100150619004	CASH WITHDRAWAL SLIP	Ngày/Date: 31/12/2011
Số tiền bằng số/ Amount in figures: 320.000.000 đồng	PHÍ NH: Phí trong: Charges included Phí ngoài: Charges excluded	
Số tiền bằng chữ: Ba trăm hai mươi triệu đồng chẵn ./		
Nội dung: Rút tiền gửi ngân hàng		
SỐ TÀI KHOẢN/ACCOUNT No: 321-10-00-000021-2		
TÊN TÀI KHOẢN/ACCOUNT'S NAME: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTCC HP		
HỌ TÊN NGƯỜI LĨNH TIỀN/CASH RECEIVER: (nếu không phải là chủ tài khoản): Bùi Thị Thanh Luyện		
SỐ CMT/ID/PP: 031096627 NGÀY CẤP/DATE: 21/8/2009 Nơi cấp: Công an Hải Phòng		
Địa chỉ/ADDRESS: 32 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải Phòng		
NGƯỜI LĨNH KỶ/SIGNATURE	KẾ TOÁN TRƯỞNG (CHIEF ACCOUNTANT'S SIGNATURE)	CHỦ TÀI KHOẢN ACCOUNT HOLDER'S SIGNATURE
Bùi Thị Thanh Luyện	Phạm Thị Minh Hương	Đào Trọng Hậu
321 CHAMLT HINNT 321-10-00-000021-2 VND CTY CP TU VAN DT VA XD GTCC HAI PHONG 31/12/2011 15:46:59 1250 1360 CSO DR 320.000.000 VND 1.0000000 CR 320.000.000,00 VND 1.0000000 Phí: 0.00 VND VAT: 0.00 VND 1.0000000 MST : 0200148677 T.Toán phí: 0.00 VND 1.0000000 BUI THI THANH LUYEN LINH TIEN		
Giao dịch viên/Received by		Kiểm soát/Verified by

(3) Khi tiền về đến công ty kế toán tiến hành nhập quỹ tiền mặt, ghi nhận nghiệp vụ trên phiếu thu:

Đơn vị: Công ty CP Tư vấn ĐT và XD GTCC HP		Mẫu số 02-TT	
Địa chỉ: Số 32 Điện Biên Phủ - Hải phòng		<i>(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>	
PHIẾU THU		Liên số: 01	
Ngày: 31/12/ 2011		Số: 115	
		Nợ 111	
		Có 112DT	
Họ và tên người nộp tiền:	Bùi Thị Thanh Luyện		
Địa chỉ:	Phòng TCKT		
Lý do chi:	Rút tiền mặt nhập quỹ		
Số tiền:	320.000.000 đ		
<i>Bằng chữ: Ba trăm hai mươi triệu đồng chẵn./.</i>			
Kèm theo.....chứng từ gốc			
Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>		Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	
Ngày: 31/12/ 2011		Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i>	
Ngày: 31/12/ 2011		Người nhận <i>(Ký, họ tên)</i>	
Đã nhận đủ số tiền:	320.000.000	<i>Bằng chữ: Ba trăm hai mươi triệu đồng chẵn./.</i>	
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý)			
+ Số tiền quy đổi:			
Đơn vị: Công ty CP Tư vấn ĐT và XD GTCC HP		Mẫu số 02-TT	
Địa chỉ: Số 32 Điện Biên Phủ - Hải phòng		<i>(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>	
PHIẾU THU		Liên số: 02	
Ngày: 31/12/ 2011		Số: 115	
		Nợ 111	
		Có 112DT	
Họ và tên người nộp tiền:	Bùi Thị Thanh Luyện		
Địa chỉ:	Phòng TCKT		
Lý do chi:	Rút tiền mặt nhập quỹ		
Số tiền:	320.000.000 đ		
<i>Bằng chữ: Ba trăm hai mươi triệu đồng chẵn./.</i>			
Kèm theo.....chứng từ gốc			
Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>		Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	
Ngày: 31/12/ 2011		Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i>	
Ngày: 31/12/ 2011		Người nhận <i>(Ký, họ tên)</i>	
Đã nhận đủ số tiền:	320.000.000	<i>Bằng chữ: Ba trăm hai mươi triệu đồng chẵn./.</i>	
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý)			
+ Số tiền quy đổi:			

(4) Kế toán thanh toán tiền cho xí nghiệp cầu đường bộ dựa trên đề nghị thanh toán và hợp đồng công trình:

Đơn vị: Công ty CP Tư vấn ĐT và XD GTCC HP		Mẫu số 02-TT	
Địa chỉ: Số 32 Điện Biên Phủ - Hải phòng		<i>(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>	
PHIẾU CHI		Liên số: 01	
Ngày: 31/12/ 2011		Số: 435	
		Nợ 154; 334	
		Có 111	
Họ và tên người nộp tiền:	Nguyễn Bá Vinh		
Địa chỉ:	XN Cầu đường bộ		
Lý do chi:	Chi trả tiền giám sát công trình xây dựng khu nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải - Nghĩa Lộ, Cát Hải giai đoạn 1		
Số tiền:	320.000.000 đ		
<i>Bằng chữ: Ba trăm hai mươi triệu đồng chẵn./.</i>			
Kèm theo.....chứng từ gốc			
		<i>Ngày: 31/12/ 2011</i>	
Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nhận <i>(Ký, họ tên)</i>
Đã nhận đủ số tiền:	320.000.000	<i>Bằng chữ: Ba trăm hai mươi triệu đồng chẵn./.</i>	
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý)			
+ Số tiền quy đổi:			
Đơn vị: Công ty CP Tư vấn ĐT và XD GTCC HP		Mẫu số 02-TT	
Địa chỉ: Số 32 Điện Biên Phủ - Hải phòng		<i>(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>	
PHIẾU CHI		Liên số: 02	
Ngày: 31/12/ 2011		Số: 435	
		Nợ 154; 334	
		Có 111	
Họ và tên người nộp tiền:	Nguyễn Bá Vinh		
Địa chỉ:	XN Cầu đường bộ		
Lý do chi:	Chi trả tiền giám sát công trình xây dựng khu nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải - Nghĩa Lộ, Cát Hải giai đoạn 1		
Số tiền:	320.000.000 đ		
<i>Bằng chữ: Ba trăm hai mươi triệu đồng chẵn./.</i>			
Kèm theo.....chứng từ gốc			
		<i>Ngày: 31/12/ 2011</i>	
Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nhận <i>(Ký, họ tên)</i>
Đã nhận đủ số tiền:	320.000.000	<i>Bằng chữ: Ba trăm hai mươi triệu đồng chẵn./.</i>	
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý)			
+ Số tiền quy đổi:			

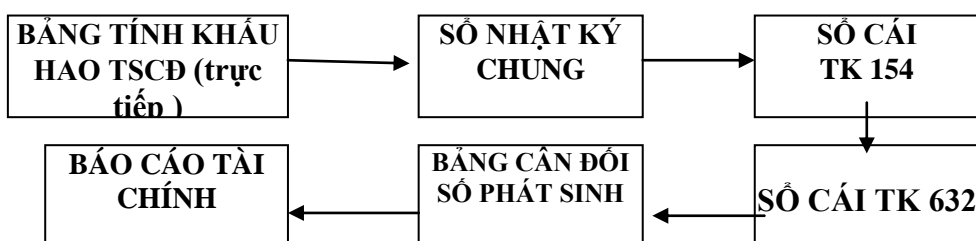
(5) Kế toán ghi nhận các nghiệp vụ trên vào sổ nhật ký chung, sổ cái theo đúng thời điểm phát sinh nghiệp vụ (trang 78)

b) Ghi nhận giá vốn từ chi phí khấu hao TSCĐ khu vực sản xuất trực tiếp

Theo đăng ký phương pháp tính khấu hao TSCĐ:

Khấu hao được đăng ký trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính theo quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính

Sơ đồ hạch toán:



- Kế toán tổng hợp chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ sản xuất trực tiếp, ghi nhận chi phí khấu hao TSCĐ khu vực sản xuất trực tiếp vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang 6 tháng một lần:

+ 6 tháng đầu năm 2011	+ 6 tháng cuối năm 2011
Nợ TK 154: 46.424.382 đồng	Nợ TK 154: 40.985.940 đồng
Có TK 214: 46.424.382 đồng	Có TK 214: : 40.985.940 đồng

(6) Cuối kỳ tổng chi phí khấu hao được kết chuyển tính giá vốn:

Nợ TK 632: 87.410.322 đồng
 Có TK 154: 87.410.322 đồng

Dựa trên số liệu từ bảng tính khấu hao, kế toán phản ánh nghiệp vụ trích khấu hao TSCĐ khu vực sản xuất trực tiếp trên sổ nhật ký chung, sổ cái TK154 và TK 632 (trang 78)

**BẢNG TÍNH KHẤU HAO TSCĐ
Đến 31 tháng 12 năm 2011**

STT	CHỈ TIÊU	Nguyên giá tại 01/01/2011	Nguyên giá PS năm 2011		Nguyên giá tại 31/12/2010	KHLK đến 31/12/2010	Giá trị còn lại 1/1/2010	Khấu hao Q1	Khấu hao Q2	Khấu hao Q3	Khấu hao Q4	KHLK 31/12/2011	Giá trị còn lại 31/12/2011
			Tăng trong năm	Giảm trong năm									
A	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	857.303.621			857.303.621	201.475.000	655.828.621	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	26.000.000	629.828.621
I	Nhà làm việc 32 Điện Biên Phủ	857.303.621			857.303.621	201.475.000	655.828.621	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	26.000.000	629.828.621
1	Phần nhà cũ cải tạo nâng cấp	393.139.411			393.139.411	93.237.500	299.901.911	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	9.000.000	290.901.911
2	Phần nhà mới 3 tầng	212.255.725			212.255.725	51.862.500	160.393.225	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	7.000.000	153.393.225
4	Gian nhà cấp 04	10.852.800			10.852.800	3.937.500	6.915.300	250.000	250.000	250.000	250.000	1.000.000	5.915.300
5	Sân đường nội bộ	11.462.134			11.462.134	3.937.500	7.524.634	250.000	250.000	250.000	250.000	1.000.000	6.524.634
6	Nhà 04 tầng thí nghiệm	229.593.551			229.593.551	48.500.000	181.093.551	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	8.000.000	173.093.551
B	MÁY MÓC THIẾT BỊ	617.900.498			617.900.498	452.522.736	165.377.762	12.712.191	12.712.191	10.110.940	9.875.000	45.410.322	119.967.440
I	XN đầu tư xây dựng	65.109.000			65.109.000	58.889.500	6.219.500	1.250.000	1.250.000	1.250.000	1.250.000	5.000.000	1.219.500
1	Máy chiếu PROJECTER	38.957.000			38.957.000	32.737.500	6.219.500	1.250.000	1.250.000	1.250.000	1.250.000	5.000.000	1.219.500
2	Máy tính xách tay Sony Pentum 04	26.152.000			26.152.000	26.152.000	0					0	0
II	XN Cầu đường bộ	166.884.090			166.884.090	141.161.080	25.723.010	2.574.260	1.375.000	1.375.000	1.375.000	6.699.260	19.023.750
1	Mua máy móc thiết bị TN	29.451.390			29.451.390	29.451.390	0					0	0
2	Máy khoan mua ngày 24/09	52.136.760			52.136.760	50.937.500	1.199.260	1.199.260				1.199.260	0

3	Máy nén + cân ĐT phòng DKT	21.815.940			21.815.940	21.815.940	0					0	0
4	Máy nén bê tông	63.480.000			63.480.000	38.956.250	24.523.750	1.375.000	1.375.000	1.375.000	1.375.000	5.500.000	19.023.750
III	XN Cảng đường thủy	67.748.610			67.748.610	48.737.500	19.011.110	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	6.200.000	12.811.110
1	Máy set 500 + phụ kiện	67.748.610			67.748.610	48.737.500	19.011.110	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	6.200.000	12.811.110
IV	XN Tư vấn xây dựng	86.346.817			86.346.817	45.643.750	40.703.067	1.025.000	1.025.000	1.025.000	1.025.000	4.100.000	36.603.067
1	Máy set 500 + phụ kiện	86.346.817			86.346.817	45.643.750	40.703.067	1.025.000	1.025.000	1.025.000	1.025.000	4.100.000	36.603.067
V	Trung tâm thí nghiệm và ĐKT	123.697.550			123.697.550	83.074.958	40.622.592	2.900.000	4.099.260	1.950.000	2.150.000	11.099.260	29.523.332
1	Máy set 500 + phụ kiện	82.205.250			82.205.250	53.762.500	28.442.750	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	7.800.000	20.642.750
2	Máy kinh vi điện tử DT6 + phụ kiện	25.000.000			25.000.000	23.762.458	1.237.542	750.000	487.542			1.237.542	0
3	Máy tính xách tay	16.492.300			16.492.300	5.550.000	10.942.300	200.000	1.661.718		200.000	2.061.718	8.880.582
VI	XN TVGS CLCT và ĐKT	94.155.431			94.155.431	63.268.750	30.886.681	2.525.000	2.525.000	2.525.000	2.525.000	10.100.000	20.786.681
1	Máy set 500 + phụ kiện	94.155.431			94.155.431	63.268.750	30.886.681	2.525.000	2.525.000	2.525.000	2.525.000	10.100.000	20.786.681
2	Ổn áp 30KVA + phụ kiện	13.959.000			13.959.000	11.747.198	2.211.802	887.931	887.931	435.940		2.211.802	0
3	Ô tô 8 chỗ ngồi	251.000.000			251.000.000	109.246.928	141.753.072	4.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000	16.000.000	125.753.072
4	Máy Fotocopy RICOHFT	17.898.000			17.898.000	17.898.000	0					0	0
TỔNG CỘNG		1.744.102.119	0	0	1.744.102.119	781.142.664	962.959.455	23.212.191	23.212.191	20.610.940	20.375.000	87.410.322	875.549.133

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTCC HP
 Địa chỉ : Số 32 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số 03a- DNN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2011

Đơn vị tính : đồng VN

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ Cái	STT dòng	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				110.170.546.185	110.170.546.185
			Tháng 12					
.....
30/12	BC	31/12	Thu tiền giám sát ctr XD khu nghỉ trang nhân dân đảo Cát Hải - Nghĩa Lộ, Cát Hải gđ1			112DT	400.000.000	
						131		400.000.000
31/12	Sec	31/12	Rút tiền ngân hàng nhập quỹ tiền mặt			111	320.000.000	
						112DT		320.000.000
31/12	PC435	31/12	Chi phí giám sát ctr XD khu nghỉ trang nhân dân đảo Cát Hải - Nghĩa Lộ, Cát Hải gđ1			154	240.000.000	
						111		240.000.000
31/12	PC435	31/12	Chi tiền lương trực tiếp giám sát ctr XD			334	80.000.000	

			khu nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải - Nghĩa Lộ, Cát Hải gđ1			111		80.000.000
.....
31/12	NC02	31/12	Lương trực tiếp 6 tháng cuối năm 2011			154	2.824.991.397	
						334		2.824.991.397
31/12	KH02	31/12	KHTS cố định 6 tháng cuối năm 2011			154	40.985.940	
						214		40.985.940
31/12	GV3,4	31/12	Giá vốn 6 tháng cuối năm 2011			632	14.850.605.110	
						154		14.850.605.110
.....
31/12		31/12	Cộng phát sinh tháng 12				55.134.360.565	55.134.360.565
			Cộng tổng phát sinh				165.304.906.750	165.304.906.750
			<i>Hải Phòng, Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>					
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Giám đốc				
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)				
Bùi Thị Thanh Luyện		Phạm Thị Minh Hương		Đào Trọng Hậu				

Kế toán vào sổ cái TK334- Phải trả người lao động.

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần Tư vấn ĐT và XD GTCC HP
Địa chỉ : Số 32 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Phải trả người lao động

Số hiệu: 334

Đơn vị tính: đồng VN

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			Số dư đầu kỳ:			-	
			Số phát sinh trong kỳ:				
.....	
31/12	PC435	31/12	Chi phí lương trực tiếp giám sát ctr XD khu nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải - Nghĩa Lộ, Cát Hải gđ1	111	80.000.000		
31/12	NC01	31/12	Lương gián tiếp 6 tháng cuối năm 2011	642		151.323.969	
31/12	NC01	31/12	Lương trực tiếp 6 tháng cuối năm 2011	154		2.824.991.397	
.....	
			Cộng phát sinh:		5.000.374.116	5.000.374.116	
			Số dư cuối kỳ:			-	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Việc trả lương cho cán bộ công nhân viên chức trực tiếp sản xuất được khoán dựa trên sản phẩm. Chi tiết việc trả lương tại xí nghiệp do nội bộ từng xí nghiệp tự hạch toán, được xem là độc lập với công ty.

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần Tư vấn ĐT và XD GTCC HP
 Địa chỉ : Số 32 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Chi phí SCKD dở dang
 Số hiệu: 154

Đơn vị tính: đồng VN

Ngày tháng g ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng g			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:		987.884.926	
			Số phát sinh trong kỳ:			
.....
31/12	31/12	PC4 35	Chi tiền giám sát ctr XD khu nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải - Nghĩa Lộ, Cát Hải gđ1	111	240.000.000	
31/12	31/12	NC0 2	Lương trực tiếp 6 tháng cuối năm 2011	334	2.824.991.397	
31/12	31/12	KH Q4	KHTS cố định 6 tháng cuối năm 2011	214	40.985.940	
31/12	31/12	GV3 ,4	Giá vốn 6 tháng cuối năm 2011	632		14.850.605.110
			Cộng phát sinh:		19.613.477.478	17.262.350.927
			Số dư cuối kỳ:		3.339.011.477	

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần Tư vấn ĐT và XD GTCC HP
 Địa chỉ : Số 32 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: đồng VN

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:			
			Số phát sinh trong kỳ:			
30/6	GV1,2	30/6	Giá vốn 6 tháng đầu năm 2011	154	2.398.888.857	
31/12	GV3,4	31/12	Giá vốn 6 tháng cuối năm 2011	154	14.850.605.110	
31/12	KQ02	31/12	K/c giá vốn vào kq sxkd	911		17.262.350.927
			Cộng phát sinh:		17.262.350.927	17.262.350.927
			Số dư cuối kỳ:			

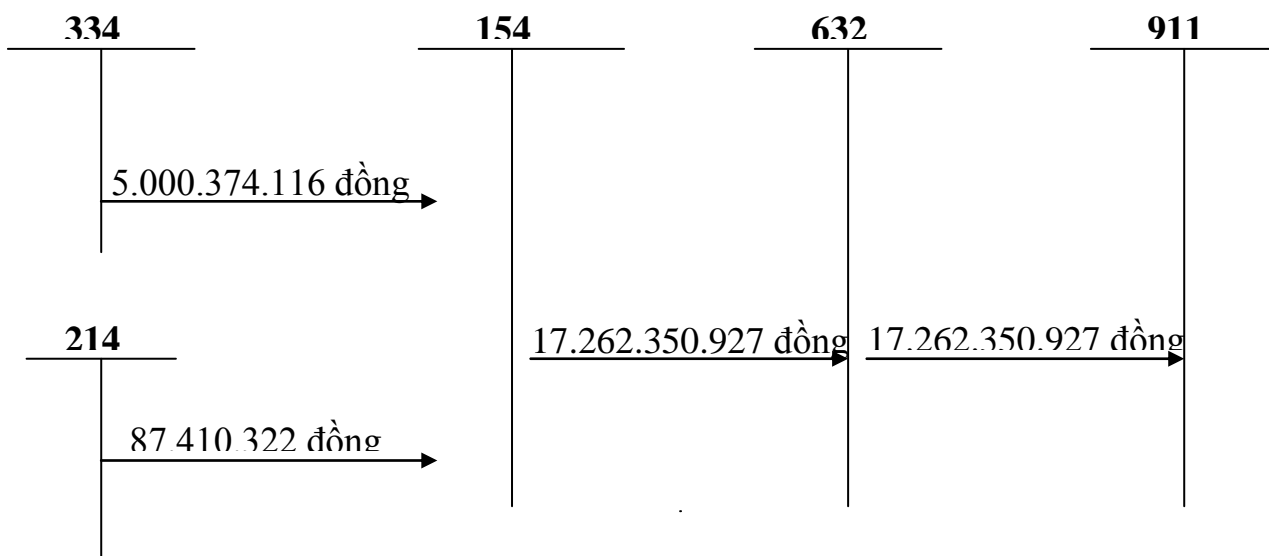
Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
 Bùi Thị Thanh Luyến

Kế toán trưởng
 Phạm Thị Minh Hương

Giám đốc
 Đào Trọng Hậu

c) Sơ đồ tổng hợp chi phí giá vốn TCIC năm 2011



2.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

a) Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Chứng từ:

- + Hóa đơn mua hàng hóa dịch vụ
- + Phiếu chi, giấy báo Nợ tiền gửi ngân hàng
- + Các chứng từ có liên quan khác.

- Sổ sách kế toán:

- + Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- + Bảng tính và phân bổ TSCĐ, CCDC dùng tại bộ phận gián tiếp
- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK642
- + Sổ chi tiết TK 642

b) Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng tài khoản 642 – chi phí quản lý doanh nghiệp để hạch toán các khoản chi phí nhằm mục đích quản lý trong kỳ. Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông công chính Hải Phòng bao gồm :

- Lương cán bộ quản lý hành chính và bảo hiểm theo lương
- Văn phòng phẩm , ấn phẩm, vật liệu.
- Công tác phí, xăng dầu

- Sách báo, quảng cáo, thuê nhà
- Nhà - điện - nước - vệ sinh coi xe
- Photo copy tài liệu, công chứng
- Khấu hao TSCĐ, CCDC
- Tiếp khách + hội nghị, sơ kết tổng hợp
- Mua sắm vật rẻ mớ hỏng, công cụ dụng cụ
- Thuế phí, lệ phí
- Điện thoại chuyên phát nhanh, internet
- Tham quan học tập
- Sửa chữa tài sản
- Chi phí bằng tiền khác

c) Quy trình hạch toán:

❖ Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương khu vực gián tiếp

Năm 2011 thực hiện theo chế độ trích lập các khoản trích theo lương năm 2011. các quỹ BHXH. BHYT.BHTN.KPCĐ được hình thành một phần do người lao động đóng góp và một phần do người sử dụng lao động đóng góp theo tỷ lệ sau:

Chỉ tiêu	Thu từ NLĐ	Trích vào chi phí CP SXKD	Cộng %
BHXH	6%	16%	22%
BHYT	1,5%	3%	4,5%
KPCĐ	1%	1%	2%
BHTN	1%	1%	2%
Cộng %	9,5%	21%	30,5%

- Việc theo dõi, tính toán tiền lương và trích nộp các khoản trích theo lương cho người lao động do bộ phận Văn phòng đảm nhận. Hàng tháng văn phòng chuyển sang phòng Kế toán Tài chính bằng chấm công, bảng tính lương và các khoản trích theo lương, kế toán dựa vào đó để chi trả lương cho người lao động và tập hợp chi phí đóng bảo hiểm.

- Đối với khối gián tiếp công ty áp dụng trả lương theo hệ số lương cơ bản được quy định rõ ràng trong pháp luật về tiền lương trả cho người lao động,

+ Tiền lương của khối gián tiếp được tính dựa trên cơ sở của lương cơ bản:

Lương cơ bản được tính bằng lương tối thiểu nhân hệ số lương cơ bản

Trong đó: Doanh nghiệp áp dụng mức lương tối thiểu là 290.000 đồng. Hệ số lương cơ bản tuân theo quy chế lương hiện hành theo chức vụ, trách nhiệm và quyền hạn của từng người.

Căn cứ theo doanh số hưởng lương cơ bản của từng cán bộ công nhân viên khối văn phòng công ty, Cụ thể được tính như sau:

$$L = L_{cb} * H_{th}$$

Trong đó:

L: Lương- đồng/người-tháng

H_{th}: hệ số lương tổng hợp

L_{cb}: lương cơ bản-đồng/người-tháng

Hệ số tổng hợp được áp dụng theo các kỳ họp của Hội đồng quản trị đề nghị. Phân ban hành các hệ số là do hội đồng quản trị ấn định sau khi xem xét rõ ràng chức năng nhiệm vụ của các cá nhân trong các vị trí.

❖ **Ví dụ:** Ngày 30/12/2011 văn phòng chuyển cho phòng kế toán tài chính bảng chấm công và bảng tính lương và các khoản trích theo lương khối phục vụ sản xuất kỳ 2 tháng 12/2011 .

Kế toán hạch toán vào sổ nhật ký chung:

1) Kế toán viết phiếu chi, thanh toán tiền lương lao động gián tiếp kỳ 2/2011:

Nợ TK334: 20.970.000 đồng

Có TK111: 20.970.000 đồng

2) Định kỳ 6 tháng, kết chuyển chi phí tiền lương khối gián tiếp vào chi phí QLDN.

Kết chuyển chi phí lương khối gián tiếp vào chi phí QLDN 6 tháng cuối năm:

Nợ TK642: 151.323.969 đồng

Có TK334: 151.323.969 đồng

(*) Sau đây là những chứng từ kế toán sử dụng để hạch toán tiền lương khối gián tiếp

Đơn vị báo cáo: Công ty CP Tư vấn đầu tư và XD GTCC HP
 Địa chỉ: 32 Điện Biên Phủ - Hải phòng

Mẫu số: A01 - LĐTL
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CHẤM CÔNG
 Tháng 12/2011

Số : 12/2011-VP

STT	HỌ TÊN	CHỨC DANH	NGÀY THÁNG TRONG THÁNG					SỐ CÔNG
			1	2	3	30	
1	Đào Trọng Hậu	TGD	x	x	x	x	22
2	Nguyễn Hữu Hoàn	Phó TGD	x	x	x	x	22
3	Đoàn Năng Liên	Phó TGD	x	x	x	x	22
4	Phạm Thị Minh Hương	KTT	x	x	x	x	22
5	Đặng Huy Hoàng	Chánh VP	x	x	x	x	22
6	Bùi Thị Thanh Luyện	Phòng TCKT	x	x	x	x	22
7	Nguyễn Đăng Quang	Phòng TCKT	x	x	x	x	21
8	Nguyễn Thị Vinh Hoa	Văn phòng	x	x	x	x	22
9	Trần Ngọc Dân	Bảo vệ	x	x	x	x	15
10	Nguyễn Duy Chinh	Bảo vệ	x	x	x	x	17
11	Đoàn Hữu Khản	Bảo vệ	x	x	x	x	19
12	Phạm Thị Ngọc	Phục vụ	x	x	x	x	22
13	Vũ Ngọc Thấn (BV 35)	Bảo vệ	x	x	x	x	25
14	Nguyễn Văn Hậu	Lái xe	x	x	x	x	22
	Tổng cộng		14	14	14		14	295

Căn cứ vào bản Điều lệ của công ty đã thông qua tại Hội nghị cổ đông ngày 25/03/2007 văn phòng công ty đã đưa ra bảng lương khối phục vụ sản xuất kỳ 2 tháng 12/2011 như sau:

Đơn vị báo cáo: Công ty CP T vấn đầu t- và XD GTCC HP

Địa chỉ: 32 Điện Biên Phủ - Hải Phòng

BẢNG TẠM ỨNG LƯƠNG KHÔI PHỤC VỤ SẢN XUẤT KỲ 2 THÁNG 12 NĂM 2011

ÁP DỤNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 77/QĐ-2005-QTNS-NCTT NGÀY 08/04/2005 VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ ĐIỀU CHỈNH

Đơn vị tính : đồng VN

STT	Họ và tên	Chức danh	HS lương CB	Lương CB	HS tổng hợp	Số tiền hưởng theo quy chế	Tổng cộng lương tháng (7+8+9)	Thu BHXH, YT 6%	Thu công đoàn phí1%	Tổng cộng lương tháng thực lĩnh	Số tạm ứng kỳ 1	Số còn lại kỳ này
1	2	3	4	5	6	7	10	11	12	13	14	15
1	Đào Trọng Hậu	TGD	5,98	1.734.200	3,46	6.000.000	6.000.000	104.000	29.000	5.870.000	2.500.000	3.370.000
2	Nguyễn Hữu Hoàn	Phó TGD	6,31	1.829.900	2,52	4.620.000	4.620.000	110.000	29.000	4.480.000	2.000.000	2.480.000
3	Đoàn Năng Liễn	Phó TGD	6,31	1.829.900	2,52	4.620.000	4.620.000	110.000	29.000	4.480.000	2.000.000	2.480.000
4	Phạm Thị Minh Hương	KTT	5,32	1.542.800	2,42	3.740.000	3.740.000	93.000	29.000	3.620.000	1.500.000	2.120.000
5	Đặng Huy Hoàng	Chánh VP	4,29	1.244.100	2,40	2.990.000	2.990.000	75.000	12.000	2.900.000	1.500.000	1.400.000
6	Bùi Thị Thanh Luyện	KTV	2,96	858.400	2,09	1.790.000	1.790.000	52.000	9.000	1.730.000	700.000	1.030.000
7	Nguyễn Đăng Quang	KTV	3,58	1.038.200	1,98	2.060.000	2.060.000	62.000	10.000	1.990.000	800.000	1.190.000
8	Nguyễn Thị Vinh Hoa	VP	3,89	1.128.100	1,42	1.600.000	1.600.000	68.000	11.000	1.520.000	0.000	920.000
9	Trần Ngọc Dân	Bv	3,09	896.100	Khoán	1.563.000	1.563.000	54.000	9.000	1.500.000	600.000	900.000
10	Nguyễn Duy Chính	Bv	3,09	896.100	Khoán	1.449.000	1.449.000	42.000	7.000	1.400.000	500.000	900.000
11	Đoàn Hữu Khấn	Bv		Khoán		1.400.000	1.400.000	-	-	1.400.000	500.000	900.000

12	Vũ Ngọc Thần (BV 35)	Bv				500.000	500.000	-	-	500.000	250.000	250.000
13	Phạm Thị Ngọc	Phục vụ	2,62	759.800	Khoán	1.300.000	1.300.000	46.000	8.000	1.250.000	500.000	750.000
14	Nguyễn Văn Hậu	Lái xe	3,05	884.500	2,24	1.980.000	1.980.000	53.000	9.000	1.920.000	700.000	1.220.000
	Tổng cộng					35.612.000	35.612.000	869.000	191.000	34.560.000	14.650.000	19.910.000

Tổng cộng lương tháng **35.612.000**

Số tạm ứng kỳ 1: **14.650.000**

Số còn lại kỳ này (11+12+15): **20.970.000**

Bằng chữ: Hai mươi triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đào Trọng Hậu

PHÒNG TC KT

Phạm Thị Minh Hương

VĂN PHÒNG

Đặng Huy Hoàng

Ví dụ: Lương của Chủ tịch hội đồng quản trị Nguyễn Hữu Hoàn được tính căn cứ vào:

-Hệ số lương của phó tổng giám đốc là 6,31

- Mức lương cơ bản là 290.000 đồng

=> $L_{cb} = 290.000 * 6,31 = 1.829.900$ (đồng)

- Hệ số lương tổng hợp là: 2,52

- Số lương được hưởng theo quy chế là : $L_{qc} = 1.829.900 * 2,52 = 4.620.000$ (đồng)

- Hoàn toàn tương tự ra sẽ tính được lương của những cán bộ công nhân viên khác trong khối gián tiếp.

Đơn vị: Công ty CP Tư vấn ĐT và XD GTCC HP

Địa chỉ: Số 32 Điện Biên Phủ - Hải phòng

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày: 31/12/ 2011

Liên số: 01

Số: **418**

Nợ 334

Có 111

Họ và tên người nộp tiền:

Đặng Huy Hoàng

Địa chỉ:

Văn Phòng

Lý do chi:

Chi lương kỳ 2 tháng 12/2011 khối gián tiếp

Số tiền:

20.970.000 đ

Bằng chữ: Hai mươi triệu chín trăm bảy mươi đồng chẵn./.

Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày: 31/12/ 2011

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Người nhận

(Ký, họ tên)

Bằng chữ: Hai mươi triệu chín trăm bảy mươi đồng chẵn./.

Đã nhận đủ số tiền:

20.970.000

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý)

+ Số tiền quy đổi:

Đơn vị: Công ty CP Tư vấn ĐT và XD GTCC HP

Địa chỉ: Số 32 Điện Biên Phủ - Hải phòng

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày: 31/12/ 2011

Liên số: 02

Số: **418**

Nợ 334

Có 111

Họ và tên người nộp tiền:

Đặng Huy Hoàng

Địa chỉ:

Văn Phòng

Lý do chi:

Chi lương kỳ 2 tháng 12/2011 khối gián tiếp

Số tiền:

20.970.000 đ

Bằng chữ: Hai mươi triệu chín trăm bảy mươi đồng chẵn./.

Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày: 31/12/ 2011

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Người nhận

(Ký, họ tên)

Bằng chữ: Hai mươi triệu chín trăm bảy mươi đồng chẵn./.

Đã nhận đủ số tiền:

20.970.000

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý)

+ Số tiền quy đổi:

(*) Từ bảng lương kế toán vào Sổ nhật ký chung và sổ cái TK642, không theo dõi chi tiết cho TK334 và các tài khoản thể hiện các khoản trích theo lương vì phần lương do văn phòng đảm nhận. Cuối kỳ, kế toán sử dụng excel tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương dựa trên nghiệp vụ hàng tháng ghi nhận. (*Sổ nhật ký chung, sổ cái TK642 được thể hiện ở trang 95*)

❖ Kế toán chi phí sử dụng máy móc thiết bị, CCDC tại khu vực gián tiếp

Chi phí sử dụng máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ tại khối gián tiếp được kế toán phân bổ qua TK 242, cuối kỳ kết chuyển vào TK642 – chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kế toán hạch toán chi phí trả trước dài hạn phải phân bổ tại khối gián tiếp vào chi phí QLDN:

- Trong năm 2011 tổng hợp mua máy móc thiết bị, CCDC tại khối gián tiếp

Nợ TK 242 :14.954.546 đồng

Nợ TK1331: 1.495.454 đồng

Có TK111 : 16.450.000 đồng

- Phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí quản lý doanh nghiệp định kỳ 6 tháng một lần:

+ 6 tháng đầu năm 2011:	+ 6 tháng cuối năm 2011:
Nợ TK642: 30.377.356 đồng Có TK 242: 30.377.356 đồng	Nợ TK642: 27.463.680 đồng Có TK 242: 27.463.680 đồng

(*) Kế toán dựa trên bảng tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK642 (*được thể hiện ở trang 96*)

Sau đây là bảng tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn do phòng kế toán tài chính cung cấp:

Đơn vị báo cáo: Công ty CP Tư vấn đầu tư và XD GTCC HP

Địa chỉ: 32 Điện Biên Phủ - Hải phòng

242 - CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đến 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại 31/12/2010	Quý 1/2011	Quý 2/2011	Quý 3/2011	Quý 4/2011	Phân bổ năm 2011	Giá trị còn lại 31/12/2011	Thời gian sử dụng
Năm 2009											
1	Trả tiền mua điều hoà	1	21.060.000	5.265.000	2.632.500	2.632.500			5.265.000	0	2 năm
2	Công công ty	1	5.549.250	1.387.313	693.656	693.656	0		1.387.313		2 năm
3	Phần mềm Noroad 5,0	3	22.483.440	14.988.960	1.873.620	1.873.620	1.873.620	1.873.620	7.494.480	7.494.480	3 năm
4	Mua máy đếm tiền	1	3.850.000	1.925.000	481.250	481.250	481.250	481.250	1.925.000	0	2 năm
Năm 2010											
1	Máy tính VP	3	11.300.000	5.650.000	1.412.500	1.412.500	1.412.500	1.412.500	5.650.000	0	2 năm
2	Máy in	2	5.000.000	3.125.000	625.000	625.000	625.000	625.000	2.500.000	625.000	2 năm
3	Máy tính	1	7.136.364	4.460.228	892.046	892.046	892.046	892.046	3.568.182	892.046	2 năm
4	Máy in	1	2.965.000	1.889.163	370.625	370.625	370.625	370.625	1.482.500	406.663	2 năm
5	Bàn làm việc	3	17.100.000	14.250.000	1.425.000	1.425.000	1.425.000	1.425.000	5.700.000	8.550.000	3 năm
6	Ghế làm việc	10	16.800.000	14.000.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	5.600.000	8.400.000	3 năm
7	Cửa nhôm kính	2	5.419.850	4.064.888	677.481	677.481	677.481	677.481	2.709.925	1.354.963	2 năm
8	Chi phí sửa xe ô tô		21.640.000	16.230.000	2.705.000	2.705.000	2.705.000	2.705.000	10.820.000	5.410.000	2 năm
Năm 2011											
1	Chi mua máy vi tính văn phòng	1	7.727.273				965.909	965.909	1.931.818	5.795.455	2 năm
2	Chi tiền mua máy fax	1	2.227.273				278.409	278.409	556.818	1.670.455	2 năm
3	Chi tiền mua tủ tài liệu cho phòng Tổng giám đốc		5.000.000				625.000	625.000	1.250.000	3.750.000	2 năm
TỔNG CỘNG			389.685.570	87.235.551	15.188.678	15.188.678	13.731.840	13.731.840	57.841.036	44.349.061	0

❖ Các khoản chi phí QLDN khác:

Ngoài ra còn một số khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác như: mua Văn phòng phẩm, ấn phẩm, vật liệu; chi Tiếp khách + hội nghị, sơ kết tổng hợp v.v....

Dựa trên những hóa đơn chứng từ kế toán ghi nhận nghiệp vụ vào sổ nhật ký chung và sổ cái TK 642 theo đúng thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

* Ví dụ:

1) Ngày 5/12 chi tiền tiếp khách phục vụ hội nghị Smec, số tiền 1.448.000 đồng.

Hạch toán:

Nợ TK642: 1.448.000 đồng

Có TK111: 1.448.000 đồng

2) Ngày 21/12 chi tiền mua thảm hỗ trợ kinh phí hiệp hội Xây dựng chuyển văn phòng, số tiền 5.000.000 đồng. Hạch toán:

Nợ TK642: 5.000.000 đồng

Có TK111: 5.000.000 đồng

3) Ngày 24/12 chi tiền mua lịch bàn và bloc năm 2012, số tiền 730.000 đồng. Hạch toán:

Nợ TK642: 730.000 đồng

Có TK111: 730.000 đồng

Kế toán dựa trên hóa đơn, chứng từ xác minh nghiệp vụ, giấy đề nghị thanh toán lập phiếu chi tiền. Đồng thời vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK642 phản ánh kịp thời nghiệp vụ phát sinh.

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTCC HP
Địa chỉ : Số 32 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số 03a- DNN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2011

Đơn vị tính : đồng VN

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ Cái	STT dòng	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số trạng trước chuyển sang:					
			Số phát sinh :					
30/6	PBDH0 1	30/6	Phân bổ chi phí dài hạn 6 tháng đầu năm 2011			642	30.377.356	
						242		30.377.356
.....
24/12	PC410	24/12	Chi tiền mua lịch bàn + bloc năm 2012			642	730.000	
						111		730.000
05/12	PC385	05/12	Chi tiền hội nghị Smec			642	1.448.000	
						111		1.448.000
21/12	PC405	21/12	chi tiền mua thăm hỗ trợ kinh phí hiệp hội Xây dựng chuyên văn phòng			642	5.000.000	
						111		5.000.000
.....
30/12	PC418	30/12	Chi lương kỳ 2 tháng 12/2012			334	20.970.000	
						111		20.970.000
31/12	PBDH0 2	31/12	Phân bổ chi phí dài hạn 6 tháng cuối năm 2011			642	27.463.680	
						242		27.463.680
31/12	NC01	31/12	Lương gián tiếp 6 tháng cuối năm 2011			642	151.323.969	
						334		151.323.969
.....
31/12	KQ01	31/12	K/c chi phí quản lý vào kq sxkd			911	1.419.471.422	
						642		1.419.471.422
.....
			Cộng tổng phát sinh				165.304.906.750	165.304.906.750

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần TV DT & XD GTCC HP

Mẫu số S03b- DNN

Địa chỉ : Số 32 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

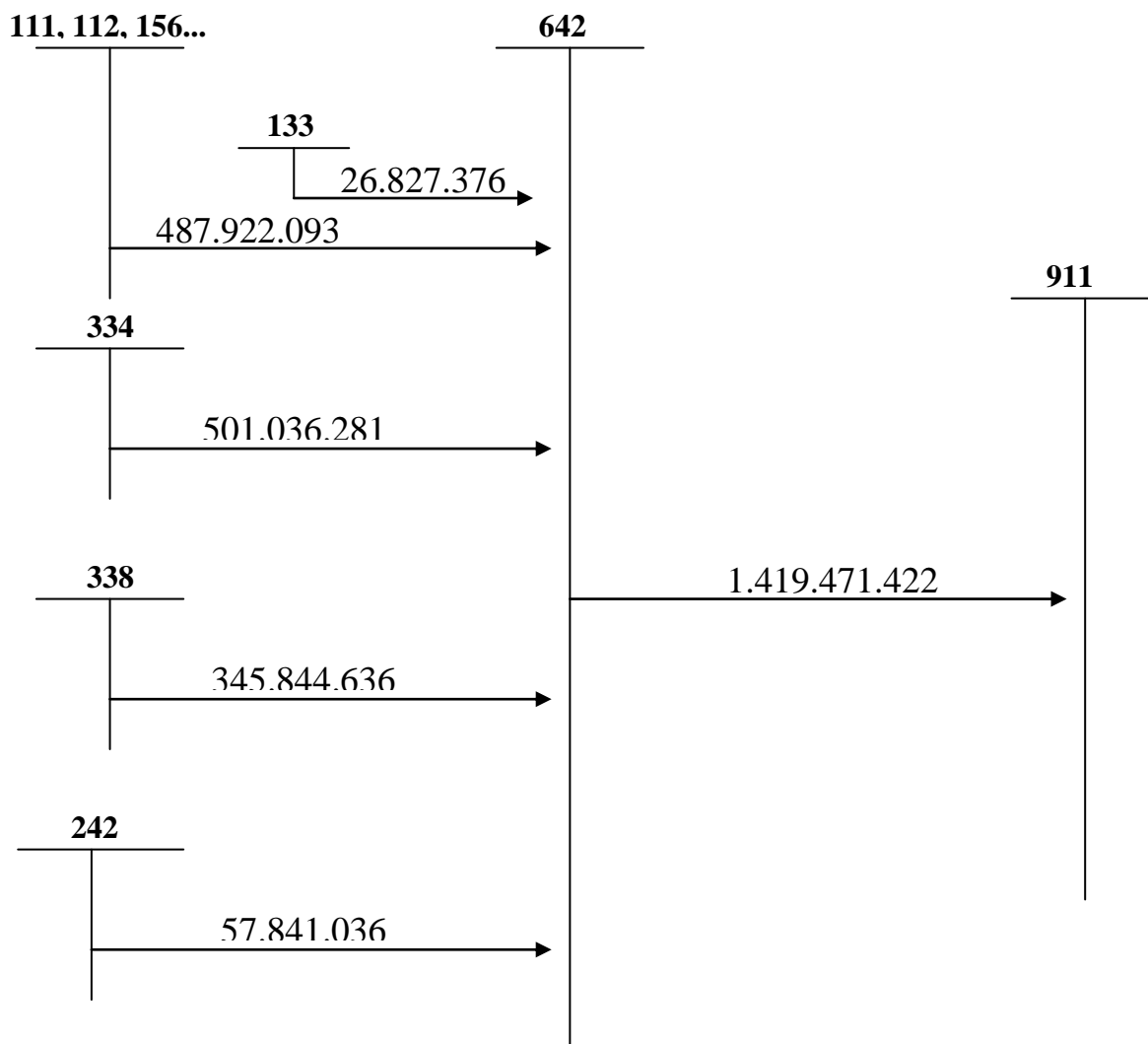
Tên tài khoản: Chi phí QLDN

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: đồng VN

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			Số dư đầu kỳ:				
			Số phát sinh trong kỳ:				
.....	
30/6	PBDH 01	30/6	Phân bổ chi phí dài hạn 6 tháng đầu năm 2011	242	30.377.356		
.....	
05/12	PC385	05/12	Chi tiền hội nghị Smec	111	1.448.000		
21/12	PC405	21/12	chi tiền mua thảm hỗ trợ kinh phí hiệp hội Xây dựng chuyên văn phòng	111	5.000.000		
.....	
31/12	PBDH 02	31/12	Phân bổ chi phí dài hạn 6 tháng cuối năm 2011	242	27.463.680		
31/12	NC01	31/12	K/c lương gián tiếp 6 tháng cuối năm 2011	334	151.323.969		
.....
31/12	KQ01	31/12	K/c chi phí quản lý vào kq sxkd			1.419.471.422	
			Cộng phát sinh		1.419.471.422	1.419.471.422	
			Số dư cuối kỳ				

d) Sơ đồ tổng hợp chi phí QLDN tại TCIC năm 2011:



2.2.2.4 Kế toán chi phí khác

- Kế toán sử dụng tài khoản 811- Chi phí khác để phản ánh các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trong kỳ chỉ phát sinh duy nhất một khoản chi phí khác là:
Ngày 31/12 doanh nghiệp bị phạt vì đóng BHXH chậm số tiền lãi do chậm nộp là: 1.260.646 đồng (lãi nộp chung số phải nộp) Kế toán hạch toán:
Nợ TK811: 1.260.646 đồng
Có TK3383: 1.260.646 đồng
- Vì nghiệp vụ phát sinh không nhiều nên kế toán chỉ vào sổ nhật ký chung, từ đó sử dụng excel tổng hợp lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính mà không mở sổ cái theo dõi cho TK811

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và XD GTCC

HP

Địa chỉ : Số 32 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số 03a- DNN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng VN

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ Cái	STT dòng	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang:					
			Số phát sinh :					
.....
31/12		31/12	Lãi phạt chậm nộp BHXH			811	1.260.646	
						3383		1.260.646
31/12	KQ03	31/12	K/c chi phí khác vào kq sxkd			911	1.260.646	
						811		1.260.646
.....
			Cộng tổng phát sinh				165.304.906.750	165.304.906.750

Hải Phòng, Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Bùi Thị Thanh Luyện

Kế toán trưởng

Phạm Thị Minh Hương

Giám đốc

Đào Trọng Hậu

2.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.3.1 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

- Hiệu quả chính là mục tiêu duy nhất của hoạt động sản xuất kinh doanh mà tất cả các doanh nghiệp đều hướng tới. Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đối với doanh nghiệp dịch vụ, kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả của hoạt động cung cấp dịch vụ.

- Nội dung kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông công chính Hải Phòng bao gồm:

- + Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- + Kết quả hoạt động tài chính

- + Kết quả của hoạt động khác
- Số liệu kế toán kết quả kinh doanh là số liệu kế thừa của các nghiệp vụ phát sinh trước đó.
- Vì kế toán kết quả kinh doanh mang tính chất kế thừa các nghiệp vụ kinh tế nên đảm bảo thông tin chính xác, kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu với các chứng từ gốc về thu nhập, chi phí như hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, chứng từ ngân hàng,...

2.2.3.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a) Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK911, TK821, TK421
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

b) Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh và các tài khoản có liên quan như:

- TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK632 – Giá vốn hàng bán
- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
- TK711- Thu nhập khác
- TK811 – Chi phí khác
- TK821- Chi phí thuế TNDN
- TK911 – Xác định kết quả kinh doanh
- TK421 – Lợi nhuận chưa phân phối

c) Phương pháp tính toán và hạch toán kế toán

➤ Phương pháp tính toán:

+ Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

➤ Hạch toán kế toán

Tháng 12/ 2011, kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh của TCIC, thực hiện các bút toán kết chuyển như sau:

- **Kết chuyển chi phí:**

+ Kết chuyển giá vốn hàng bán:

Nợ TK911: 17.262.350.927

Có TK632: 17.262.350.927

+ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp:

Nợ TK911: 1.419.471.422

Có TK642: 1.419.471.422

+ Kết chuyển chi phí khác:

Nợ TK911: 1.260.646

Có TK811: 1.260.646

- **Kết chuyển doanh thu:**

+ Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Nợ TK511: 19.344.301.962

Có TK911: 19.344.301.962

+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính:

Nợ TK515: 21.519.185

Có TK911: 21.519.185

+ Kết chuyển thu nhập khác:

Nợ TK711: 1.000.000

Có TK911: 1.000.000

- **Lợi nhuận kế toán trước thuế** = Tổng doanh thu – Tổng chi phí hợp lý, hợp lệ
= 19.366.821.147 - 18.683.082.995
= 683.738.152

- **Xác định thuế TNDN phải nộp** = LN trước thuế x 25% = 170.934.538

Trong kỳ doanh nghiệp được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011 theo thông tư Số: 154/2011/TT-BTC đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nên số thuế TNDN phải nộp năm 2011 là : 170.934.538 x 70% = 119.654.177

- Lợi nhuận kế toán sau thuế = LN_{TT} – Thuế TNDN phải nộp = 564.083.975

- Trích lập các quỹ:

+ Quỹ dự phòng tài chính	12% LN sau thuế	67.690.077
+ Quỹ khen thưởng ban điều hành	10% Vốn cố định	360.000.000
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	Còn lại	136.393.898

Các nghiệp vụ trên được kế toán tổng hợp phản ánh trên sổ nhật ký chung vào cuối niên độ kế toán:

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và XD GTCC HP

Mẫu số 03a- DNN

Địa chỉ : Số 32 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng VN

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ Cái	STT dòng	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang:				110.170.546.185	110.170.546.185
			Tháng 12					
....
31/12	KQ01	31/12	K/c chi phí quản lý vào kq sxkd			911	1.419.471.422	
						642		1.419.471.422
31/12	KQ02	31/12	K/c giá vốn vào kq sxkd			911	17.262.350.927	
						632		17.262.350.927
31/12	KQ03	31/12	K/c chi phí khác vào kq sxkd			911	1.260.646	
						811		1.260.646
31/12	KQ04	31/12	K.c thu nhập khác vào kqsxkd			711	1.000.000	
						911		1.000.000
31/12	KQ05	31/12	K.c doanh thu HĐTC vào kq			515	21.519.185	
						911		21.519.185
31/12	KQ06	31/12	K/c doanh thu vào kq sxkd			511	19.344.301.962	
						911		19.344.301.962
31/12	KQ07	31/12	Xác định chi phí thuế TNDN phải nộp			821	170.934.538	
						3334		170.934.538
31/12	ĐC04	31/12	Thuế TNDN phải nộp được giảm 30% theo thông tư 154/2010			821	(51.280.361)	
						3334		(51.280.361)

31/12	KQ08	31/12	K/c Thuế TNDN phải nộp			911	119.654.177	
						821		119.654.177
31/12	KQ09	31/12	Kết quả kinh doanh sau thuế TNDN			911	564.083.975	
						421		564.083.975
31/12	KQ10	31/12	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi			421	136.393.898	
						431		136.393.898
31/12	KQ11	31/12	Trích quỹ dự phòng tài chính			421	67.690.077	
						415		67.690.077
31/12	KQ12	31/12	Trích chia lãi cổ tức			421	360.000.000	
						3385		360.000.000
			Cộng phát sinh tháng 12				55.134.360.565	55.134.360.565
			Cộng tổng phát sinh				165.304.906.750	165.304.906.750

Hải Phòng, Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Bùi Thị Thanh Luyện

Kế toán trưởng

Phạm Thị Minh Hương

Giám đốc

Đào Trọng Hậu

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần TV DT & XD GTCC
Địa chỉ : Số 32 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu:911

Đơn vị tính: đồng VN

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			Số dư đầu kỳ:				
			Số phát sinh trong kỳ:				
31/12	KQ01	31/12	K/c chi phí quản lý vào kq sxkd	642	1.419.471.422		
31/12	KQ02	31/12	K/c giá vốn vào kq sxkd	632	17.262.350.927		
31/12	KQ03	31/12	K/c chi phí khác vào kq sxkd	811	1.260.646		
31/12	KQ04	31/12	K.c thu nhập khác vào kqsxkd	711		1.000.000	
31/12	KQ05	31/12	K.c doanh thu HĐTC vào kq	515		21.519.185	
31/12	KQ06	31/12	K/c doanh thu vào kq sxkd	511		19.344.301.962	
31/12	KQ08	31/12	K/c Thuế TNDN phải nộp	821	119.654.177		
31/12	KQ09	31/12	Kết quả kinh doanh sau thuế TNDN	421	564.083.975		
			Số phát sinh trong kỳ:		19.366.821.147	19.366.821.147	
			Số dư cuối kỳ				

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần TV DT & XD GTCC

Mẫu số S03b- DNN

Địa chỉ : Số 32 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN

Số hiệu:821

Đơn vị tính: đồng VN

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			Số dư đầu kỳ:				
			Số phát sinh trong kỳ:				
31/12	KQ07	31/12	Xác định chi phí thuế TNDN phải nộp	3334	170.934.538		
31/12	ĐC04	31/12	Thuế TNDN phải nộp được giảm 30% theo thông tư 154/2010	3334	(51.280.361)		
31/12	KQ08	31/12	K/c Thuế TNDN phải nộp	911		119.654.177	
			Số phát sinh trong kỳ:		119.654.177	119.654.177	
			Số dư cuối kỳ				

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần TV DT & XD GTCC HP

Mẫu số S03b- DNN

Địa chỉ : Số 32 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế TNDN

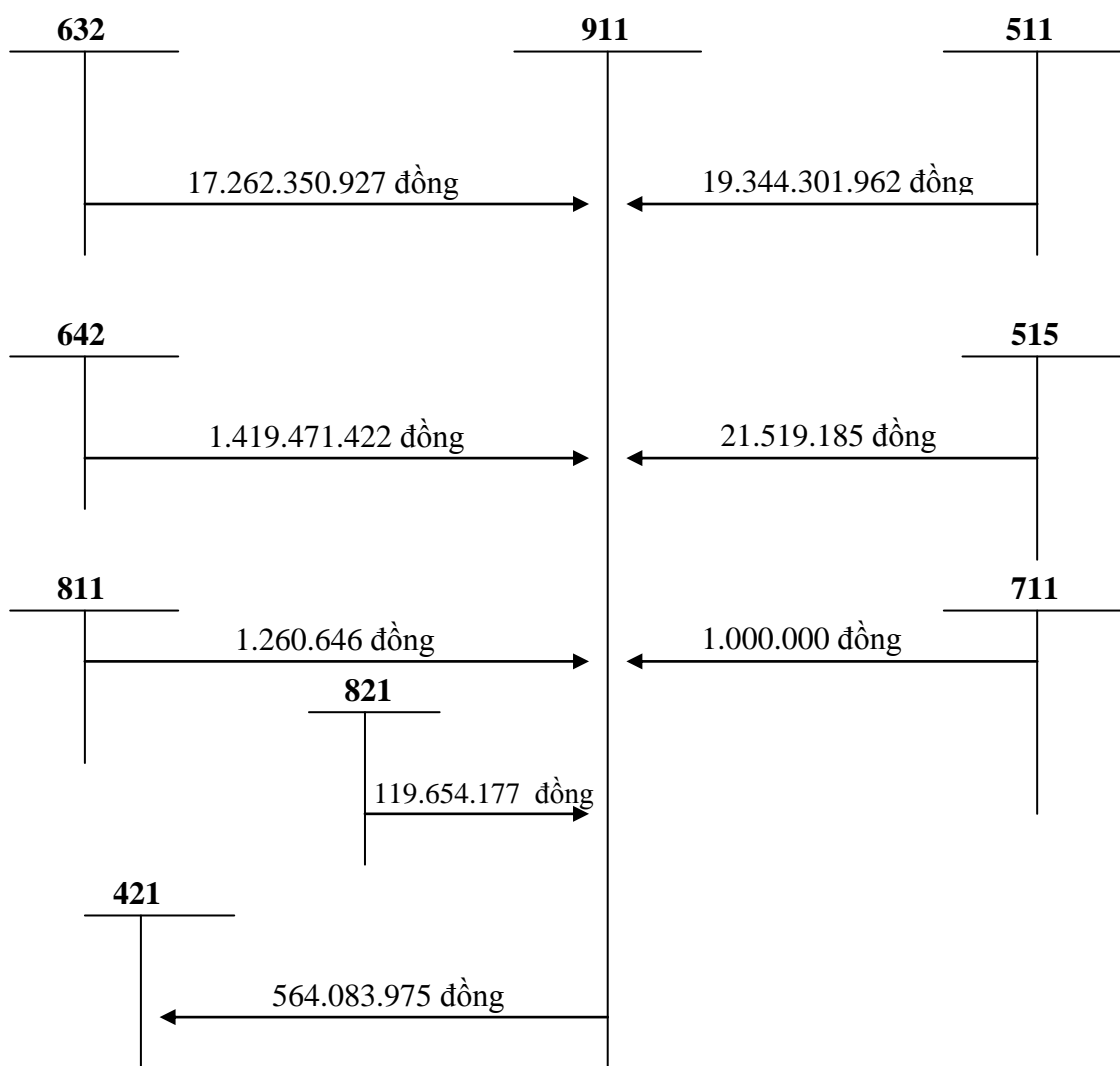
Số hiệu:421

Đơn vị tính: đồng VN

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			Số dư đầu kỳ:				
			Số phát sinh trong kỳ:				
31/12	KQ09	31/12	Kết quả kinh doanh sau thuế TNDN	911		564.083.975	
31/12	KQ10	31/12	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	431	136.393.898		
31/12	KQ11	31/12	Trích quỹ dự phòng tài chính	415	67.690.077		
31/12	KQ12	31/12	Trích chia lãi cổ tức	3385	360.000.000		
			Số phát sinh trong kỳ:		564.083.976	564.083.976	
			Số dư cuối kỳ				

2.2.4 Hạch toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Sau đây là sơ đồ hạch toán tổng hợp quy trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2011 của Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTCC Hải Phòng .



CHƯƠNG III

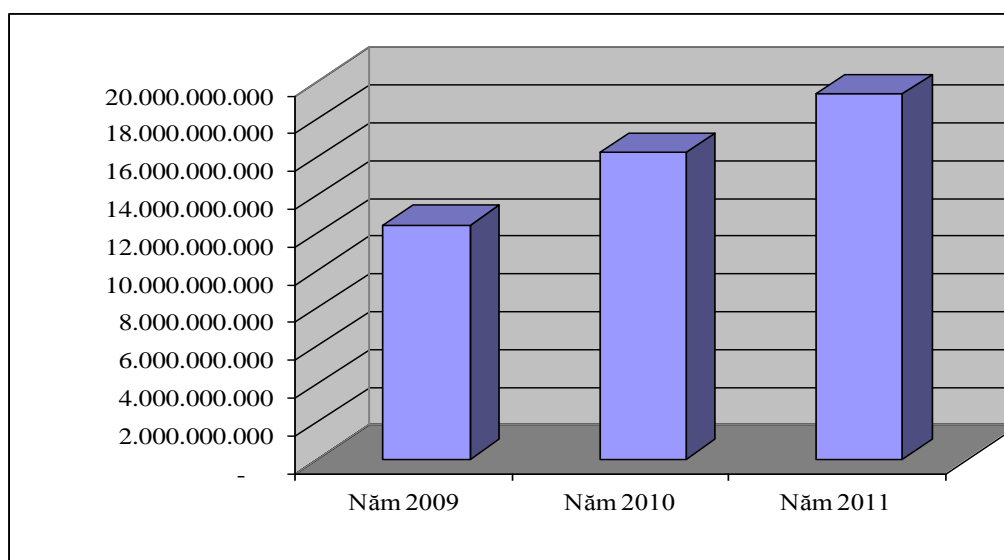
MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG GTCC HẢI PHÒNG

3.1 Những nhận xét, đánh giá về sản xuất kinh doanh, tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán và công tác hạch toán kế toán ở TCIC.

3.1.1 Những ưu điểm

(1) TCIC là doanh nghiệp hạch toán kinh doanh trên lĩnh vực tư vấn khảo sát thiết kế, tư vấn giám sát các công trình giao thông, hạ tầng đô thị. Trong những năm qua công ty luôn là lá cờ đầu của ngành GTVT.

Biểu đồ doanh thu của công ty trong 3 năm từ 2009-2011:



Nhìn vào biểu đồ ta thấy doanh thu của công ty liên tục tăng trong 3 năm liền, cụ thể :

- Năm 2009 doanh thu đạt 12.412.752.669 đồng nộp vào ngân sách 1,2 tỷ đồng
- Năm 2010 doanh thu đạt 16.228.456.437 đồng nộp vào ngân sách 1,6 tỷ đồng
- Năm 2011 doanh thu đạt 19.344.301.962 đồng nộp vào ngân sách 1,9 tỷ đồng

Năm 2011 công ty củng cố thị trường tư vấn giao thông cầu đường bộ, tập trung khai thác thị trường tư vấn xây dựng đường thủy, cảng biển và công nghiệp dân dụng đồng thời mở rộng thị trường các khu công nghiệp - Đô thị ngoại tỉnh.

(2) Đội ngũ công nhân lao động có chất lượng cao, đa số được đào tạo bài bản đã đóng góp trực tiếp, to lớn vào sự phát triển của công ty. Tính đến năm 2011 TCIC

hiện có 90 người (14 nữ) trong đó có: 3 thạc sỹ, 82 kỹ sư các ngành xây dựng, giao thông, điện, cấp thoát nước, khảo sát, môi trường, kinh tế.. và 5 công nhân trực tiếp. Nguồn nhân lực dồi dào chất lượng cao chính là thế mạnh của công ty.

(3) Bộ máy hành chính gọn nhẹ, năng động, có trình độ, góp phần xây dựng, hoàn thiện nội quy cơ quan, quy chế khoán sản phẩm, giúp các đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

(4) Phòng kế toán tài chính được tổ chức theo loại hình tập trung, với mô hình gọn nhẹ, đội ngũ nhân viên có trình độ học vấn cao, kinh nghiệm lâu năm đã hỗ trợ tích cực và cùng các xí nghiệp trực thuộc hoàn thiện thủ tục thanh quyết toán đảm bảo đúng chế độ chính sách, góp phần giữ vững sự ổn định và phát triển của công ty trên thị trường.

(5) Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và đúng mẫu do Bộ Tài chính ban hành, thông tin nghiệp vụ được ghi chép rõ ràng, đầy đủ và chính xác theo đúng chứng từ, bản chất nghiệp vụ. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, các kế toán ở phần hành nào thì lưu chứng từ có liên quan đến phần hành đó. Vì vậy, đảm bảo tính thống nhất, không chồng chéo và nguyên tắc phân công phân nhiệm rõ ràng.

(6) Công ty áp dụng ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung, phù hợp với phương thức kinh doanh. Đây là hình thức được sử dụng phổ biến, đảm bảo cho thông tin nhanh, chính xác, giúp công tác điều hành doanh nghiệp được cụ thể, sâu sát và đúng hướng.

(7) Công ty áp dụng hệ thống tài khoản kế toán thống nhất theo chế độ chứng từ, chế độ sổ sách và hệ thống báo cáo tài chính quyết định số 15/2006/QĐ-BTC cùng các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung và các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

(8) Phòng kế toán tài chính nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế và những thay đổi về chế độ kế toán, đã vận dụng phù hợp với tình hình thực tế đơn vị mình.

(9) Công tác hạch toán doanh thu được thực hiện nhanh chóng, đầy đủ và chính xác, theo dõi chặt chẽ đến từng đơn vị xí nghiệp trực nghiệp dựa trên số lượng công trình và theo từng loại hình dịch vụ. Kế toán doanh thu định kỳ kiểm tra, đối chiếu với các chứng từ gốc, lập báo cáo tình hình doanh thu trình kế toán trưởng và lãnh đạo công ty. Đây là cách làm rất tốt để kiểm tra tài chính và xử lý kịp thời các thiếu sót tại các xí nghiệp thành viên.

(10) Mọi chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất và cung ứng dịch vụ đều được kế toán hạch toán kịp thời, đầy đủ theo đúng chế độ, từ đó kiểm soát một cách chi tiết nhằm hạn chế tối đa những chi phí không cần thiết.

(11) Công tác kế toán kết quả kinh doanh được thực hiện đúng quy định, chuẩn mực kế toán hiện hành, đáp ứng nhanh chóng, kịp thời tình hình số liệu theo yêu cầu của lãnh đạo công ty.

3.1.2. Những điểm thiếu sót còn tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm, trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTCC Hải Phòng em nhận thấy đơn vị vẫn còn tồn tại một số điểm thiếu sót. Cụ thể như sau:

(1) Công ty chưa có biện pháp quản lý các công trình do xí nghiệp tự khai thác.

Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông công chính Hải Phòng có 6 xí nghiệp trực thuộc, việc hạch toán hoàn toàn độc lập với công ty. Phòng kế toán tài chính chỉ hạch toán chi phí sản xuất và lương cán bộ công nhân khối trực tiếp dựa vào tỷ lệ trên số lượng tiền khách hàng trả theo tiến độ công trình mà không nắm được chi tiết từng khoản mục. Từ đó dẫn đến tình trạng một số xí nghiệp không nộp về công ty số tiền 10% trên doanh thu công trình do xí nghiệp mình tự khai thác theo quy chế thống nhất tại kỳ họp Hội đồng quản trị:

- Việc không quản lý sâu sát được các công trình do xí nghiệp tự khai thác đã làm cho:
 - + Công ty không thu được 10% tiền đảm bảo công trình do xí nghiệp tự khai thác, làm giảm doanh thu, kết quả kinh doanh mất tính chính xác.
 - + Giảm khả năng kiểm soát của phòng kế toán tài chính về năng lực kinh tế toàn công ty.
 - + Gây khó khăn trong công tác điều hành chỉ đạo.

(2) Cơ cấu lao động chưa cân đối trong các lĩnh vực: giao thông, cầu đường, cảng, hạ tầng, kinh tế. Sự kết nối giữa các xí nghiệp, bộ phận chưa chặt chẽ.

- Tình trạng mất cân đối trong cơ cấu lao động dẫn tới:
 - + Thiếu lao động ở một số bộ phận, gây chậm trễ trong quá trình giải quyết công việc, từ đó là giảm hiệu quả sản xuất.
 - + Dư thừa lao động ở một số bộ phận dẫn tới sự lãng phí nguồn nhân lực.
 - + Tăng chi phí tiền công, tiền lương lao động; giá thành sản phẩm, dịch vụ tăng; đồng thời làm giảm kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

(3) Vấn đề tiền lương, tiền công lao động:

- Mức lương cơ bản công ty lựa chọn áp dụng là 290.000 đồng quá thấp chưa theo kịp đà phát triển chung của xã hội.
- Cơ chế trả lương khối gián tiếp dựa trên hệ số tổng hợp được quyết định theo các kỳ họp thường niên của Hội đồng quản trị chưa phản ánh đúng giá cả sức lao động, còn mang nặng tính chủ quan.
- Tồn tại sự chênh lệch lớn giữa mức lương của người chủ trì công việc và người lao động.
- Việc bất hợp lý về tiền lương, tiền công lao động đã làm:
 - + Giảm chi phí tiền công lao động, làm tăng kết quả kinh doanh trong kỳ, gây sai lệch trên báo cáo tài chính.
 - + Ảnh hưởng tới mức sống, thu nhập của người lao động.
 - + Gây ra tâm lý bất bình trong người lao động, từ đó làm giảm năng suất lao động.
 - + Không đảm bảo tính công bằng, dân chủ trong nội bộ doanh nghiệp.
 - + Lao động bỏ việc đi nơi khác, từ đó ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

(4) Kế toán không sử dụng đúng số hiệu tài khoản

Phòng kế toán tài chính chưa áp dụng đúng số liệu tài khoản theo quy định trong hạch toán kế toán.

Trong niên độ 2011, công ty vẫn sử dụng tài khoản 431 – Quỹ khen thưởng phúc lợi mặc dù ngày 31/12/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 244/2009/TT-BTC Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp, theo đó Đối số hiệu tài khoản 431- “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” thành tài khoản 353- “Quỹ khen thưởng, phúc lợi”.

Thiếu sót trên đã dẫn đến:

- + Chưa chấp hành đúng quy định của Nhà nước về việc sử dụng tài khoản trong hạch toán kế toán.
- + Thể hiện sự chậm trễ, chưa thay đổi kịp thời trong việc cập nhật các văn bản kế toán ban hành.
- + Gây khó khăn trong công tác tổng hợp, theo dõi.

(5) Công ty thực hiện trích lập kinh phí Công đoàn chưa đúng quy định:

Năm 2011 công ty thực hiện trích các khoản trích theo lương theo tỷ lệ :

Chỉ tiêu	Thu từ NLĐ	Trích vào chi phí CP SXKD	Cộng %
BHXH	6%	16%	22%
BHYT	1,5%	3%	4,5%
KPCĐ	1%	1%	2%
BHTN	1%	1%	2%
Cộng %	9,5%	21%	30,5%

Ta thấy công ty thực hiện trích lập kinh phí Công đoàn 2% trong đó thu từ người lao động 1% và doanh nghiệp chỉ trích 1% vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Việc trích lập như vậy là không đúng với quy định của Nhà nước về việc trích lập các khoản trích theo lương được quy định theo thông tư liên tịch số: 119/2004/TTLT/BTC-TLĐLĐVN về việc Hướng dẫn trích nộp kinh phí công đoàn. Theo đó Kinh Phí Công Đoàn là khoản tiền được trích lập theo tỷ lệ là 2% trên tổng quỹ lương thực tế phải trả cho toàn bộ cán bộ công nhân viên của doanh nghiệp, tính hết vào chi phí sản xuất kinh doanh nhằm chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người lao động đồng thời duy trì hoạt động của công đoàn tại doanh nghiệp. Toàn bộ số kinh phí công đoàn trích được một phần nộp lên cơ quan công đoàn cấp trên, một phần để lại doanh nghiệp để chi tiêu cho hoạt động công đoàn tại doanh nghiệp.

- Việc trích lập không đúng khoản kinh phí Công đoàn đã dẫn đến việc:
 - + Công ty không thực hiện đúng quy định của Nhà nước về việc trích lập kinh phí công đoàn.
 - + Làm giảm chi phí dẫn đến làm tăng không đúng kết quả kinh doanh trong kỳ.
 - + Làm giảm thu nhập của người lao động, ảnh hưởng tới quyền và lợi ích người lao động.
 - + Doanh nghiệp có khả năng sẽ bị xử lý vi phạm, tùy thuộc vào từng mức vi phạm (do Liên đoàn lao động quy định).

(6) Không kiểm kê, đánh giá tình hình TSCĐ tại khu vực sản xuất trực tiếp

Theo quy định 6 tháng hoặc 1 năm công ty tiến hành kiểm kê đánh giá lại TSCĐ xem xét hiện trạng TSCĐ. Nhưng tại công ty Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTCC Hải Phòng không hề diễn ra kiểm kê hay đánh giá lại giá trị hiện thời của TSCĐ.

Tác hại của việc không theo dõi tình hình TSCĐ bộ phận trực tiếp:

- + Điều này dẫn tới việc xem xét giá trị của TSCĐ hiện có không đúng với thực tế mà chỉ theo sổ sách .
- + Làm cho nhà quản lý đưa ra các quyết định không sát với thực tế, đầu tư và sử dụng TSCĐ kém hiệu quả hơn.

(7) Không trích khấu hao TSCĐ tại khu vực sản xuất trực tiếp theo phương pháp đã đăng ký; chưa mở sổ cái theo dõi chi tiết cho tài khoản 214.

Nhược điểm trên làm ảnh hưởng đến:

- + Nguyên giá, giá trị hao mòn TSCĐ dùng tại bộ phận sản xuất trực tiếp.
- + Làm tăng chi phí, giảm kết quả kinh doanh trong kỳ, sai lệch thông tin trên báo cáo tài chính.
- + Không theo dõi cụ thể được tình hình TSCĐ tại bộ phận sản xuất trực tiếp, gây khó khăn trong công tác tổng hợp.

3.1.3 Nguyên nhân của những tồn tại, thiếu sót.

** Nguyên nhân khách quan:*

- Năm 2011 được đánh giá là năm kinh tế Việt Nam khó khăn nhất từ 1991 đến nay (theo BBC), trong bối cảnh hậu khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nước ta với hơn 79.000 doanh nghiệp giải thể, bài toán cắt giảm chi phí, tạo công ăn việc làm cho người lao động, tạo ra ưu thế cạnh tranh luôn là vấn đề nan giải đối với lãnh đạo doanh nghiệp.

- Do hệ thống chính sách, chế độ của Nhà nước chưa ổn định, luôn thay đổi gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc thực hiện chế độ, chính sách.

- Việc phổ biến, kiểm tra, đôn đốc về tình hình thực hiện chế độ của Nhà nước chưa đến nơi đến chốn dẫn đến tình trạng một số doanh nghiệp không nắm bắt kịp thời những thông tin mới nhất về chế độ hiện hành.

** Nguyên nhân chủ quan*

Tuy nhiên nguyên nhân gây ra những thiếu sót còn tồn tại cũng do chính bản thân doanh nghiệp:

+ Do doanh nghiệp ngại, chưa muốn thay đổi, chấp hành theo quy định mới ban hành.

+ Do việc hạch toán độc lập giữa xí nghiệp với công ty, một số xí nghiệp không chấp hành đúng quy chế quy định.

+ Do cán bộ nhân viên phòng kế toán tài chính chưa chịu tìm hiểu, cập nhật, vận dụng kịp thời các văn bản pháp luật về kế toán ban hành.

- + Do trình độ và nhận thức cán bộ chưa được đào tạo bài bản.
- + Do công tác chỉ đạo chưa sâu sát.

3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng GTCC Hải Phòng.

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để sản xuất kinh doanh có hiệu quả, doanh nghiệp rất cần những thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tài chính thực tế của doanh nghiệp mình. Chính vì vậy phòng kế toán tài chính đóng vai trò vô cùng quan trọng trong bộ máy vận hành doanh nghiệp. Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả nói riêng tại các doanh nghiệp Việt Nam hầu hết chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Công tác kế toán còn thụ động, chỉ dừng ở mức độ ghi chép, cung cấp thông tin mà chưa có sự tác động tích cực.

Vì vậy việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là hết sức cần thiết. Nó đảm bảo sự chính xác, trung thực của các thông tin tài chính, phản ánh khách quan tình hình kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Đồng thời là cơ sở cho cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp, thực hiện tốt mục tiêu tăng doanh thu, hạ chi phí trong chiến lược phát triển lâu dài của công ty.

3.2.2 Mục đích yêu cầu, nguyên tắc, phạm vi, thời gian hoàn thiện

- Mục đích yêu cầu: Công tác hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp những tài liệu có độ chính xác tin cậy cao, giúp nhà quản lý đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh phải thể hiện đúng đắn những thuận lợi khó khăn của doanh nghiệp, từ đó giúp nhà quản lý đề ra những biện pháp khắc phục thiếu sót còn tồn tại hoặc phát huy những ưu điểm, lợi thế giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.
- Phạm vi, thời gian hoàn thiện: Cán bộ, đội ngũ nhân viên phòng kế toán từng bước hoàn thiện công tác kế toán ở từng bộ phận, từng xí nghiệp và ở toàn công ty.
- Nguyên tắc của việc hoàn thiện: dựa trên chế độ kế toán hiện hành và điều kiện thực tế của doanh nghiệp hoàn thiện mà vẫn đảm bảo tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Đối chiếu những kiến thức đã tiếp thu trong nhà trường cùng với thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng GTCC Hải Phòng em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

3.2.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng GTCC Hải Phòng.

(1) Công ty có biện pháp quản lý công tác hạch toán kế toán của các xí nghiệp trực thuộc:

Trong thời gian tới, công ty nên thực hiện việc kiểm tra, rà soát công tác kế toán tại các xí nghiệp thành viên, yêu cầu các xí nghiệp giải trình về tình hình tài chính của xí nghiệp mình, định kỳ nộp về phòng kế toán tài chính báo cáo hoạt động kinh doanh để từ đó kế toán tổng hợp một cách chính xác công tác hạch toán kế toán toàn công ty.

Việc công ty thực hiện vai trò quản lý trong công tác hạch toán kế toán sẽ giúp:

- Đồng bộ hóa bộ máy kế toán toàn công ty.
- Hạn chế hiện tượng xí nghiệp không công khai các khoản thu từ những công trình do xí nghiệp tự khai thác.
- Tạo điều kiện thuận lợi trong việc theo dõi, chỉ đạo.

(2) Công ty nhanh chóng có biện pháp giải quyết lao động cơ cấu lao động chưa cân đối

Trong thời gian tới, công ty cần cân đối lại cơ cấu lao động trong từng xí nghiệp, chuyển chuyên, điều động cán bộ nếu cần thiết.

Việc làm này có tác dụng:

- Giao đúng người đúng việc, tăng năng suất lao động.
- Không lãng phí nguồn nhân lực chất lượng cao.

(3) Giải quyết vấn đề tiền lương đối với người lao động khu vực sản xuất gián tiếp:

- Văn phòng công ty lựa chọn, vận dụng nâng mức lương cơ bản theo quy định, chính sách hiện hành cho phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của người lao động.

- Giải quyết vấn đề chênh lệch lương

+ Công ty nên tổ chức các buổi đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo với người lao động để nắm được nguyện vọng của người lao động. Đồng thời dựa trên trình độ năng lực thực tế của người lao động để trả lương sao cho vừa chính xác với công sức người lao động bỏ ra, vừa phù hợp với tình hình tài chính của công ty.

+ Đào tạo, cho người lao động đi học để nâng cao trình độ ngành nghề đồng thời nâng bậc lương cho người lao động.

- Tác dụng của việc điều chỉnh lương cán bộ công nhân viên khởi hành chính:

+ Cải thiện thu nhập cho người lao động.

+ Công ty thực hiện đầy đủ quyền và lợi ích đối với người lao động, giúp người lao động hăng say làm việc, nâng cao hiệu quả công việc.

(4) Kế toán sử dụng đúng số hiệu tài khoản quy định:

- Đề nghị công ty trong thời gian tới thực hiện đổi số hiệu tài khoản 431- “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” thành tài khoản 353- “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” .

- Tác dụng của việc sử dụng đúng số hiệu tài khoản “ Quỹ khen thưởng phúc lợi”

+ Phòng kế toán thực hiện đúng quy định của BTC về sử dụng số hiệu tài khoản trong hạch toán, giúp đồng bộ với chế độ kế toán hiện hành.

+ Thuận tiện cho việc tổng hợp báo cáo và theo dõi.

(5) Trích lập kinh phí Công đoàn theo đúng quy định hiện hành

Đề nghị kế toán công ty thực hiện trích lập kinh phí công đoàn đối với khu vực gián tiếp theo đúng quy định pháp luật hiện hành 2% trích vào chi phí sản xuất kinh doanh để không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của người lao động.

Cụ thể:

Kế toán trích kinh phí Công đoàn tháng 12/2011 trên số lương trả cho người lao động khối gián tiếp:

$$\text{KPCĐ tháng 12 (gián tiếp)} = 35.612.000 \times 2\% = 712.240 \text{ đồng}$$

Toàn bộ số kinh phí Công đoàn trích lập được trên tổng lương trả cho người lao động khối hành chính và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Kế toán định khoản:

Nợ TK642: 712.240 đồng

Có TK3382: 712.240 đồng

- Tác dụng của việc trích lập KPCĐ đúng quy định:

+ Doanh nghiệp thực hiện đúng quy định về việc trích các khoản trích theo lương như quy định hiện hành.

+ Đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của người lao động, tạo tâm lý thoải mái, nâng cao hiệu quả công việc.

(6) Về việc kiểm kê, đánh giá lại TSCĐ bộ phận sản xuất trực tiếp:

Công việc kiểm kê đánh giá lại TSCĐ của bất kỳ 1 doanh nghiệp nào cũng là việc làm cần thiết. Khi doanh nghiệp tiến hành kiểm kê thì cần đi đôi với đánh giá lại TSCĐ sẽ được thể hiện trên biên bản đánh giá lại TSCĐ:

***Biên bản đánh giá lại TSCĐ**

Mục đích của biên bản này nhằm xác nhận việc đánh giá lại TSCĐ và làm căn cứ để ghi sổ kế toán và các tài liệu liên quan số chênh lệch (tăng, giảm) do đánh giá lại TSCĐ.

Sau đây là mẫu biên bản đánh giá lại TSCĐ (trang bên)

Sau khi đánh giá xong, Hội đồng có trách nhiệm lập biên bản ghi đầy đủ các nội dung và các thành viên trong hội đồng ký, ghi rõ họ tên và biên bản đánh giá lại TSCĐ.

Biên bản đánh giá lại TSCĐ được lập thành 2 bản, 1 lưu lại phòng kế toán để ghi sổ kế toán, 1 bản lưu cùng với hồ sơ kỹ thuật của TSCĐ.

(*) Tác dụng của việc kiểm kê, đánh giá lại TSCĐ bộ phận trực tiếp:

- Xác định số lượng thừa thiếu TSCĐ, thực trạng TSCĐ cần sửa chữa bảo dưỡng
- Đánh giá được giá trị hiện tại của TSCĐ thực tế của doanh nghiệp trên thị trường
- Đưa ra các biện pháp thích hợp cho quá trình sử dụng và quản lý .

Đơn vị:.....
 Bộ phận:.....

Mẫu số: 04-TSCĐ
 (Ban hành theo QĐ số 115/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ LẠI TSCĐ

Ngày.....tháng.....năm.....

Số:.....

Nợ:.....

Có:.....

- Căn cứ quyết định số:.....ngày.....tháng.....năm.....

Của.....Về việc đánh giá lại TSCĐ

- Ông/Bà.....Chức vụ.....Đại diện.....Chủ tịch hội đồng

- Ông/Bà.....Chức vụ.....Đại diện.....Ủy viên

- Ông/Bà.....Chức vụ.....Đại diện.....Ủy viên

Đã thực hiện đánh giá lại giá trị các TSCĐ sau đây:

Số TT	Tên, ký mã hiệu quy cách (cấp hạng) TSCĐ	Số hiệu TSCĐ	Số thẻ TSCĐ	Giá trị đang ghi sổ			Giá trị còn lại theo đánh giá lại	Chênh lệch	
				Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại		Tăng	Giảm
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
	Cộng	x	x						

Ghi chú: Cột 4 “Giá trị còn lại theo đánh giá lại”. Nếu đánh giá lại cả giá trị hao mòn thì cột 4 phải tách ra làm 3 cột tương ứng cột 1, 2, 3.

Kết luận:.....

.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Ủy viên/người lập
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
 (Ký, họ tên)

(7) Kế toán công ty tính toán và trích khấu hao TSCĐ tại khu vực sản xuất trực tiếp theo đúng phương pháp đã đăng ký.

Năm 2011 công ty không thay đổi phương pháp khấu hao TSCĐ công ty đã đăng ký tại chi cục thuế quận Ngô Quyền.

Căn cứ các quy định trong Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC, theo đó doanh nghiệp xác định thời gian sử dụng của tài sản cố định;

- Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng năm cho tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trung bình hàng năm} \\ \text{của tài sản cố định} \end{array} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Thời gian sử dụng}}$$

- Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

+ Trường hợp thời gian sử dụng hay nguyên giá của tài sản cố định thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao trung bình của tài sản cố định bằng cách lấy giá trị còn lại trên sổ kế toán chia (:) cho thời gian sử dụng xác định lại hoặc thời gian sử dụng còn lại (được xác định là chênh lệch giữa thời gian sử dụng đã đăng ký trừ thời gian đã sử dụng) của tài sản cố định.

+ Mức trích khấu hao cho năm cuối cùng của thời gian sử dụng tài sản cố định được xác định là hiệu số giữa nguyên giá tài sản cố định và số khấu hao lũy kế đã thực hiện đến năm trước năm cuối cùng của tài sản cố định đó..

- Xác định mức trích khấu hao đối với những tài sản cố định đưa vào sử dụng trước ngày 01/01/2004:

* Cách xác định mức trích khấu hao:

- Căn cứ các số liệu trên sổ kế toán, hồ sơ của tài sản cố định để xác định giá trị còn lại trên sổ kế toán của tài sản cố định.

- Xác định thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định theo công thức sau:

$$T = T_2 \left(1 - \frac{t_1}{T_1} \right)$$

Trong đó:

T : Thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định

T_1 : Thời gian sử dụng của tài sản cố định xác định theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 166/1999/QĐ-BTC.

T_2 : Thời gian sử dụng của tài sản cố định xác định theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC.

t_1 : Thời gian thực tế đã trích khấu hao của tài sản cố định

- Xác định mức trích khấu hao hàng năm (cho những năm còn lại của tài sản cố định) như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trung bình hàng năm} \\ \text{của tài sản cố định} \end{array} = \frac{\text{Giá trị còn lại của tài sản cố định}}{\text{Thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định}}$$

- Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

Đề nghị phòng kế toán thu thập đầy đủ thông tin về năm sử dụng, tính toán lại thời gian sử dụng của máy móc thiết bị dựa trên giá trị đánh giá lại. Từ đó theo dõi chi tiết trên sổ cái TK214 về tình hình hao mòn TSCĐ, CCDC phục vụ sản xuất. Đồng thời doanh nghiệp nghiên cứu, xem xét để đăng ký, chuyển đổi việc tính toán và trích khấu hao theo thông tư 203/2009/TT-BTC về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cho phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

(*) Tác dụng :

+ Giúp cho doanh nghiệp làm đúng phương pháp tính khấu hao đã đăng ký.
+ Đảm bảo chính xác nguyên giá, giá trị hao mòn TSCĐ dùng trong sản xuất và độ tin cậy của thông tin trên báo cáo tài chính.

+ Theo dõi chính xác tình hình TSCĐ để có hướng sử dụng hiệu quả hơn.

+ Việc chuyển đổi thực hiện tính toán và trích khấu hao theo thông tư 203/2009/TT-BTC là phù hợp với quy định hiện hành và đồng bộ với chế độ kế toán do BTC ban hành.

KẾT LUẬN

Doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp là những chỉ tiêu quan trọng trong sản xuất kinh doanh. Nếu kế toán đúng đắn, chính xác nhà quản lý doanh nghiệp sẽ có số liệu đảm bảo để chỉ đạo sản xuất, phấn đấu tăng doanh thu, giảm chi phí, từ đó tăng lợi nhuận và uy tín của doanh nghiệp trên thị trường. Để công tác hạch toán kế toán được đầy đủ, đúng đắn và chính xác các doanh nghiệp phải luôn luôn hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Khóa luận “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTCC Hải Phòng” phần nào đã làm rõ điều đó. Khóa luận đã đề cập tới những vấn đề sau:

- Về mặt lý luận: khóa luận đã hệ thống được tương đối đầy đủ và trình tự những kiến thức cơ bản về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh hiện nay trong các doanh nghiệp hiện nay.
- Về mặt thực tế: khóa luận đã phản ánh đầy đủ, chân thực, khách quan trình tự kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTCC Hải Phòng với các số liệu, chứng từ, bảng biểu, báo cáo tài chính của năm 2011 để minh chứng cho các lập luận.
- Đối chiếu giữa lý luận và thực tế tại Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTCC Hải Phòng khóa luận đã đưa ra các kiến nghị trên các mặt:
 - + Quản lý các công trình do xí nghiệp trực thuộc tự khai thác.
 - + Cơ cấu lao động và vấn đề tiền lương, công lao động.
 - + Sử dụng tài khoản
 - + Trích lập và nộp kinh phí Công đoàn.
 - + Tính và trích khấu hao TSCĐ tại khu vực sản xuất trực tiếp.

Các kiến nghị đều có cơ sở xuất phát từ thực tế nên tính khả thi cao. Tuy nhiên, do thời gian và trình độ hạn chế nên những kiến nghị còn mang đậm màu sắc lý luận nhưng dù sao đây cũng là tài liệu để công ty và các doanh nghiệp tham khảo.

Dù đã cố gắng nghiên cứu, tìm tòi và nắm bắt tình hình thực tế tại công ty thực tập song do kiến thức và kinh nghiệm còn hạn chế nên bài khóa luận của em còn nhiều thiếu sót. Em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý cũng như phê bình của các Thầy Cô giáo để khóa luận được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn Thầy giáo Nguyễn Văn Tinh và các cô chú trong phòng kế toán của Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng GTCC Hải Phòng đã nhiệt tình hướng dẫn em hoàn thành bài khóa luận này.